



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - Số 606 / Kỳ II - 9/2021



**TÁC ĐỘNG CỦA THẢM HỌA ĐỐI VỚI
CÁC HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ:
CÁCH THỨC ỨNG PHÓ
CỦA HỆ THỐNG THỐNG KÊ QUỐC GIA**



**MỞ “LUỒNG XANH”
ĐƯA HÀNG HÓA VIỆT NAM RA THẾ GIỚI**



**XÂY DỰNG XÃ HỘI
AN TOÀN TRƯỚC THIÊN TAI**



**THẾ GIỚI ĐỐI MẶT VỚI
LẠM PHÁT TOÀN CẦU TĂNG MẠNH**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 9/2021 (606) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BUI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại **Công ty TNHH In Tân Thăng Long**

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục Thống kê Việt Nam tham dự Hội nghị quốc tế về Thống kê chính thức

3. Hội thảo Đo lường kinh tế số

5. Hội thảo trực tuyến hoàn thiện phiếu điều tra biên soạn hệ số chi phí trung gian và lập bảng cân đối liên ngành

7. Hội thảo trực tuyến Quy chế thi đua, khen thưởng ngành Thống kê

8. Tác động của thảm họa đối với các hoạt động thống kê: Cách thức ứng phó của hệ thống thống kê quốc gia

TS. Nguyễn Thị Hương

14. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia quan điểm sửa đổi, bổ sung

ThS. Trần Thị Luyến

26. Đẩy mạnh phòng vệ thương mại bảo vệ sản xuất trong nước

Thu Hòa

29. Mở "luồng xanh" đưa hàng hóa Việt Nam ra thế giới

Thu Hoàng

33. Ngành đồ gỗ nội thất Việt Nam cơ hội và thách thức

Gia Linh

36. Xây dựng xã hội an toàn trước thiên tai

Phạm Thị Mỹ Nhung

39. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Bắc Giang - Nhìn từ kết quả cuộc điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ 2020

Phạm Hoàng Tinh

43. Tin địa phương

45. Bệnh viện đa khoa huyện Mường La: Hết lòng vì người bệnh

Trịnh Long

KINH TẾ - XÃ HỘI

16. Sản xuất xanh mắt xích quan trọng để tăng trưởng xanh

Ngọc Linh

19. Thương mại Việt Nam-EU sau một năm thực thi hiệp định EVFTA

Ngân An

22. Dấu ấn ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020

Bích Ngọc

QUỐC TẾ

47. Thế giới đối mặt với lạm phát toàn cầu tăng mạnh

Tiến Long

50. Kỳ vọng phục hồi kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á bị chặn đứng bởi Covid-19

Giá: 24.000 đ

TỔNG CỤC THỐNG KÊ VIỆT NAM THAM DỰ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ THỐNG KÊ CHÍNH THỨC

Ngày làm việc thứ nhất, sáng ngày 31/8/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê Việt Nam (TCTK) đã tham dự phiên họp trực tuyến Hội nghị quốc tế về Thống kê chính thức tổ chức tại Hàn Quốc.

Dự phiên khai mạc có bà Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng TCTK; ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng TCTK; đại diện lãnh đạo và chuyên viên Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế, TCTK.

Phát biểu chào mừng Hội nghị, ông Keunkwan Ryu, Tổng cục trưởng Cơ quan Thống kê Hàn Quốc vui mừng chào đón các đại biểu tham dự Hội nghị quốc tế về Thống kê chính thức và chia sẻ những kinh nghiệm của Thống kê Hàn Quốc trong việc sẵn sàng ứng phó nhanh chóng đại dịch Covid-19...

Phát biểu khai mạc Hội nghị, ông Stefan Schweinfest, Thủ trưởng cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD) cho biết, Hội nghị năm nay sẽ tập trung vào vai trò của dữ liệu thống kê trong việc hiểu và giảm thiểu rủi ro khi đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng đến cuộc sống và hạnh phúc của người dân trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh đó, hội nghị cũng nhấn mạnh sự cố gắng liên tục của số liệu thống kê cho hệ thống thống kê toàn cầu và sự sẵn sàng đối mặt với những thách thức mới nổi. Ông cho rằng, hệ sinh thái và hệ thống thống kê cần phải nhanh chóng giải quyết các nhu cầu về dữ liệu thống kê để ứng phó với các tình huống khẩn cấp...



Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Việt Nam Nguyễn Thị Hương trình bày bài phát biểu tại Hội nghị

Sau phiên khai mạc, Hội nghị tiếp tục với 3 phiên họp, tập trung vào một số nội dung chính: (1) Vai trò của dữ liệu, cộng đồng thống kê và hệ sinh thái quốc gia; các khuôn khổ quốc tế và khuyến nghị bằng phân loại. (2) Vai trò của dữ liệu tích hợp trong việc cung cấp thông tin phục vụ quá trình ra quyết định đối với rủi ro thiên tai, khả năng chống chịu và ứng phó. (3) Kinh nghiệm quốc gia từ đại dịch Covid-19, thiết kế các biện pháp giảm thiểu rủi ro, kế hoạch cứu trợ và phục hồi.

Ngày làm việc thứ hai, Hội nghị diễn ra các phiên họp 4 và 5 gồm các nội dung: (1) Tác động của thảm họa đối với các hoạt động thống kê: Cách ứng phó của Hệ thống Thống kê quốc gia; (2) Thúc đẩy quá trình chuyển đổi và thích ứng với những thách thức mới: Các giải pháp dữ liệu mới và quan hệ đối tác.

Tại phiên họp 4 - Tác động của thảm họa đối với các hoạt động thống kê: Cách ứng phó của Hệ thống Thống kê quốc gia, dưới sự

điều hành của ông Grant Cameron - Giám đốc Mạng lưới các giải pháp phát triển bền vững (SDSN/Trends), các đại biểu được nghe các đại diện đến từ Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD); Viện Thống kê quốc gia Chi-lê; Tổng cục Thống kê Việt Nam và Cơ quan Thống kê Jamaica trình bày các bài phát biểu đề cập đến những tác động thảm họa đối với hoạt động thống kê mỗi quốc gia cũng như cách ứng phó của các cơ quan thống kê quốc gia trong bối cảnh đại dịch hiện nay.

Trong phiên họp này, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Việt Nam Nguyễn Thị Hương đã trình bày bài tham luận với các nội dung: (1) Tác động của thảm họa đối với hoạt động thống kê; (2) Phản ứng của Tổng cục Thống kê; (3) Khuyến nghị của Tổng cục Thống kê Việt Nam đối với các tổ chức quốc tế.

Trong bài tham luận trình bày tại Hội nghị, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương khẳng định vai trò quan trọng của Tổng cục

Thống kê Việt Nam trong việc cung cấp thông tin thống kê trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ lãnh đạo các cấp, các ngành đưa ra những chính sách dựa trên bằng chứng để quản lý, điều hành nền kinh tế; đặc biệt là chủ động đánh giá tác động, phân tích ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh trong ngắn hạn và dài hạn. Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê Việt Nam đã nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhằm nâng cao chất lượng số liệu, nâng cao hiệu quả chi phí của việc sản xuất số liệu thống kê và khai thác tối đa các nguồn dữ liệu hiện có; linh hoạt trong áp dụng hình thức điều tra thống kê, công bố và phổ biến thông tin thống kê.

Tổng cục Thống kê cũng đề xuất 4 khuyến nghị đối với các tổ chức quốc tế gồm: Xây dựng và áp dụng các phương pháp thống kê mới; Hỗ trợ đào tạo, xây dựng năng lực về công tác thống kê; Thiết lập một cơ chế hợp tác bền vững; Đầu tư phát triển năng lực ứng phó với thảm họa.

Sau phiên họp 4, các đại biểu tiếp tục tham gia phiên họp thứ 5 với nội dung Thúc đẩy quá trình chuyển đổi và thích ứng với những thách thức mới: Các giải pháp dữ liệu mới và quan hệ đối tác dưới sự điều hành của bà Jenna Slotin, Giám đốc cấp cao về chính sách của GPSDD (tổ chức Hợp tác toàn cầu về dữ liệu phát triển bền vững).

Ngày làm việc thứ 3, ngày 02/9/2021, Hội thảo đã dành thời gian để thảo luận phiên 6 với nội dung “Xây dựng dữ liệu có khả năng chống chịu và các Hệ thống Thống kê: Bài học về ứng phó với khủng hoảng ở hiện tại” và phiên 7 với nội dung “Giải quyết các yêu cầu kỹ thuật mới và tài chính, định hướng tương lai”.

Các phiên họp đã nhận được sự chia sẻ, góp ý thảo luận của các diễn giả về việc xây dựng dữ liệu có khả năng chống chịu và các hệ thống thống kê, cũng như đưa ra các bài học kinh nghiệm nhằm ứng phó với khủng hoảng ở hiện tại và định hướng tương lai.

Trong chiều cùng ngày, Hội thảo đã tổ chức Phiên bế mạc, với sự tham gia của đại diện các đoàn tham dự. Theo đó, sau 3 ngày làm việc với tinh thần tích cực, trách nhiệm và hiệu quả, Hội thảo quốc tế về Thống kê chính thức đã hoàn thành tốt các nội dung theo chương trình đề ra. Hội thảo đã được nghe nhiều bài tham luận và ý kiến phát biểu trao đổi trực tiếp trong các phiên hội thảo của diễn giả, chuyên gia quốc tế.

Nhóm PV

TẬP HUẤN SỬ DỤNG PHẦN MỀM HỘI NGHỊ, HỘI THẢO

Được sự đồng ý của Lãnh đạo Tổng cục, sáng ngày 13/9/2021, tại Hà Nội, Văn phòng Tổng cục Thống kê tổ chức lớp tập huấn sử dụng phần mềm hội nghị, hội thảo bằng hình thức trực tuyến cho đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc Tổng cục.



Thực hiện sự chỉ đạo của Tổng cục trưởng TCTK, Văn phòng Tổng cục đã phối hợp với Công ty Cổ phần MISA xây dựng, thử nghiệm và hoàn thiện phần mềm hội nghị, hội thảo nằm trong phần mềm Taskgov, nhằm tin học hóa quá trình tổ chức và quản lý các hội nghị, hội thảo của TCTK. Phần mềm hội nghị hội thảo sẽ giải quyết 04 vấn đề: (1) Cập nhật đầy đủ tài liệu của các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; (2) Ghi nhận toàn bộ ý kiến của đại biểu tham dự; (3) Tư liệu hóa các cuộc họp; (4) Thống kê số lượng cuộc họp, đại biểu tham dự, thành phần tham dự. Phần mềm hội nghị, hội thảo này sẽ nằm trong hệ sinh thái quản lý điều hành của TCTK, đảm bảo sử dụng trên của website và thiết bị di động.

Tại buổi tập huấn, đại diện Công ty MISA đã giới thiệu, hướng dẫn cách sử dụng phần mềm hội nghị, hội thảo và dành nhiều thời gian để các đại biểu thực hành sử dụng phần mềm cũng như giải đáp những vướng mắc liên quan.

Cũng trong buổi chiều ngày 13/9/2021, Văn phòng TCTK sẽ tổ chức buổi tập huấn phần mềm hội nghị, hội thảo bằng hình thức trực tuyến cho 22 Cục Thống kê tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng Sông Hồng, Đông Bắc và Tây Bắc.

Theo kế hoạch, Văn phòng TCTK sẽ tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn phần mềm cho các Cục Thống kê phía Nam, hoàn thiện phần mềm trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các đại biểu. Dự kiến phần mềm quản lý hội nghị, hội thảo sẽ được áp dụng trong toàn ngành Thống kê từ đầu năm 2022./

B.N

HỘI THẢO ĐO LƯỜNG KINH TẾ SỐ

Kinh tế số và đo lường kinh tế số là một trong những vấn đề đang được xã hội đặc biệt quan tâm, để làm rõ hơn khi triển khai xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê về kinh tế số, chiều ngày 1/9/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo trực tuyến Đo lường kinh tế số. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; các thành viên của Tổ biên tập xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê về kinh tế số; Cục Thống kê tỉnh Hải Dương.

Về phía Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ông Cao Viết Sinh nguyên Tổ trưởng Tổ tư vấn của Bộ trưởng, nguyên Thứ trưởng Bộ, Tổ trưởng Tổ tư vấn chuyên gia tư vấn của Bộ trưởng; đại diện Vụ Khoa học, Giáo dục và Tài nguyên Môi trường.

Về phía các Bộ, ban, ngành có ông Đỗ Ngọc An - Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương; đại diện các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Phát biểu khai mạc tại Hội thảo, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cho biết, trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 13 đã nêu rõ định hướng về các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (giai đoạn 2021-2025), trong đó có quy định đến năm 2025, kinh tế số chiếm 25% GDP và để đo lường được đóng góp của kinh tế số đối với GDP cần thiết phải xây dựng khung đo lường kinh tế số với góc nhìn toàn diện, đó là quy mô nền kinh tế số, hạ tầng số và các chỉ tiêu có liên quan. Thực hiện yêu cầu đặt ra, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cho biết, TCTK đã chủ động

thành lập Tổ công tác về đo lường kinh tế số để xây dựng khung đo lường kinh tế số ở Việt Nam ngay từ năm 2020. Đồng thời đề xuất một số chỉ tiêu và khản trương đề xuất để sửa đổi Luật Thống kê nhằm đo lường và thống nhất triển khai thực hiện ở các Bộ, ngành cũng như các cơ quan có liên quan.

Đến nay, việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê về kinh tế số đã làm được một số công việc như: thành lập Tổ biên tập xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê kinh tế số; Tiến hành được khoảng 8 cuộc hội thảo (Tổ, Bộ Thông tin và Truyền thông...); Đề xuất 24 chỉ tiêu kinh tế số quy định trong Luật Thống kê sửa đổi và đề xuất hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số gồm 54 chỉ tiêu thống kê.

Kết quả đề xuất, về danh mục gồm 5 nhóm với 54 chỉ tiêu. Cụ thể: Quy mô kinh tế số (10 chỉ tiêu); Hạ tầng số (6 chỉ tiêu); Mức độ phổ cập phương tiện số (20 chỉ tiêu); Mức độ phổ cập dịch vụ trực tuyến (15 chỉ tiêu); Kỹ năng và nguồn nhân lực số (3 chỉ tiêu). Trong đó, kế thừa kinh nghiệm quốc tế trong rà soát ban đầu có 28 chỉ tiêu của G20 và 30 chỉ tiêu của EU.

Nội dung mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo các tiêu chí như: Khái niệm, phương pháp tính; phân tổ chủ yếu; kỳ công bố; nguồn dữ liệu và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.

Dự kiến cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp gồm: TCTK (38/54 chỉ tiêu); Bộ Thông tin và Truyền thông (08/54 chỉ tiêu); Bộ Giáo dục và Đào tạo (03/54 chỉ tiêu); Ngân hàng Nhà nước VN (01/54 chỉ tiêu); Bộ Y tế (01/54 chỉ tiêu); Bộ Công Thương (02/54 chỉ tiêu); Bộ Khoa học và Công nghệ (01/54 chỉ tiêu).

Tại Hội thảo, các đại biểu đã nghe trình bày về các nội dung như: Một số nội dung cơ bản về đo lường kinh tế số; Kế hoạch tiếp theo để triển khai đo lường kinh tế số và Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế số Việt Nam. Thảo luận và cho ý kiến tại Hội thảo, các đại biểu đánh giá cao công tác chuẩn bị nội dung tài liệu Hội thảo của TCTK và khẳng định đo lường kinh tế số là vấn đề khó nhưng rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Liên quan đến các nội dung trình bày tại Hội thảo, các đại biểu cho rằng vấn đề kỹ năng nguồn nhân lực, trong đó có kỹ năng của người dân về mặt nội hàm cần xem xét thêm để đảm bảo kỹ năng tối thiểu về kinh tế số. Ngoài ra, các đại biểu cũng lưu ý tới các vấn đề cần được quan tâm như: Trao quyền, giàu nghèo trong tiếp cận kinh tế số, an toàn kinh tế số... Nhìn chung về cơ bản các đại biểu nhất trí với các nội dung TCTK đưa ra tại Hội thảo.

Kết thúc Hội thảo, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đánh giá cao ý kiến đóng góp của các đại biểu tại hội thảo và bày tỏ mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến đóng góp và hợp tác chặt chẽ của các đại biểu vào triển khai xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê về kinh tế số của TCTK trong thời gian tới.

Về triển khai công việc tiếp theo, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đề nghị, trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đại biểu, nhóm nghiên cứu sẽ có báo cáo chốt lại khái niệm, nội hàm, phạm vi; cách thức đo lường từ các đơn vị trong điều tra và tổng điều tra; làm rõ những chỉ tiêu nào tổng điều tra mới có được.../.

M.T

TỔNG CỤC THỐNG KÊ VÀ UBND TỈNH QUẢNG NINH HỌP TRỰC TUYẾN VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH QUẢNG NINH

Chiều 10/9/2021, Tổng cục Thống kê (TCTK) và UBND tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức họp trực tuyến về tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Ninh. Cuộc họp được kết nối trực tuyến tại 2 điểm cầu trụ sở TCTK và trụ sở UBND tỉnh Quảng Ninh, với mục đích tham vấn, trao đổi ý kiến của TCTK trong việc phân tích, đánh giá các yếu tố ngành, lĩnh vực tác động, ảnh hưởng đến chỉ tiêu giá trị tăng trưởng của tỉnh Quảng Ninh ước tính năm 2021 và dự báo chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022.

Chủ trì cuộc họp tại điểm cầu TCTK có Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương; Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, đại diện lãnh đạo một số Vụ thuộc TCTK tham dự cuộc họp. Tại điểm cầu UBND tỉnh Quảng Ninh có ông Nguyễn Xuân Ký, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Ninh; ông Nguyễn Tường Văn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh – chủ trì tại điểm cầu tỉnh Quảng Ninh, bà Trịnh Thị Minh Thanh, Phó Bí thư tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh, cùng lãnh đạo thuộc UBND, thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Tại cuộc họp, UBND tỉnh Quảng Ninh đã Báo cáo các kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) 9 tháng và cả năm 2021, dự báo năm 2022.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch kịch bản tăng trưởng kinh tế, trước diễn biến mới, phức tạp của dịch bệnh Covid-19, tỉnh đã tập trung chỉ đạo, liên tục bổ sung, cập nhật những giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu đề ra.



Đối với công tác thống kê, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định đây là một trong những công cụ quản lý quan trọng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành để đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân, những năm qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác thống kê luôn được các cấp, các ngành của tỉnh quan tâm, chỉ đạo.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thống kê của Tỉnh cũng tồn tại một số hạn chế trong công tác phân tích, đánh giá, nhận định, dự báo thống kê với chất lượng, hiệu quả chưa cao; một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa nhận thức hết vai trò, trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin, số liệu thống kê, ảnh hưởng đến công tác thu thập, báo cáo số liệu thống kê.

Phát biểu tại cuộc họp, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chúc mừng những thành tích của tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2016-2020; đồng thời, đánh giá cao tinh thần chủ động của Tỉnh trong việc đề xuất cùng tổ chức cuộc họp để TCTK có cơ hội tham vấn kỹ thuật cho Tỉnh

trong công tác chỉ đạo, điều hành nhằm huy động mọi nguồn lực để đạt được mức tăng trưởng tốt nhất có thể.

Tại cuộc họp các đại biểu tham dự tại hai điểm cầu TCTK và UBND tỉnh Quảng Ninh đã có những trao đổi, phân tích, đánh giá các yếu tố, ngành, lĩnh vực tác động, ảnh hưởng đến chỉ tiêu giá trị tăng trưởng sản phẩm của tỉnh Quảng Ninh. Đặc biệt, đối với những kịch bản tăng trưởng UBND tỉnh Quảng Ninh dự kiến, TCTK đã có những phân tích, tham vấn, gợi ý, trao đổi cụ thể nhằm làm rõ thêm những chỉ tiêu theo mỗi ngành, lĩnh vực... để Quảng Ninh có thể đạt được kết quả tăng trưởng cao nhất.

Phát biểu tại cuộc họp, Bí thư tỉnh ủy Quảng Ninh, Nguyễn Xuân Ký cho biết, trong bối cảnh cả nước đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, song Quảng Ninh đã và đang đảm bảo được sự an toàn cao nhất để duy trì sản xuất, sinh hoạt của toàn bộ người dân trong tỉnh. Trong điều kiện an toàn cao nhất có thể, Quảng Ninh sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng nghỉ để có thể đẩy mạnh tăng trưởng, góp phần vào tăng trưởng kinh tế cả nước./.

Thu Hòa



HỘI THẢO TRỰC TUYẾN HOÀN THIỆN PHIẾU ĐIỀU TRA BIÊN SOẠN HỆ SỐ CHI PHÍ TRUNG GIAN VÀ LẬP BẢNG CÂN ĐỐI LIÊN NGÀNH

Trong các ngày 03-05/9/2021, Tổng cục Thống kê đã tổ chức Hội thảo hoàn thiện phiếu điều tra biên soạn hệ số chi phí trung gian và lập bảng cân đối liên ngành bằng hình thức trực tuyến. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến; Lãnh đạo và chuyên viên một số đơn vị thuộc TCTK cùng sự tham gia và tham vấn của một số chuyên gia: TS. Bùi Trinh; TS. Vũ Quang Việt- nguyên vụ trưởng vụ TKQG của Thống kê Liên hợp quốc.

Điều tra biên soạn hệ số chi phí trung gian và lập bảng cân đối liên ngành (gọi tắt là điều tra IO) là một trong các cuộc điều tra quan trọng của ngành Thống kê có chu kỳ 5 năm (vào các năm tận cùng là 3 và 8), được quy định trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, Tổng cục Thống kê đã thực hiện 5 cuộc điều tra IO cho các năm 1989, 1997, 2000, 2007 và 2012. Theo Chương trình điều tra thống kê quốc gia, cuộc điều tra IO lần thứ 6 sẽ thực hiện vào năm 2018. Tuy nhiên, do năm 2020 Tổng cục Thống kê tiến hành chuyển đổi năm gốc so sánh và theo khuyến nghị của cơ quan Thống kê Liên hiệp quốc, bảng IO là công cụ hiệu quả và chuẩn nhất để thực hiện công việc này, Tổng cục Thống kê đã quyết định lùi thời điểm thực hiện cuộc điều tra IO lần 6 từ năm 2018 sang năm 2021 (số liệu thu thập cho năm 2020).

Ngoài việc đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chuyển đổi năm gốc so sánh, điều tra IO năm 2020 sẽ cập nhật toàn bộ hệ số chi phí trung gian cho 8 vùng và cả nước phục vụ biên soạn Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và Tổng sản phẩm trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP); là công cụ mô tả đầy đủ cấu trúc kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2015-2020 (đây là giai đoạn kinh tế Việt Nam có khá nhiều biến động so với những giai đoạn trước đó) phục vụ cho việc phân tích sự thay đổi cấu trúc kinh tế, cấu trúc tiêu dùng, các ảnh hưởng xuôi, ngược, lan tỏa... trong nền kinh tế, tác động của các loại chính sách đến các hoạt động kinh tế...

Tuy nhiên, sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 vào cuối năm 2019, đầu năm 2020 đã ảnh hưởng lớn đến kế hoạch điều tra IO của Tổng cục Thống kê. Cụ thể, năm 2020, do ảnh hưởng của Covid-19

đến các hoạt động kinh tế, cấu trúc kinh tế đã bị thay đổi (đặc biệt đối với một số ngành dịch vụ) nên sẽ không thể đại diện cho các năm trước đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, còn một số khó khăn khác như cách thức thu thập thông tin trong bối cảnh dịch bệnh, thời gian xây dựng phần mềm thu thập thông tin, kinh phí thực hiện điều tra... Với tầm quan trọng của cuộc điều tra IO và qua tham vấn các chuyên gia trong nước và quốc tế, Tổng cục Thống kê thống nhất vẫn tiến hành điều tra IO năm 2021 theo kế hoạch.

Trong buổi họp các buổi họp 03-04/9/2021, các đại biểu đã thảo luận về phiếu doanh nghiệp (phiếu 02), phiếu cơ sở cá thể phi NLTS và hộ NLTS (phiếu 4.1 và 4.2). Sau 02 buổi họp trên, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương yêu cầu Vụ Thống kê Tài khoản quốc gia hoàn thiện thiết kế các mẫu theo từng loại, rà soát hình thức phiếu, cách tiếp cận thông tin,

tính logic, đảm bảo việc thu thập đầy đủ các thông tin điều tra vừa thuận lợi cho các cơ sở/hộ dễ dàng cung cấp thông tin. Tổng cục trưởng cũng yêu cầu các vụ chuyên ngành có sự phối hợp chặt chẽ cùng Vụ Thống kê Tài khoản quốc gia trong thiết kế, rà soát lại mẫu và tham gia trong quá trình thu thập thông tin, làm sạch dữ liệu trên cơ sở có sự tham vấn ý kiến của một số chuyên gia trong lĩnh vực này...

Trong buổi họp ngày 05/9, thực hiện tinh thần chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng cục, các đại biểu tiếp tục tập trung trao đổi các vấn đề trọng tâm đặt ra đối với các phiếu: (1) Thu thập thông tin về chi phí hoạt động năm 2019 áp dụng các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, hội, doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm và tổ chức tín dụng (Phiếu 3); (2) Thu thập thông tin chi tiêu dùng cuối cùng của hộ dân (Phiếu 5); (3) Thu thập thông tin tổ chức vô vị lợi (Phiếu 6).

Sau thời gian trao đổi, thảo luận rất tích cực và nghiêm túc của các đại biểu tham gia hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao Vụ Thống kê Tài khoản quốc gia đã rất nỗ lực xây dựng các phiếu điều tra và đề nghị Vụ Thống kê Tài khoản quốc gia cùng các vụ liên quan tiếp tục phối hợp rà soát mẫu, làm rõ phạm vi điều tra, điều chỉnh sắp xếp bảng hỏi hợp lý... đặc biệt đối với Phiếu thu thập thông tin chi tiêu dùng cuối cùng của hộ dân, để nhanh chóng thực hiện điều tra theo đúng kế hoạch đặt ra./.

B.N

Tổng cục Thống kê tham dự hội thảo trực tuyến góp ý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê

Chiều ngày 9/9/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tham dự hội thảo trực tuyến góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

Tham dự Hội thảo trực tuyến, về phía TCTK, có Bà Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng TCTK; ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng TCTK; đại diện lãnh đạo và chuyên viên một số đơn vị thuộc TCTK.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã nghe một số tham luận được trình bày bởi các chuyên gia, tập trung vào các nội dung: Đánh giá 05 năm thực hiện và sửa đổi, bổ sung Luật Thống kê; Quy định về chỉ tiêu sản phẩm trong nước, Tổng sản phẩm trên địa bàn và các thành tố của khu vực kinh tế chưa được quan sát; Tham gia ý kiến về Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; Rà soát, bổ sung các chỉ tiêu phản ánh an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp bền vững trong Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phù hợp với các cam kết quốc tế; Tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu môi trường trong Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phù hợp với thực tiễn và các cam kết quốc tế; Hoàn thiện bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia từ góc nhìn bình đẳng giới; Góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; Rà soát, bổ sung Nhóm chỉ tiêu phản ánh chuyển đổi số, kinh tế số trong Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia - Kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam; Khuyến nghị của Ngân hàng thế giới (WB) về hệ thống chỉ tiêu quốc gia trong bối cảnh đại dịch covid-19.

Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đã có bài tham luận Quy định về chỉ tiêu sản phẩm trong nước, Tổng sản phẩm trên địa bàn và các thành tố của khu vực kinh tế chưa được quan sát. Bài tham luận gồm một số nội dung chính như: Quy định về trách nhiệm thu thập, tổng hợp chỉ tiêu GDP và GRDP; khái niệm, nội dung và phương pháp biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP; Các thành tố của khu vực kinh tế chưa được quan sát trong GDP.

Các bài tham luận đã đưa ra những góc nhìn đa chiều, có chất lượng cho Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

Hội thảo cũng đã dành thời gian để các đại biểu tham dự thảo luận, đóng góp ý kiến cho Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương ghi nhận và đánh giá cao các bài tham luận của các chuyên gia với nhiều góc nhìn khác nhau và cho biết TCTK sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê trong thời gian tới./.

Thu Hường



HỘI THẢO TRỰC TUYẾN QUY CHẾ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NGÀNH THỐNG KÊ

Chiều ngày 7/9/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo trực tuyến Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo trực tuyến có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; Thủ trưởng và chuyên viên làm công tác thi đua khen thưởng của các đơn vị thuộc TCTK; Cục trưởng và công chức làm công tác thi đua khen thưởng của 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại điểm cầu địa phương.

Tại Hội thảo, đại diện TCTK trình bày Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các đơn vị về Dự thảo Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê, gồm 4 nội dung chính: Căn cứ sửa đổi quy chế; Một số nội dung thay đổi so với quy chế cũ; Quá trình xin ý kiến; Một số ý kiến góp ý, tiếp thu, giải trình chủ yếu.

Dự thảo Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê gồm 7 Chương, 46 Điều (giảm 1 điều). Trong đó, có 15 điều giữ nguyên, 31 điều sửa đổi, bổ sung.

So với Quy chế cũ, Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê mới có một số nội dung thay đổi sau: (1) Đối tượng áp dụng của Quy chế: Bổ sung "tập thể, cá nhân khác" là các tập thể, cá nhân không làm công tác thống kê nhưng có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Thống kê Việt Nam (như Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, cá nhân thuộc các tổ chức quốc tế,...). (2) Sửa đổi các điều, khoản liên quan để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Tổng cục Thống kê theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg và các đơn vị thuộc Tổng cục. Trong đó, nội dung thay đổi



quan trọng là sắp xếp lại Khối thi đua Trung ương, bao gồm 04 Khối (Phụ lục 1 của Quy chế). (3) Bổ sung hình thức khen thưởng là Giấy khen của Tổng cục trưởng (Điều 24) để phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng và Thông tư số 07/2018/TT-BKHĐT. Theo quy định, Giấy khen được tiến hành thường xuyên, đột xuất cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn và hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề (các cuộc Tổng điều tra, điều tra thống kê), hoàn thành tốt công việc đột xuất. (4) Sửa đổi các điều, khoản, điểm để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về ĐKT và thực tiễn của Ngành...

Cũng tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã đưa ra những góp ý, đề xuất về các nội dung trong Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các đơn vị về Dự thảo Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê. Đại đa số các đại biểu tham dự đều nhất trí với những nội dung đã được tiếp thu và giải trình trong Báo cáo.

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao Dự thảo Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê, cũng như các ý kiến đóng góp khá đầy đủ của các đại biểu tham dự. Tuy nhiên,

để triển khai có hiệu quả, đảm bảo tính khả thi của quy chế, cần phải dựa vào các căn cứ theo các quy định văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, Phó Tổng cục trưởng cũng đề xuất các đơn vị trong Ngành sẽ được chấm điểm thi đua hàng tháng và công bố hàng quý nhằm biết được vị trí của đơn vị mình đang ở đâu để phấn đấu; cũng như đổi mới phần mềm chấm điểm thi đua nhằm minh bạch trong công tác chấm điểm...

Kết luận tại Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương ghi nhận và đánh giá cao các ý kiến đóng góp rất chất lượng và có tính hai chiều của các đại biểu tham dự. Để động viên, khích lệ và suy tôn các tổ chức, cá nhân trong ngành, Tổng cục trưởng đề nghị các đơn vị trong toàn Ngành cần tiếp tục rà soát các nội dung trong Dự thảo Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê và đưa ra thời điểm áp dụng cho phù hợp, đảm bảo vừa kịp thời áp dụng trong thời điểm hiện tại nhưng cũng phù hợp với sự thay đổi trong thời gian tới. Đồng thời, phải lường trước những bất cập còn tồn tại, những nội dung trong Quy chế chưa xác định được ngay thì cần có cơ chế mở để có thể thay đổi phù hợp với những văn bản quy phạm pháp luật hiện hành...

T.H

TÁC ĐỘNG CỦA THẢM HỌA ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ: CÁCH THỨC ỨNG PHÓ CỦA HỆ THỐNG THỐNG KÊ QUỐC GIA

TS. Nguyễn Thị Hương

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê



Trong những năm qua, nhiều thảm họa xuất hiện với mức độ tàn khốc, ảnh hưởng tiêu cực tới cuộc sống người dân và kinh tế - xã hội các quốc gia trên thế giới. Không chỉ hứng chịu những thảm họa từ biến đổi khí hậu như nắng nóng khắc nghiệt, cháy rừng, lũ lụt, từ năm 2020 đến nay thế giới tiếp tục phải đối mặt với dịch Covid-19 hiện đang diễn biến phức tạp làm kinh tế toàn cầu suy thoái nghiêm trọng, số người bị lây nhiễm và tử vong tăng cao.

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều thiên tai trên thế giới. Với đường bờ biển dài 3.260 km, địa hình đa dạng,

phức tạp nên thiên tai xảy ra ở nhiều dạng như bão, lũ lụt, mưa lớn, sạt lở và hạn hán. Trong 20 năm qua, Việt Nam đã phải hứng chịu hàng trăm cơn bão, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Theo báo cáo của Tổ chức GermanWatch (2020), Việt Nam thuộc nhóm 10 nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất bởi các sự kiện thảm họa với tổn thất ước tính khoảng 1% GDP. Bên cạnh đó, tác động của dịch Covid-19 làm tăng trưởng kinh tế năm 2020 chỉ đạt 2,91%, thấp nhất từ trước đến nay.

Sức khỏe, tính mạng của người dân, kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới bị ảnh hưởng

nghiêm trọng do thảm họa đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi Chính phủ các nước phải có những hành động thiết thực với những kế hoạch cụ thể để ngăn chặn và giảm thiểu thiệt hại, trong đó nhấn mạnh vai trò quan trọng của Cơ quan Thống kê quốc gia đối với những kế hoạch đó.

I. Tác động của thảm họa tới các hoạt động thống kê

1. Tác động của thảm họa tới công tác hỗ trợ thực hiện hoạt động thống kê

(1) Công tác tuyển dụng, đào tạo nhân lực thống kê: Công tác tuyển dụng công chức ở Tổng cục Thống kê (TCTK) được tiến hành 2 năm một lần. Trong bối cảnh thảm họa xuất hiện, công tác tuyển dụng nhân sự để thực hiện hoạt động thống kê chịu ảnh hưởng không nhỏ. Từ năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức phải hủy bỏ do thực hiện giãn cách xã hội, phòng chống dịch bệnh lây lan dẫn đến một số Cục Thống kê thiếu hụt nhân lực. Khác với khu vực doanh nghiệp có thể tuyển dụng nhân sự bằng hình thức trực tuyến hoặc thuê ngoài, quy trình tuyển dụng theo xu hướng chung để tiết kiệm chi phí, quy trình tuyển dụng công chức, viên chức của Cơ quan hành chính Nhà nước, cụ thể là ở Tổng cục Thống kê chỉ có thể tuyển dụng



bằng hình thức trực tiếp. Số lượng nhân lực của một số đơn vị trực thuộc TCTK thiếu hụt so với định mức quy định, trong khi khối lượng công việc lớn, đặc biệt nhiều nhiệm vụ mới phát sinh nên đã gặp không ít khó khăn khi triển khai thực hiện các công việc được giao.

Tổng cục Thống kê xây dựng Kế hoạch đào tạo, đào tạo lại để nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức theo hình thức trực tiếp. Tuy nhiên, khi đại dịch xuất hiện đã làm ảnh hưởng đến việc triển khai Kế hoạch và tham gia trực tiếp các khóa đào tạo của học viên.

Từ cuối tháng 4 năm 2021 đến nay, Việt Nam đã trải qua đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 với những diễn biến phức tạp. Số ca dương tính với dịch Covid-19 trong Tổng cục Thống kê là 5 ca, cùng với nhiều trường hợp tiếp xúc gần nên để phòng tránh dịch lây lan, một số công chức, viên chức phải cách ly. Tình trạng đó làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hoạt động thống kê trong những tháng vừa qua.

(2) Công tác tổ chức, điều hành hội nghị, hội thảo thực hiện các hoạt động thống kê: Từ năm 2020 đến nay, công tác tổ chức, điều hành hội nghị, hội thảo hỗ trợ các hoạt động thống kê đã bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Những hội nghị, hội thảo không thực sự cần thiết phải hủy bỏ; kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo và các chuyến công tác trong nước, quốc tế phải cắt giảm để bổ sung nguồn lực phòng chống dịch bệnh. Một số hội nghị, hội thảo đã thay đổi về hình thức, chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến; giới hạn số lượng thành viên tham dự để thực hiện giãn cách xã hội theo quy định của Chính phủ.

(3) Nguồn tài chính thực hiện các hoạt động thống kê

Dịch Covid-19 hiện đang đặt ra những thách thức chưa có tiền lệ và những khó khăn to lớn đối với nền kinh tế nói chung và nguồn tài chính thực hiện các hoạt động thống kê nói riêng. Trong bối cảnh khó khăn chung, dự toán chi ngân sách nhà nước cho các hoạt động thống kê của TCTK trong năm 2021 sụt giảm nhiều so với các năm trước. Kinh phí điều tra thống kê cho các cuộc điều tra thường xuyên và định kỳ, tổng điều tra kinh tế của TCTK trong năm 2021 đã cắt giảm hơn 50% so với dự toán; đồng thời, cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, hội thảo, công tác trong nước và quốc tế. Chi phí thực hiện điều tra thường xuyên năm 2021 cũng bị cắt giảm nên TCTK gặp nhiều khó khăn trong công tác triển khai thực hiện các cuộc điều tra, nhất là đối với việc trưng tập điều tra viên thống kê cho các cuộc điều tra thực hiện phiếu điều tra bằng phiếu giấy.

(4) Phối hợp giữa Cơ quan Thống kê quốc gia với tổ chức thống kê Bộ, ngành trong cung cấp thông tin thống kê; với tổ chức quốc tế khi có thảm họa xuất hiện.

Dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng đến các hoạt động thống kê, mà còn ảnh hưởng đến sự phối hợp, chia sẻ giữa Cơ quan Thống kê quốc gia với Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế và đối tác phát triển do không thường xuyên trực tiếp trao đổi, thảo luận. Các biện pháp giãn cách xã hội, làm việc tại nhà đã làm gián đoạn sự kết nối giữa TCTK, Bộ, ngành và các tổ chức quốc tế trong triển khai các hoạt động thường xuyên và các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 còn bộc lộ những khó khăn của TCTK khi ứng dụng

công nghệ thông tin để kết nối với các tổ chức quốc tế cũng như tiếp nhận hỗ trợ từ xa do đường truyền không ổn định và kinh phí thực hiện kết nối các điểm cầu họp trực tuyến tương đối lớn.

2. Tác động của thảm họa tới hoạt động thống kê

(1) *Xác định nhu cầu thông tin thống kê:* Trong bối cảnh thảm họa, dịch bệnh xuất hiện, nhu cầu thông tin về thiệt hại do thảm họa gây ra, tác động của thảm họa đến tình hình kinh tế - xã hội, đến doanh nghiệp là rất lớn và đa dạng. Năm 2020, để đáp ứng nhu cầu thông tin đột xuất của người dùng tin về ảnh hưởng của dịch Covid-19, TCTK đã tiến hành 2 lần khảo sát đánh giá tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đồng thời thực hiện lồng ghép thông tin đánh giá tác động dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm, thu nhập trong điều tra lao động việc làm hàng tháng. Do nhu cầu thông tin đột xuất, nhân lực, kinh phí và cơ chế hợp tác giữa TCTK với Bộ, ngành liên quan còn hạn chế nên việc xác định nhu cầu thông tin thống kê chưa bảo đảm đầy đủ nhu cầu của người dùng tin liên quan đến thảm họa cũng như dịch bệnh.

(2) *Thu thập thông tin thống kê:* Do tác động của các thảm họa trong thời gian gần đây, đặc biệt dịch Covid-19 nên việc thu thập thông tin thống kê tại địa bàn của Tổng cục Thống kê chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong phương án điều tra thống kê. Cụ thể: Không thể tiếp cận địa bàn, đơn vị điều tra ở các địa bàn bị ảnh hưởng bởi thảm họa; tổ chức, doanh nghiệp, người dân bị hạn chế trong việc cung cấp thông tin so với điều kiện bình thường do bản thân họ bị ảnh hưởng



bởi dịch bệnh hoặc bị hạn chế trong việc nhận hỗ trợ cung cấp thông tin từ Cơ quan Thống kê; việc kiểm soát chất lượng thông tin thống kê như giám sát, kiểm tra điều tra thực địa, đôn đốc tiến độ điều tra bị hạn chế.

Các cuộc điều tra thực hiện bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp bị ảnh hưởng nhiều nhất. Khảo sát mức sống dân cư và Tổng điều tra kinh tế năm 2021 giai đoạn 2 là những cuộc điều tra với quy mô lớn, bảng hỏi phức tạp nên chưa thể chuyển đổi sang hình thức người được phỏng vấn tự điền thông tin. Do đó, tại những địa phương có tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, các cuộc điều tra đã phải tạm thời hoãn tiến hành. Các cuộc điều tra khác với quy mô và mức độ phức tạp ít hơn mặc dù đã linh hoạt áp dụng hình thức điều tra gián tiếp như gọi điện thoại, gửi email, điều tra qua web, nhưng chất lượng thông tin không được đảm bảo như áp dụng hình thức điều tra trực tiếp.

(3) Xử lý và tổng hợp thông tin thống kê thu thập được: Hoạt động xử lý và tổng hợp thông tin thống kê thu thập từ các cuộc điều tra cũng không đảm bảo tiến độ thời gian do một số cuộc điều tra thu thập thông tin thống kê phải tạm hoãn. Chất lượng thông tin thu thập giảm sút do việc kiểm tra, kiểm soát nội dung phỏng vấn tại thực địa không được đảm bảo khi thay đổi hình thức thu thập thông tin từ phỏng vấn trực tiếp sang gián tiếp; việc kiểm tra, xác minh và cập nhật thông tin gặp nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian hơn, nhất là các cuộc điều tra nhanh, định kỳ hàng tháng.

(4) Phân tích và dự báo thống kê: Hoạt động phân tích và dự báo thống kê chịu ảnh hưởng do một số nguyên nhân sau: Nhu cầu

của người dùng tin về thông tin thống kê liên quan đến thảm họa, dịch bệnh là rất lớn. Tuy vậy, cơ chế phối hợp với Bộ, ngành về cung cấp số liệu liên quan đến thảm họa chưa kịp thời và đầy đủ; hệ thống chỉ tiêu thống kê về thảm họa chưa được xây dựng để đảm bảo phân tích và dự báo các tác động thảm họa được toàn diện; phương pháp phân tích và dự báo chưa đáp ứng được yêu cầu phân tích tình hình kinh tế - xã hội khi xuất hiện các cú sốc do năng lực phân tích, dự báo của người thực hiện còn hạn chế...

(5) Công bố và phổ biến thông tin thống kê: Mặc dù báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm; Niên giám Thống kê... được đảm bảo đúng thời gian công bố theo Lịch phổ biến thông tin thống kê hằng năm, tuy nhiên do tiến độ thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin thống kê của một số cuộc điều tra phải tạm hoãn trong bối cảnh thảm họa, dịch bệnh kéo dài nên việc công bố một số ấn phẩm thống kê không đảm bảo thời gian quy định. Bên cạnh đó, hình thức phổ biến thông tin thống kê như họp báo công bố tình hình kinh tế - xã hội quý, năm và các buổi họp báo khác của TCTK phải trì hoãn do thực hiện giãn cách xã hội theo quy định của Chính phủ. Họp báo phải tiến hành trong hội trường lớn để đảm bảo khoảng cách tối thiểu 2 mét giữa những người tham gia họp báo và phóng viên báo chí, dẫn đến buổi họp báo bị phân tán và tương tác giữa người tham gia bị hạn chế.

II. Phản ứng của Cơ quan Thống kê quốc gia

1. Vai trò của Cơ quan Thống kê quốc gia

Tổng cục Thống kê luôn khẳng định vai trò quan trọng trong đóng góp vào quá trình phát triển

của đất nước thông qua việc cung cấp thông tin thống kê trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ lãnh đạo các cấp, các ngành đưa ra những chính sách dựa trên bằng chứng để quản lý, điều hành nền kinh tế. Đặc biệt là trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, TCTK luôn thể hiện rõ vai trò quan trọng qua những số liệu, phân tích, các kiến nghị trong điều hành của Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương nhằm đảm bảo đạt mục tiêu mà Quốc hội và Chính phủ đã đặt ra.

Trong bối cảnh thảm họa, dịch bệnh diễn biến phức tạp và kéo dài, các báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, năm; kết quả điều tra, khảo sát tác động của dịch Covid-19 đến doanh nghiệp; các ấn phẩm phân tích chuyên sâu về tình hình kinh tế - xã hội; kịch bản tăng trưởng kinh tế được cập nhật liên tục trong từng giai đoạn diễn biến của dịch bệnh... đã trở thành nguồn thông tin quan trọng phục vụ Chính phủ nắm bắt những thông tin về ảnh hưởng của đại dịch đối với nền kinh tế, từ đó đặt ra những quyết sách đúng đắn, kịp thời; đó cũng là cơ sở giúp người dùng tin nhận thức được ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh để thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống theo quy định của Chính phủ.

Tác động của thiên tai, dịch bệnh là tác động tổng hợp tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của một quốc gia. Vai trò của Cơ quan Thống kê quốc gia trong việc đánh giá những tác động đó rất quan trọng, nhằm đảm bảo sự gắn kết logic các dữ liệu về thảm họa, dịch bệnh với số liệu thống kê chính thức về kinh tế, xã hội, môi trường. Những năm gần đây, số liệu thống kê chính thức đã tập trung vào

các vấn đề môi trường và khí hậu. TCTK đang nghiên cứu hướng dẫn của Thống kê Liên hợp quốc về biên soạn tài khoản tài nguyên môi trường theo Hệ thống hạch toán kinh tế môi trường (SEEA) để đo lường tài sản tài nguyên thiên nhiên, năng lượng. Trên cơ sở đó sẽ có những đánh giá chính xác, cụ thể hơn những thiệt hại về tài nguyên thiên nhiên do thảm họa gây ra.

Những tác động trực tiếp của thảm họa thường mang tính tiêu cực, nhưng tác động về lâu dài có thể bao gồm những mặt tích cực, ví dụ sau thảm họa nền kinh tế được phục hồi, tăng trưởng nhanh hơn; những phương thức hoạt động mới của nền kinh tế xuất hiện... Cơ quan Thống kê quốc gia có vai trò khảo sát, điều tra, phân tích những yếu tố mới đó, cung cấp cấp thông tin cho lãnh đạo các cấp để hoạch định chính sách xây dựng năng lực kinh tế, năng lực ứng phó tốt hơn nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của thảm họa có thể xảy ra trong tương lai.

2. Phản ứng của Cơ quan Thống kê quốc gia

Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp và kéo dài, TCTK đã nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhằm nâng cao chất lượng số liệu, nâng cao hiệu quả chi phí của việc sản xuất số liệu thống kê và khai thác tối đa các nguồn dữ liệu hiện có; linh hoạt trong áp dụng hình thức điều tra thống kê, công bố và phổ biến thông tin thống kê. Cụ thể như sau:

(1) *Thay đổi cách thức quản lý, điều hành, xây dựng hệ sinh thái điều hành, tác nghiệp:* TCTK đã áp dụng hệ thống quản lý văn bản số và ứng dụng chứng thư số chuyên dùng; xây dựng hệ thống

phần mềm quản lý công việc; áp dụng hệ thống họp trực tuyến kết nối toàn Ngành từ Trung ương tới cấp huyện (trong đó có 69 điểm cầu cấp tỉnh, 154 điểm cầu cấp huyện). Xây dựng hệ sinh thái điều hành, tác nghiệp nhằm tích hợp phần mềm quản lý công việc của ngành Thống kê; phần mềm quản lý hội nghị, hội thảo và các phần mềm quản lý, điều hành khác, từ đó hỗ trợ tích cực và hiệu quả, duy trì các hoạt động Thống kê không bị gián đoạn trong bối cảnh thảm họa, dịch bệnh.

(2) *Đối với hoạt động thu thập thông tin thống kê:* TCTK đã ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện điều tra thống kê đối với tất cả các cuộc điều tra được tiến hành khi thảm họa xuất hiện; những lưu ý áp dụng biện pháp thu thập thông tin thống kê ở địa bàn trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội để đảm bảo điều tra theo đúng phương pháp luận và thông tin thu thập được phù hợp với tình hình thực tế. Theo đó, các cuộc điều tra được thực hiện linh hoạt dưới nhiều hình thức để điều tra viên tiếp cận đơn vị điều tra, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác thu thập thông tin, thay thế điều tra trực tiếp (phỏng vấn trực tiếp) sang điều tra gián tiếp (người được phỏng vấn tự điền vào phiếu điện tử hoặc phiếu giấy, mạng xã hội, email, gọi điện thoại); tận dụng nền tảng hỗ trợ kỹ thuật số cá nhân trong hoạt động thu thập thông tin thống kê, báo cáo thống kê... Ứng dụng nền tảng web-form trong Tổng điều tra kinh tế để thu thập thông tin về doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; điều tra doanh nghiệp hàng năm; điều tra ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến doanh nghiệp. Hình thức điều tra này

vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh, vừa đảm bảo việc thu thập số liệu phục vụ việc sản xuất thông tin thống kê. Ngoài ra, giám sát viên các cấp thực hiện giám sát điều tra trực tuyến nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng điều tra trong quá trình diễn ra trên địa bàn.

(3) *Đối với hoạt động xử lý, tổng hợp thông tin thống kê:* Dữ liệu điều tra được lưu trữ tập trung tại các máy chủ của TCTK. Các hoạt động xử lý, tổng hợp thông tin thống kê chủ yếu thông qua cơ sở dữ liệu tại các máy chủ. TCTK đã triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin kết nối với máy chủ để thực hiện các hoạt động xử lý, tổng hợp thông tin thống kê từ xa. Trong đó, sử dụng giải pháp mạng riêng ảo VPN (Virtual Private Network) cho phép người dùng kết nối tới máy chủ của TCTK từ mạng ngoài (mạng Internet) để thao tác với dữ liệu như trong mạng nội bộ. VPN là hệ thống mạng có mã hóa đường truyền nên thông tin lưu chuyển trong mạng được bảo đảm an toàn. Đồng thời, người quản trị mạng có thể thiết lập các chính sách, điều khoản hoạt động và áp dụng các dịch vụ thống nhất trên toàn mạng VPN. Công chức, viên chức trong TCTK sử dụng mạng VPN phải tuân thủ các quy định dịch vụ của VPN để khai thác, tổng hợp dữ liệu điều tra trong bối cảnh thực hiện giãn cách xã hội, phòng chống thảm họa, dịch bệnh.

(4) *Đối với hoạt động phân tích và dự báo thống kê:* Ứng dụng mô hình phân tích kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới; lựa chọn phương pháp phù hợp để phân tích tình hình kinh tế - xã hội với tác động của các cú sốc thảm họa; cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế hàng quý để đánh giá tác động ảnh hưởng của

thảm họa, dịch bệnh tới các hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích tính chống chịu và khả năng đàn hồi của nền kinh tế trước dịch Covid-19; tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến nhằm nâng cao kỹ năng phân tích và dự báo thống kê; tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ xa của các tổ chức quốc tế đối với hoạt động phân tích, đánh giá tác động của thảm họa, dịch bệnh.

(5) *Đối với hoạt động phổ biến thông tin thống kê:* Tăng cường các kênh phổ biến thông tin thống kê, đảm bảo kịp thời, đầy đủ, bình đẳng, khách quan và minh bạch, đáp ứng các yêu cầu thường xuyên, đột xuất của các đối tượng dùng tin trong thời gian thảm họa xuất hiện như: Phổ biến thông tin thống kê lên mạng xã hội (Facebook), tin nhắn điện thoại, gọi điện, các phương tiện truyền thông báo chí, trang web của ngành Thống kê... Đồng thời, đa dạng hóa các hình thức phổ biến thông tin thống kê như sử dụng infographic, videographic, các ấn phẩm xuất bản dưới dạng ấn phẩm điện tử... để người dùng tin có thể tiếp cận thông tin mọi lúc, mọi nơi.

(6) *Đối với hoạt động hợp tác thống kê:* Trong hợp tác với Bộ, ngành, tăng cường sử dụng cơ sở dữ liệu hành chính, thực hiện việc phối hợp, chia sẻ trao đổi, thu thập thông tin thống kê bằng hình thức trực tuyến. Đối với hoạt động hợp tác quốc tế, TCTK đã triển khai các biện pháp để thích ứng với điều kiện mới, tích cực sử dụng công nghệ thông tin trong phối hợp, duy trì hợp tác với các tổ chức quốc tế để đảm bảo không đứt gãy quá trình hợp tác và tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật. Cụ thể, các cuộc họp, học tập, hội thảo, hội nghị, diễn đàn được tổ chức dưới hình thức trực tuyến ở quy mô

và cấp độ khác nhau, có tính đến yếu tố chênh lệch múi giờ. Điều này giúp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu thời gian đi lại, tăng số lượng thành viên tham gia. Điển hình là trong năm 2020, Tổng cục Thống kê đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê, cũng là năm dịch Covid-19 xuất hiện và bùng phát trên toàn cầu. TCTK đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm họp trực tuyến khác nhau cũng như đảm bảo chất lượng đường truyền để kết nối với các tổ chức quốc tế và Cơ quan Thống kê quốc gia trong khu vực. Nhiều hội nghị, diễn đàn, cuộc họp trực tuyến đã được tổ chức trong khuôn khổ Kỳ họp lần thứ 10 Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN, họp trực tuyến với Cơ quan Thống kê các nước để xây dựng dự án hợp tác, chuyển đổi hình thức hỗ trợ từ trực tiếp sang trực tuyến. Nhờ đó, TCTK đã phối hợp rất tốt với các tổ chức quốc tế trong thời gian dịch bệnh diễn biến phức tạp, huy động được nhiều trợ giúp của các tổ chức quốc tế, đảm bảo hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai thông suốt, hiệu quả.

(7) *Đào tạo nhân lực thống kê ứng dụng công nghệ thông tin và phòng ngừa thảm họa:* Để khắc phục ảnh hưởng của thảm họa, dịch bệnh, đáp ứng yêu cầu nâng cao nghiệp vụ cho công chức, viên chức, Tổng cục Thống kê thay đổi hình thức giảng dạy, tập huấn trực tiếp sang giảng dạy bằng hình thức trực tuyến kết nối 63 Cục Thống kê trên toàn quốc. Nhờ đó, dù trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, thực hiện giãn cách xã hội nhưng nhân lực thống kê vẫn được đào tạo khi có nhu cầu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhờ ứng dụng công nghệ thông tin

nhận hoạt động bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cho công chức, viên chức không bị gián đoạn.

Thực hiện các quy định của Chính phủ về phòng chống dịch Covid-19 lây lan, Tổng cục Thống kê khuyến khích công chức, viên chức làm việc tại nhà bằng các ứng dụng như Polycam, Microsoft Teams, Skype for Business, Google meeting hoặc Zoom cùng với các nền tảng lưu trữ; hỗ trợ công chức truy cập vào dữ liệu từ xa mà vẫn đảm bảo không có các rủi ro về tính bảo mật. Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, công chức, viên chức trong toàn ngành từ Trung ương đến cấp huyện đã được tiêm vắc-xin Covid-19 để đảm bảo việc cung cấp thông tin được thông suốt. Đến thời điểm đầu tháng 9/2021, cả nước có khoảng 15 triệu người tiêm vắc-xin Covid-19 ít nhất 1 mũi, đạt 15%, riêng ngành Thống kê có 4.569 người, đạt 80%.

(8) *Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê về môi trường, thảm họa:* Để dự báo, phân tích, đánh giá tác động của thảm họa, dịch bệnh đối với kinh tế - xã hội của một quốc gia, việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu về lĩnh vực này là cấp thiết và quan trọng. Với phương pháp luận thống kê khoa học, phù hợp thông lệ quốc tế, Tổng cục Thống kê xây dựng hệ thống chỉ tiêu về thảm họa và tích hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG), đồng thời đảm bảo thực hiện các mục tiêu đặt ra trong Khung hành động Sendai về giảm nhẹ rủi ro thiên tai (2015-2030). Đây là cơ sở để Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ, ngành liên quan thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá rủi ro



thảm họa, thiệt hại về người và tài sản, về kinh tế; phổ biến các thông tin liên quan đến thảm họa trên các phương tiện truyền thông theo định kỳ.

Thiết lập hệ thống thông tin địa lý để tích hợp các dữ liệu về thảm họa, làm cơ sở phân tích và dự báo kịp thời, chính xác các tác động của thảm họa.

III. Khuyến nghị của Tổng cục Thống kê đối với các tổ chức quốc tế

1. Định hướng chiến lược hoạt động của Tổng cục Thống kê trong bối cảnh dịch bệnh, thảm họa xuất hiện

- Theo khảo sát của Phòng Thống kê Liên hợp quốc (UNSD 2016), phần lớn các Cơ quan Thống kê quốc gia trên thế giới không thực hiện việc điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin về thảm họa, dịch bệnh; chỉ có 1/3 các Cơ quan Thống kê quốc gia trên thế giới chịu trách nhiệm về lĩnh vực này. Do đó có thể thấy vai trò của Cơ quan Thống kê quốc gia chưa rõ ràng và khung chính sách toàn cầu về quản lý rủi ro chưa nhấn mạnh tầm quan trọng của Cơ quan Thống kê quốc gia trong sản xuất số liệu thống kê về thảm họa, dịch bệnh. Tại Việt Nam, Tổng cục Thống kê nhận báo cáo về thảm họa, dịch bệnh từ Tổng cục Phòng chống thiên tai và Bộ Y tế. Để phát huy vai trò là Cơ quan công bố thông tin về mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội quốc gia, đặc biệt là về thảm họa, Tổng cục Thống kê định hướng chiến lược xây dựng khung hợp tác, đầy đủ, kịp thời và hiệu quả với các Bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực này để thu thập, phân tích, công bố và phổ biến thông tin đầy đủ hơn. Từ đó, vai trò của Tổng cục Thống kê được nâng cao trong việc sản xuất, phổ biến số liệu thống kê

chính thức liên quan đến thảm họa rủi ro, dịch bệnh đáp ứng nhu cầu của người dùng tin.

- Nhu cầu thông tin về các sự kiện thảm họa của người dùng tin trong nước và quốc tế ngày càng tăng, Tổng cục Thống kê xây dựng khung đánh giá nhu cầu thông tin nói chung, nhu cầu thông tin liên quan đến rủi ro thảm họa dịch bệnh nói riêng; đồng thời cải thiện số liệu thống kê hiện có, phát triển và mở rộng thêm nhiều số liệu thống kê mới; cải tiến cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê để phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dùng tin.

2. Khuyến nghị của Tổng cục Thống kê đối với các tổ chức quốc tế

Khi thảm họa kéo dài thì các quốc gia trên thế giới cần có sự chuẩn bị về mọi mặt để thích nghi với điều kiện bình thường mới. Thảm họa kết thúc sẽ đặt ra nhiều thử thách cho các quốc gia trong việc phục hồi kinh tế nhanh và bền vững, tạo dựng nền tảng vững chắc để có thể ứng phó tốt hơn với thảm họa có thể tiếp tục xảy ra trong tương lai. Điều này đặt ra nhiều thách thức đối với hoạt động thống kê của các Cơ quan Thống kê quốc gia. Sự hợp tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh các Cơ quan Thống kê quốc gia phải đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với số liệu thống kê trong khi nguồn lực liên tục bị cắt giảm, đặc biệt trong thời gian dịch Covid-19 xuất hiện. TCTK có bốn đề xuất đối với các tổ chức quốc tế như sau:

(1) *Xây dựng và áp dụng các phương pháp thống kê mới:* Do ảnh hưởng của thảm họa dẫn đến nhiều hình thái kinh tế thay đổi, xuất hiện nhiều hoạt động kinh tế mới mà trước đó chưa có, do vậy

việc xây dựng phương pháp luận thống kê mới để đo lường những hoạt động đó là cần thiết và quan trọng đối với nền kinh tế sau thảm họa. Tổ chức quốc tế cần hỗ trợ hướng dẫn các Cơ quan Thống kê quốc gia xây dựng Khung khái niệm, định nghĩa, phương pháp tính các chỉ tiêu mới xuất hiện như kinh tế số, kinh tế chia sẻ, logistic; phương pháp luận đo lường tác động của thảm họa. Phương pháp luận đó cần được tích hợp vào hệ thống tài khoản quốc gia để đo lường các nhân tố mới xuất hiện trong nền kinh tế cũng như tác động của thảm họa tới kinh tế, xã hội, môi trường.

Bên cạnh đó, để thu thập, phân tích và tổng hợp thiệt hại kinh tế, môi trường do thảm họa gây ra, các tổ chức quốc tế cần cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về sử dụng công cụ, mô hình phân tích phù hợp, ví dụ như công cụ phân tích hậu quả kinh tế (economic consequence analysis tools - ECAT), hệ thống hạch toán kinh tế-môi trường (SEEA), ma trận hạch toán xã hội (SAM). Những công cụ này phát huy vai trò tích cực trong việc đánh giá tác động trực tiếp và gián tiếp những thiệt hại do thảm họa gây ra.

(2) *Hỗ trợ đào tạo, xây dựng năng lực về công tác thống kê:* Dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến công tác thu thập số liệu thống kê trực tiếp. Việc chuyển sang sử dụng hình thức thu thập số liệu thống kê thay thế như điều tra qua điện thoại, sử dụng dữ liệu hành chính hay điều tra trực tuyến được khuyến khích thực hiện. TCTK kiến nghị các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để giúp Cơ quan Thống kê quốc gia nâng cao năng lực dự báo, phân tích đánh giá tác động

của thảm họa, dịch bệnh, đảm bảo cung cấp số liệu thống kê kịp thời, chính xác phục vụ quá trình hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng của chính quyền các cấp.

Ngoài ra, các tổ chức quốc tế đẩy mạnh hỗ trợ các Cơ quan Thống kê quốc gia ứng dụng dữ liệu không gian địa lý, nghiên cứu áp dụng triển khai big data và các nguồn dữ liệu mới trong sản xuất thông tin thống kê.

(3) *Thiết lập một cơ chế hợp tác bền vững* giữa các quốc gia, các chuyên gia thống kê, tổ chức quốc tế để phân tích, dự báo, ngăn chặn và giảm thiểu tác hại của thảm họa. Kết nối toàn cầu được xem là công cụ quan trọng nhất để ứng phó kịp thời với thảm họa và sự bùng phát của dịch Covid-19. Do đó, hợp tác đa phương và bền vững sẽ giúp các Cơ quan Thống kê quốc gia chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, cùng phối hợp trong ứng phó với thảm họa.

(4) *Đầu tư phát triển năng lực ứng phó với thảm họa*: Các tổ chức quốc tế tăng cường năng lực ứng phó cho các quốc gia trong khu vực thường xuyên phải chịu ảnh hưởng của thảm họa, nhất là các nước nghèo, các nước đang phát triển. Tăng cường năng lực ứng phó tốt để đảm bảo nền kinh tế nói chung, cộng đồng doanh nghiệp nói riêng có thể phục hồi nhanh chóng sau khi thảm họa kết thúc. Bên cạnh đó, tổ chức quốc tế cần hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo thảm họa sớm, năng lực ứng phó khẩn cấp cũng như chiến lược tài chính quản lý rủi ro thảm họa một cách toàn diện cho các quốc gia cần hỗ trợ./.

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê năm 2015 gồm 20 nhóm với 186 chỉ tiêu. Sau 5 năm triển khai thực hiện, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của Đảng, Nhà nước trong việc điều hành và đề ra các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2016-2020, đồng thời phục vụ công tác xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như: Chưa cập nhật, phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới của Đảng, Quốc hội, Chính phủ hay các quy định của các tổ chức quốc tế được ban hành trong thời gian gần đây; tên của một số chỉ tiêu không còn phù hợp với các văn bản pháp luật chuyên ngành, một số chỉ tiêu không có tính khả thi... Trong bối cảnh mới, đặc biệt là sự thay đổi nhanh chóng của kinh tế số, xã hội số và sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Luật Thống kê năm 2015 cần được sửa đổi để khắc phục hạn chế, đồng thời cập nhật bổ sung chỉ tiêu nhằm phản ánh đầy đủ thực tiễn đang vận động của đời sống kinh tế - xã hội trong tình hình và nhiệm vụ mới. Việc sửa đổi, bổ sung danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia lần này được thực hiện theo quan điểm sau:

- *Thứ nhất*, thể chế hóa các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- *Thứ hai*, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.

- *Thứ ba*, bảo đảm tính khả thi khi Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia sửa đổi, bổ sung được ban hành, áp dụng thuận lợi trong thực tiễn.

- *Thứ tư*, khẳng định và nâng cao vai trò của hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước, bảo đảm phù hợp với thực tiễn





DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA QUAN ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ThS. Trần Thị Luyện

Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê - TCTK

thống kê Việt Nam và các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc.

- Thứ năm, bảo đảm so sánh quốc tế.

Với quan điểm nêu trên, Tổng cục Thống kê dự thảo danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia sửa đổi, bổ sung gồm 20 nhóm với 215 chỉ tiêu. So với danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Luật Thống kê năm 2015, danh mục này giữ nguyên 134 chỉ tiêu do vẫn còn phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm tính khả thi và bảo đảm phản ánh được tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới; sửa tên 41 chỉ tiêu để phù hợp tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành đồng thời bảo đảm so sánh quốc tế. Bổ sung 40 chỉ tiêu để phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; đồng thời bỏ 11 chỉ tiêu do không còn phù hợp với thực tế, không bảo đảm tính khả thi

hoặc đã có trong nội dung của chỉ tiêu khác. Theo đó, dự thảo danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia mới sẽ đáp ứng được một số nội dung:

Một là, cập nhật, phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới trong thời gian gần đây, cụ thể: 18 chỉ tiêu phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; 17 chỉ tiêu phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; 54 chỉ tiêu phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nội dung Nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững; 24 chỉ tiêu phản ánh, giám sát, đánh giá việc thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyển đổi số, kinh tế số; 12 chỉ tiêu phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics; 26 chỉ tiêu phản ánh, giám sát, đánh giá về giới và bình đẳng giới.

Hai là, cập nhật các chỉ tiêu phản ánh quan hệ hội nhập

quốc tế, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam. Theo đó, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia có: 33 chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu (SDG); 10 chỉ tiêu thống kê giới ở cấp độ toàn cầu; 29 chỉ tiêu thống kê ở cấp độ ASEAN; 05 chỉ tiêu thuộc bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu (IDI); 03 chỉ tiêu thuộc bộ chỉ tiêu đánh giá Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.

Ba là, cập nhật các chỉ tiêu phản ánh, dự báo, đo lường sự phát triển của kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm với 24 chỉ tiêu phản ánh kinh tế xanh, tăng trưởng xanh; 04 chỉ tiêu phản ánh kinh tế tuần hoàn và 08 chỉ tiêu phản ánh kinh tế bao trùm.

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 và dự kiến trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV./.

Một xu hướng toàn cầu...

Sản xuất xanh là quy trình sản xuất từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra đều thân thiện với môi trường và không gây nguy hại cho con người. Trước những tác động của biến đổi khí hậu, trong bối cảnh môi trường... bị ô nhiễm nặng nề, các nguồn tài nguyên đang dần cạn kiệt,... làn sóng tiêu dùng xanh đang lan rộng trên toàn cầu thì sản xuất xanh là xu thế tất yếu và là một mắt xích quan trọng trong chiến lược tăng trưởng xanh. Dựa trên những cách tiếp cận nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh khác nhau, mỗi quốc gia xây dựng những mô hình, cách thức sản xuất xanh khác nhau cho từng lĩnh vực, ngành kinh tế.

Là một trong những nước đi đầu thế giới về thực hiện chính sách “kinh tế xanh”, Mỹ từ sớm đã thúc đẩy một nền sản xuất xanh hướng đến sử dụng năng lượng tái tạo. Chính phủ Mỹ áp dụng hạn ngạch khí thải và cho phép các doanh nghiệp xả khí thải thấp hơn hạn ngạch có thể bán phần hạn mức khí thải không dùng hết cho các công ty khác. Ngoài ra, Chính phủ Mỹ đã thông qua một loạt tiêu chuẩn mới về khí thải, như yêu cầu các công ty sản xuất ô tô chuyển sang các mẫu xe kết hợp sử dụng cả điện và xăng dầu, cùng với việc cải tiến các động cơ để tiết kiệm nhiên liệu. Đáp ứng yêu cầu này, một hãng xe danh giá của Mỹ là Ford đã áp dụng quy trình sản xuất xanh như sử dụng các nguyên liệu tái chế nhằm giảm thiểu tác hại của ô nhiễm môi trường và cho sản xuất những dòng xe thân thiện với môi trường.

Còn tại các nước châu Âu, sản xuất xanh là một trong những ưu tiên hàng đầu để xanh hóa nền kinh tế. Một quốc gia trong EU là Thụy Điển cũng đã tuyên bố



Sản xuất xanh

MẮT XÍCH QUAN TRỌNG

sẽ hoàn toàn không sử dụng dầu mỏ, đồng thời loại trừ sử dụng than đá và năng lượng hạt nhân ra khỏi quy trình sản xuất. Với tham vọng trở thành “quốc gia xanh” nhất tại châu Âu và trên thế giới, Đan Mạch xây dựng chiến lược năng lượng đến năm 2035, sẽ hoàn toàn từ bỏ sử dụng nguyên liệu hóa thạch trong ngành công nghiệp năng lượng. Tất cả năng lượng điện và năng lượng nhiệt sẽ được cung cấp bởi các nguồn nhiên liệu tái tạo. EU còn liên tục thông qua và xây dựng những tiêu chuẩn về khí thải ô tô cho các nước trong khu vực như Euro 5, Euro 6, làm cơ sở để các nước cải tiến quy trình sản xuất sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường. Đây là động lực để một ông lớn trong ngành công nghiệp ô tô là BMW của Đức đã cho ra mắt mẫu ô tô điện BMW i3 được sản xuất theo quy trình tiết kiệm 50% năng lượng và 70% nước, 95% kết cấu xe có thể tái chế trong thời gian gần đây.

Sản xuất xanh không chỉ được thúc đẩy phát triển trong ngành công nghiệp lớn mà còn lan rộng sang nhiều ngành kinh tế khác. Ví dụ trong ngành thời trang, nhiều thương hiệu toàn cầu như Nike, Adidas, Zara, H&M, Levi's... đã đồng loạt có những hành động hướng đến sản xuất xanh. Điển hình là Nike cam kết sử dụng 100% năng lượng tái tạo tại các nhà máy vào năm 2025; Zara cam kết đến năm 2025 chỉ sử dụng bông, vải lanh và polyester hữu cơ hoặc tái chế để làm quần áo; H&M đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ chỉ dùng loại nguyên liệu tái chế để sản xuất các sản phẩm.

... lan tỏa đến Việt Nam

Cũng như nhiều nước trên thế giới, sản xuất xanh đang là một mắt xích quan trọng giúp Việt Nam hướng tới một nền kinh tế xanh và bền vững. Xanh hóa sản xuất còn đặt ra cho các doanh nghiệp những đòi hỏi, yêu cầu mới phù hợp với xu thế phát triển chung,



xanh, thân thiện với môi trường cho các doanh nghiệp thành viên. Theo đó, các doanh nghiệp phải giảm chất thải phát sinh, thay đổi thói quen và công nghệ sử dụng năng lượng hóa thạch sang nguồn năng lượng sinh học, năng lượng tái tạo... Vitas đồng thời phối hợp với Tổ chức Quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (WWF) triển khai dự án "Xanh hóa ngành dệt may Việt Nam thông qua cải thiện quản lý nước và năng lượng bền vững" nhằm thúc đẩy cải thiện chất lượng nguồn nước và sử dụng năng lượng bền vững. Đồng thời, hỗ trợ được nhiều hơn cho các khu công nghiệp trong việc tiếp cận gói "tín dụng xanh" để đầu tư khu công nghiệp dành riêng cho ngành dệt may.

Hiệp hội ngành gỗ cũng đã ký cam kết thúc đẩy phát triển ngành gỗ theo hướng phát triển bền vững, kiên quyết không sử dụng nguồn gỗ bất hợp pháp; đồng thời chính thức cho ra mắt Quỹ "Việt Nam xanh".

Hiện không ít doanh nghiệp ngành F&B (Food and Beverage Service, là ngành dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khu du lịch và quầy ăn uống) cũng ưu tiên sản xuất, phân phối các sản phẩm "xanh", đồng thời sử dụng các bao bì, vật dụng bằng chất liệu thân thiện môi trường thay vì chất liệu nylon, nhựa sử dụng một lần...

Năm 2018, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST - một thành viên của Tập đoàn Vingroup ra mắt các sản phẩm xe đạp điện và các mẫu thiết kế cho dòng xe ô tô điện cũng đã đánh dấu bước đột phá mới cho xu hướng sản xuất xanh của ngành công nghiệp ô tô, xe máy tại Việt Nam.

Theo đuổi chiến lược sản xuất xanh, các doanh nghiệp áp dụng nhiều giải pháp cụ thể như:

Ngọc Linh

đồng thời nâng cao vị thế, tăng sức cạnh tranh ở cả thị trường trong và ngoài nước.

Tham gia vào chiến dịch sản xuất xanh thân thiện môi trường và đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã và đang chú trọng hơn sử dụng nguồn nguyên vật liệu tự nhiên, nhiên liệu, hóa chất không gây độc hại; đầu tư dây chuyền máy móc, công nghệ, trang thiết bị dây chuyền sản xuất hiện đại theo các tiêu chuẩn quốc tế để cải tiến quy trình, hướng tới sản xuất xanh. Đồng thời lựa chọn đầu tư lắp đặt các hệ thống năng lượng tái tạo để chủ động sử dụng năng lượng sạch, bên cạnh các giải pháp tiết kiệm năng lượng điện, nước trong quá trình sản xuất... cũng như lắp đặt hệ thống quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và hệ thống xử lý chất thải cũng như hướng đến các tiêu chí sản xuất xanh, sạch...

Sản xuất xanh thường được nhắc đến nhiều trong lĩnh vực nông nghiệp với sự tham gia của cả người dân và doanh nghiệp. Trong những năm gần đây tại Việt Nam đã hình thành nên các trang trại xanh, có phương án sản xuất khoa học, tuân thủ quy trình sản xuất nghiêm ngặt; phát triển sản xuất gắn liền với tạo lập môi trường sinh thái bền vững, đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, nhiều hộ nông dân tại các địa phương đã tham gia các hợp tác xã sản xuất rau sạch theo hướng hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học và các loại thuốc trừ sâu, cung cấp sản phẩm sạch cho người tiêu dùng.

Đến nay sản xuất xanh đã và đang lan tỏa sang nhiều các lĩnh vực như công nghiệp, dịch vụ, thương mại... mang lại nhiều lợi ích thiết thực, cả về kinh tế lẫn những giá trị vô hình.

Trong hơn 3 năm qua, Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) đã đẩy mạnh triển khai mô hình sản xuất

ĐỂ TĂNG TRƯỞNG XANH

Tiết kiệm năng lượng, sử dụng các nguyên vật liệu xây dựng, sản xuất giúp giảm chi phí điện năng, (cửa sổ tiết kiệm năng lượng, sơn phản nhiệt, hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED thay cho đèn huỳnh quang, cảm biến quang điện, hệ thống thông gió thu hồi nhiệt, máy biến tần...); đồng thời sử dụng hệ thống điện mặt trời giúp tận dụng nguồn năng lượng sạch, tạo điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp đã xây dựng quy trình xử lý nước thải để tái sử dụng, tiết kiệm nước. Khi áp dụng đồng bộ các giải pháp trên, mỗi năm doanh nghiệp có thể tiết kiệm lên đến hàng tỉ đồng. Điều này cho phép các doanh nghiệp hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường, tiếp tục mở rộng sản xuất, nâng cấp công nghệ hay đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, tạo tiền đề cho những bước phát triển đột phá.

Tiêu dùng xanh, sống xanh đã và đang là một xu hướng phát triển trong thời gian qua và được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Do đó, sản xuất xanh còn giúp các doanh nghiệp đón đầu xu hướng tiêu dùng mới, tạo ra sự tăng trưởng đáng kể trong kết quả kinh doanh. Chứng minh là thời gian qua, nhiều doanh nghiệp đã đẩy mạnh tạo lập giá trị thương hiệu và nâng cao hiệu quả kinh doanh bằng cách xây dựng niềm tin đối với người tiêu dùng thông qua các cam kết về trách nhiệm xã hội và môi trường, đặt vấn đề sức khỏe người tiêu dùng vào trọng tâm của việc phát triển sản phẩm. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, khó lường, sản xuất xanh đang giúp các doanh nghiệp vượt qua những khó khăn,

duy trì hoạt động ổn định, tạo cơ sở để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

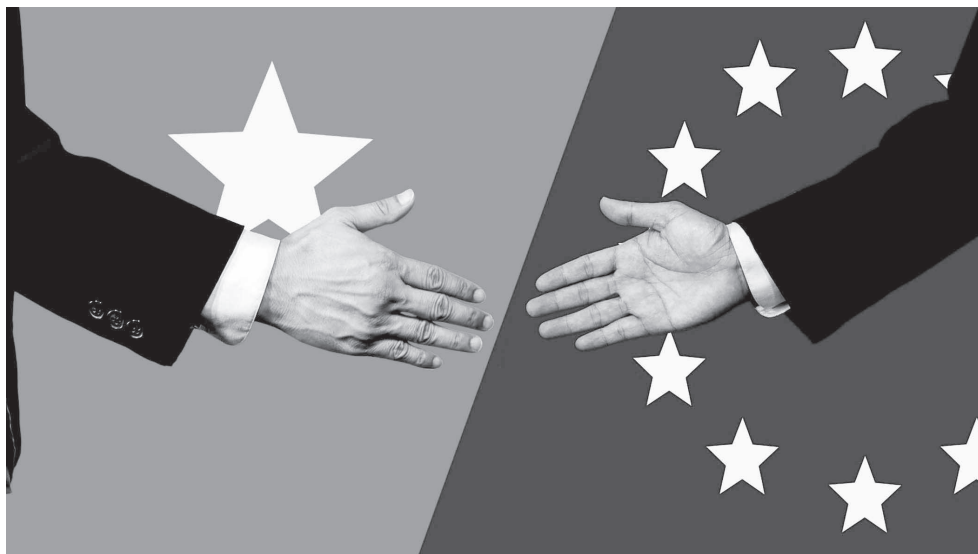
Không chỉ tạo lợi thế ở thị trường trong nước, xanh hóa sản xuất còn giúp nhiều doanh nghiệp Việt Nam có được những tấm vé thông hành là các chứng chỉ xanh, các tiêu chuẩn quốc tế (như Tiêu chuẩn ISO 14000) để thâm nhập sâu hơn vào các thị trường xuất khẩu “khó tính” như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản... và hưởng thuế các suất ưu đãi. Bởi trong những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) hay Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)... ngoài những cam kết về đầu tư, thương mại hàng hóa, dịch vụ, thì môi trường hay phát triển bền vững là những nội dung không thể thiếu. Ví dụ như Hiệp định CPTPP có một chương riêng về môi trường với các cam kết liên quan tới chính sách pháp luật về môi trường, trong đó có điều khoản liên quan đến vấn đề khai thác tài nguyên và xử lý chất thải từ quá trình đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Việc áp dụng mô hình sản xuất xanh rõ ràng sẽ giúp các doanh nghiệp thủy sản đáp ứng được các cam kết trên, mở rộng thị phần tại các thị trường xuất khẩu. Hay đối với ngành gỗ Việt Nam, việc Hiệp hội ngành gỗ ký cam kết thúc đẩy phát triển ngành gỗ theo hướng phát triển bền vững, không sử dụng nguồn gỗ bất hợp pháp đang giúp các doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn các quy định nghiêm ngặt của các thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, châu Âu, Nhật Bản...

Sản xuất xanh còn yếu tố tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp

Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị của các doanh nghiệp, tập đoàn quốc tế bởi sản xuất bền vững là một trong những tiêu chí quan trọng để họ lựa chọn đối tác. Chẳng hạn như Adidas - một trong các đối tác lớn nhất của doanh nghiệp dệt may, da giày Việt Nam - áp dụng phân tích định kỳ các nhà cung cấp về các chỉ số xanh, quy định mục tiêu giảm năng lượng tiêu thụ, nước sạch, khí thải CO₂.

Tuy nhiên, sản xuất xanh là một bài toán không dễ dàng, đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người tiêu dùng cùng chung tay giải quyết. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, rất cần những cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ phù hợp, tạo các hành lang pháp lý để khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các mô hình sản xuất xanh và bền vững. Đồng thời, cần siết chặt các tiêu chuẩn, tiêu chí bảo vệ môi trường trong sản xuất nhằm nỗ lực gìn giữ môi trường, để các nguồn tài nguyên thiên nhiên có cơ hội và thời gian tái tạo. Ở góc độ người tiêu dùng, cần ý thức rõ nhu cầu sử dụng sản phẩm “xanh” của mình để mở ra một thị trường tiềm năng cho các doanh nghiệp sản xuất tiếp cận và khai thác.

Bên cạnh những yếu tố trên, việc xây dựng một nền sản xuất xanh chỉ có thể thành công nếu có sự tham gia nỗ lực từ phía các doanh nghiệp sản xuất. Họ cần phải có nhận thức rõ ràng về trách nhiệm của mình trong việc góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên và dành nguồn lực vốn đáng kể cho quy trình sản xuất xanh. Làm được những điều trên, Việt Nam sẽ có được một mắt xích vững chắc để xây dựng một nền kinh tế tăng trưởng xanh và bền vững./.



THƯƠNG MẠI VIỆT NAM-EU SAU MỘT NĂM THỰC THI HIỆP ĐỊNH EVFTA

Ngân An

Sau một năm đi vào thực thi trong bối cảnh tác động bất lợi của đại dịch Covid-19, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) đã mang lại kết quả tích cực cho thương mại và đầu tư song phương, đồng thời tiếp tục được kỳ vọng là động lực mạnh mẽ thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam-EU trong thời gian tới.

Kết quả một năm thực thi EVFTA

EVFTA là một trong những FTA thế hệ mới có vai trò quan trọng vào sự phát triển kinh tế, thương mại của Việt Nam. Là 1 FTA có tiêu chuẩn cao, toàn diện, mức độ cam kết sâu, rộng, nhưng vẫn đảm bảo lợi ích cân bằng giữa hai bên, Hiệp định EVFTA được đánh giá góp phần thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam cả về kinh tế, pháp luật và thể chế.

Kết quả sau khi EVFTA đi vào thực thi, trao đổi thương mại song phương giữa hai bên đã có những tăng trưởng tích cực. Theo đó, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 27,67 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2020 khi Hiệp định chưa có hiệu lực, trong đó xuất khẩu đạt 19,4 tỷ USD, tăng 18,3% và nhập khẩu từ EU vào Việt Nam đạt 8,2 tỷ USD, tăng hơn 19,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Con số này được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng khi Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU (EVIPA) có hiệu lực.

Hiện các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang EU là điện thoại các loại và linh kiện, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, giày dép, dệt may, rau quả, thủy sản, gạo, cà phê... Ở chiều ngược lại, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ EU là linh kiện, phụ tùng ô tô, ô tô nguyên chiếc

các loại, hàng điện gia dụng và linh kiện, chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Nếu nhìn từ ngành hàng, EVFTA đã tạo cú hích rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu. Đặc biệt, những mặt hàng có thể mạnh xuất khẩu của Việt Nam như: Dệt may, da giày, nông thủy sản... đã tận dụng ngay được ưu đãi thuế quan của Hiệp định EVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường EU. Tính riêng trong lĩnh vực nông nghiệp, EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư của nông sản Việt, cộng thêm việc miễn giảm thuế nhập khẩu theo EVFTA khi xóa bỏ ngay lập tức 100% thuế đối với trái cây tươi, trái cây chế biến, nước trái cây thì chỉ sau 5 tháng khi EVFTA có hiệu lực, nhiều mặt hàng nông, lâm nghiệp xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đã có mức tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm 2019. Cụ thể như: Sản phẩm từ cao su đạt 61 triệu USD, tăng 56,91%; gạo đạt 5,2 triệu USD, tăng 3,73%; sản phẩm mây, tre, cói và thảm đạt 70,5 triệu USD, tăng 33,75%; rau quả đạt 63,8 triệu USD, tăng 12,5%. Quả vải của Việt Nam sau khi có EVFTA xuất khẩu tăng đáng kể và mang lại lợi thế cạnh tranh về giá cho nông sản Việt. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, đơn hàng lớn vải thiếu tới Pháp theo Hiệp định EVFTA đã xóa bỏ những nghi ngờ về năng lực cung cấp của Việt Nam, khẳng định thương hiệu cũng như chất lượng hàng Việt nói chung trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, các ngành hàng thế mạnh khác như: Giày dép, dệt may... cũng vẫn duy trì được tăng trưởng và tận dụng tốt hiệp định EVFTA.

Đặc biệt, sau một năm thực thi hiệp định EVFTA, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã tận dụng



khá tốt các ưu đãi thuế quan từ hiệp định, qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU. Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu, kể từ khi EVFTA có hiệu lực đến ngày 4/6/2021, các cơ quan, tổ chức được ủy quyền cấp C/O mẫu EUR.1 đã cấp 180.551 bộ C/O mẫu EUR.1, với kim ngạch hơn 6,6 tỷ USD đi 27 nước EU. Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU còn thực hiện tự chứng nhận xuất xứ cho 4.845 lô hàng với trị giá hơn 14,91 triệu USD được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA. Các mặt hàng được cấp C/O mẫu EUR.1 chủ yếu là giày dép, thủy sản, hàng dệt may, nông sản, sản phẩm từ ngũ cốc, hàng điện tử...

Không chỉ đạt được giá trị thương mại xuất nhập khẩu hai chiều, hoạt động thu hút đầu tư của Việt Nam - EU cũng đã đạt được những kết quả khả quan.

Thông qua hiệp định EVFTA với những cam kết về quản trị minh bạch, tạo môi trường thương mại đầu tư thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư của hai bên, Việt Nam đã tiếp nhận được nguồn đầu tư có chất lượng và được học hỏi, hấp thụ khoa học và công nghệ tiên tiến từ EU, tạo ra những giá trị và lợi ích cho doanh nghiệp và nhà đầu tư của cả hai bên. Tính đến tháng 6/2021, EU có 2.221 dự án (tăng 142 dự án so với cùng kỳ năm 2020) từ 26/27 quốc gia thuộc EU còn hiệu lực tại Việt Nam với vốn đầu tư đăng ký đạt 22,216 tỷ USD (tăng 449 triệu USD so với cùng kỳ năm 2020), chiếm 5,58% tổng vốn đầu tư đăng ký của các nước và vùng lãnh thổ vào Việt Nam và chiếm 6,57% số dự án. Đồng thời qua EVFTA, nhà đầu tư EU sẽ có cơ hội tiếp cận thị trường các nước đã ký FTA với Việt Nam với những đối xử ưu đãi hơn. Có thể thấy, chỉ sau 1 năm đi vào thực thi hiệp định EVFTA, môi trường

đầu tư kinh doanh của Việt Nam đã từng bước cải thiện theo hướng thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và tạo đà cho việc thực thi các FTA đạt hiệu quả cao nhất.

Cùng với lợi ích kinh tế, hiệp định EVFTA còn thúc đẩy cải cách thể chế. Đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã có 39 bộ chỉ dẫn địa lý được công nhận bảo hộ tại EU mà không phải qua thủ tục đăng ký, mang lại cơ hội lớn cho doanh nghiệp và nông dân Việt Nam tiếp cận thị trường. Riêng ngành dệt may, các doanh nghiệp đã tập trung đầu tư mới cho sản xuất sợi - dệt vải chiếm tỷ lệ nội địa hóa cao. Nhiều vùng sản xuất nguyên liệu đã được mở ra với quy mô lớn vượt trội; doanh nghiệp cũng dần chuyển hướng nhập khẩu nguyên liệu sang các thị trường có FTA với EU, đáp ứng được yêu cầu quy tắc xuất xứ cộng gộp mà EVFTA đưa ra như Hàn Quốc hay Nhật Bản. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã tích cực, chủ động và nỗ lực thực hiện đầy đủ các cam kết của Hiệp định, tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung có thể tận dụng hiệu quả Hiệp định EVFTA.

Trong công tác hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đảm bảo phù hợp với các quy định của Hiệp định, Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan đã sửa đổi, ban hành mới 08 văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài ra, các Bộ, ngành liên quan cũng liên tục rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo tính tương thích với các cam kết của Hiệp định, cũng như đưa ra những điều chỉnh kịp thời nhằm tạo thuận lợi cho quá trình thực thi Hiệp định. Đối với công tác cải thiện, đơn giản hóa thủ tục đầu tư, kinh doanh, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 45/2020/

NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, tập trung cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và 20% chi phí tuân thủ liên quan đến hoạt động kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp. Riêng Bộ Công Thương, trong năm 2019-2020 đã cắt giảm thêm 205 điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương trong tổng số 1.216 điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương (trước đó Bộ Công Thương cũng đã cắt giảm 675 điều kiện kinh doanh).

Tập trung thúc đẩy EVFTA trong thời gian tới

EU là thị trường có dung lượng lớn với sự thống nhất trong đa dạng và còn nhiều dư địa cho tăng trưởng, đồng thời cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hoá giữa Việt Nam và EU mang tính bổ trợ thay vì đối đầu cạnh tranh. Các nước EU có nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng nông-lâm-thủy sản ngoài khối ở mức hơn 150 tỷ USD/năm, trong khi kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam sang EU mới ở mức khoảng 5 tỷ USD. Thêm vào đó, những ưu đãi từ EVFTA với thuế suất bằng 0% cùng những điều kiện thương mại hài hòa, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU sẽ tăng hơn nữa. Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp định EVFTA sẽ giúp kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng thêm 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với không có Hiệp định. Đồng thời, kim ngạch nhập khẩu từ EU cũng tăng nhưng với tốc độ thấp hơn xuất khẩu, cụ thể 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030. Về mặt vĩ mô,

EVFTA góp phần làm GDP của Việt Nam tăng thêm ở mức bình quân 2,18-3,25% (năm 2019-2023); 4,57-5,30% (năm 2024-2028) và 7,07-7,72% (năm 2029-2033).

Để tập trung thúc đẩy hợp tác thương mại song phương thông qua hiệp định EVFTA, trong thời gian, tới Bộ Công Thương tiếp tục rà soát và xây dựng lộ trình phương án cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành cho giai đoạn 2021-2025; trong đó, bám sát vào các nguyên tắc lấy doanh nghiệp và người dân làm trung tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, người dân trong việc tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Đồng thời, Bộ cũng đang nghiên cứu và xây dựng bộ chỉ số đánh giá tình hình thực thi các FTA nói chung và EVFTA nói riêng ở các cấp (FTA Index). Dự kiến khi đưa vào vận hành, FTA Index sẽ là công cụ hiệu quả để đẩy mạnh việc thực thi và tận dụng các FTA nói chung, EVFTA nói riêng.

Hệ thống Thương vụ tại nước ngoài tiếp tục nắm bắt thông tin thị trường và các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam như: Sự thay đổi chính sách của nước nhập khẩu, các rào cản kỹ thuật, kịp thời thông tin để các bộ, ngành, hiệp hội và doanh nghiệp có phản ứng kịp thời.

Đối với các doanh nghiệp cần nêu cao ý thức chủ động về mọi mặt, trong đó chủ động tìm hiểu các cam kết của Hiệp định, chủ động chuẩn bị năng lực, nguồn hàng, nâng cao sức cạnh tranh, chủ động hợp tác, liên kết để tạo chuỗi cung ứng, thúc đẩy sản xuất, từ đó hoàn thiện chuỗi giá trị từ sản xuất, canh tác, chế biến, phân phối./.

DẤU ẤN

NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN CHẾ TẠO

trong bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020

Bích Ngọc

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia mới nổi có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh trong khu vực và thế giới với mức tăng trưởng kinh tế sơ bộ bình quân năm trong giai đoạn 2011-2020 là 5,95%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo (CBCT) là yếu tố chính đóng góp vào phát triển của ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, thể hiện qua những dấu ấn trong bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tại thời điểm 31/12/2019, số doanh nghiệp CBCT đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh là trên 109,9 nghìn doanh nghiệp, gấp 2,4 lần năm 2010 và chiếm 16,4% tổng số doanh nghiệp của cả nước đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh. Số doanh nghiệp CBCT thuộc nhóm ngành công nghệ cao là 13,4 nghìn doanh nghiệp, chiếm 12,2% tổng số doanh nghiệp CBCT; doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghệ trung bình là gần 34,6 nghìn doanh nghiệp, chiếm 31,5%; doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghệ thấp là hơn 61,9 nghìn doanh nghiệp, chiếm 56,3%.

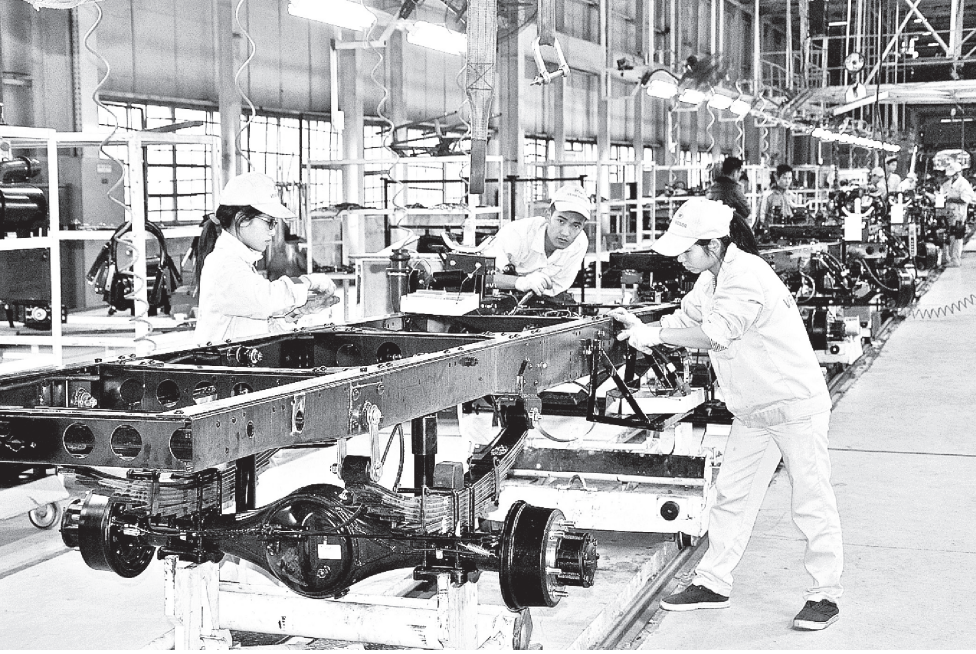
Trong tổng số lao động của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh của cả nước, lao động của doanh nghiệp công nghiệp CBCT chiếm tỷ lệ

cao nhất so với các doanh nghiệp khác. Tại thời điểm 31/12/2019, tỷ lệ lao động trong doanh nghiệp ngành CBCT chiếm 49,9% tổng số lao động của toàn bộ doanh nghiệp, tăng 4,3 điểm phần trăm so với năm 2010 (45,6%); trong khi đó lao động trong doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản; ngành khai khoáng và dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp hơn.

Là một ngành công nghiệp chủ đạo, đóng vai trò dẫn dắt và điều tiết vĩ mô nền kinh tế quốc dân, nên vốn đầu tư vào ngành công nghiệp CBCT có xu hướng tăng trong những năm qua và chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng vốn đầu tư vào các ngành kinh tế. Sơ bộ năm 2020, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội của ngành CBCT đạt 590,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 27,3% tổng vốn đầu tư toàn xã hội vào các ngành kinh tế và gấp 3,2 lần năm 2011;

tính chung trong cả giai đoạn 2011-2020 đạt 3.953,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,6%.

Giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội bình quân sơ bộ đạt 6,5%/năm, tính riêng tốc độ tăng vốn đầu tư vào ngành CBCT là ở mức khá cao, đạt 10,1%/năm, cho thấy nhu cầu đối với các sản phẩm của ngành CBCT ngày càng cao, tác động lan tỏa của ngành CBCT tới các ngành kinh tế khác càng lớn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp ngành CBCT có giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng giá trị TSCĐ của toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh; cũng như có lợi nhuận trước thuế cao nhất so với các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, đồng thời tốc độ tăng lợi nhuận luôn ở mức cao.



Chỉ tiêu sản xuất ngành công nghiệp (IIP) là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh, xác định tốc độ tăng của sản xuất công nghiệp. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, bình quân giai đoạn 2012-2020, IIP ngành CBCT tăng 9,5%/năm, cao hơn IIP của toàn ngành công nghiệp là 7,8%/năm. Đóng góp vào tăng trưởng tích cực của giá trị sản xuất ngành CBCT trong giai đoạn này là các ngành công nghiệp trọng điểm có tốc độ tăng chỉ số sản xuất cao và ổn định như: Sản xuất kim loại; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Công nghiệp sản xuất đồ uống; Công nghiệp dệt, may... Điều đáng nói là trong năm 2020, mặc dù kinh tế thế giới và khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 song nền kinh tế nước ta vẫn duy trì tăng trưởng, đạt mức tăng trưởng dương, sơ bộ năm 2020

đạt tốc độ tăng 2,91%, trong đó công nghiệp CBCT tăng 5,82%, luôn thể hiện là động lực quan trọng, đóng góp cho tăng trưởng của nền kinh tế nước ta.

Sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến chế tạo thực sự đã ghi dấu ấn trong bức tranh kinh tế chung của cả nước giai đoạn 2011-2020. Trước hết, đóng góp của ngành công nghiệp CBCT vào tăng trưởng kinh tế cả nước có xu hướng tăng và ngày càng ổn định. Tính bình quân trong giai đoạn 2011-2020, ngành CBCT đóng góp khá cao vào tốc độ tăng giá trị tăng thêm bình quân của nền kinh tế với 1,9 điểm phần trăm/năm, cao hơn mức đóng góp của các ngành dịch vụ.

Cũng trong giai đoạn này, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành CBCT luôn cao hơn tốc độ tăng GDP. Cụ thể, bình quân giai đoạn

2011-2015, ngành CBCT tăng 9,64%/năm, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng GDP 5,91%/năm; giai đoạn 2016-2019, ngành CBCT tăng 12,64%/năm, trong khi đó GDP chỉ tăng 6,78%/năm. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành CBCT sơ bộ tăng không cao với 5,82%; song vẫn cao hơn mức tăng 2,91% của GDP. Tính chung tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt 5,95%/năm, trong đó ngành CBCT đạt 10,44%/năm.

Ngành công nghiệp CBCT còn thể hiện rõ vai trò động lực, dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng và phát triển trong trong giai đoạn 2011-2020, hướng đến phát triển bền vững hơn khi có tỷ trọng giá trị tăng thêm trong GDP toàn nền kinh tế tăng lên, trong khi tỷ trọng này của ngành công nghiệp khai khoáng lại có xu hướng giảm. Năm 2020, tính sơ bộ tỷ trọng giá trị tăng thêm của ngành CBCT chiếm 16,7% trong GDP, tăng 3,35 điểm phần trăm so với năm 2011; ngược lại ngành khai khoáng chiếm 5,55%, giảm 4,32 điểm phần trăm. Trung bình mỗi năm trong giai đoạn 2011-2020, ngành CBCT tăng 0,37 điểm phần trăm; trong khi ngành khai khoáng giảm 0,39 điểm phần trăm.

Ngành công nghiệp CBCT còn tạo sức hấp dẫn, thu hút lượng lớn nguồn vốn đầu tư nước ngoài, thể hiện ở vốn FDI vào ngành CBCT thường chiếm tỷ lệ cao nhất về số dự án và vốn đăng ký trong giai đoạn 2011-2020, nhất là trong các ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông; điện tử, công nghệ thông tin; sản xuất thép; xi măng; dệt may; da giày... với sự xuất hiện của nhiều công ty đa quốc gia hàng đầu thế giới như Tập đoàn Samsung, Tập đoàn Intel, LG... Điều này đã tạo nền tảng

quan trọng cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn cũng như thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tính riêng năm 2020, dù số dự án đầu tư nước ngoài vào nước ta giảm mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, song ngành CBCT vẫn thu hút 828 dự án với tổng vốn đăng ký đạt gần 14,8 tỷ USD, chiếm 31,7% về số dự án và 47,6% về vốn đăng ký vào các ngành kinh tế. Nhờ thu hút lượng lớn vốn FDI, khu vực này đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, xây dựng mô hình tiên tiến, phương thức kinh doanh hiện đại, khai thác tiềm năng và huy động các nguồn lực tốt hơn cho việc phục vụ cho quá trình sản xuất trong nước; nâng cao trình độ sản xuất cho doanh nghiệp, kỹ năng cho người lao động để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập kinh tế, từ đó giúp thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta.

Bên cạnh đó, giai đoạn 2011-2020, ngành công nghiệp CBCT có kim ngạch xuất khẩu đạt khá với tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu đạt 16,2%/năm; trở thành ngành xuất khẩu chủ lực của đất nước, góp phần đưa Việt Nam lên vị trí thứ 22 quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới vào năm 2018, nhờ cơ cấu sản phẩm xuất khẩu đã có những thay đổi cơ bản, theo hướng vừa không ngừng nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm, tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Nhiều sản phẩm công nghiệp không chỉ đáp ứng cơ bản nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế mà còn xuất khẩu và chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Đặc biệt, một số ngành công nghiệp ưu tiên,

công nghiệp mũi nhọn theo định hướng chiến lược phát triển của ngành CBCT đã trở thành các ngành công nghiệp lớn, đưa nước ta cơ bản đã hội nhập thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu với sự dẫn dắt của một số doanh nghiệp công nghiệp lớn như điện tử, dệt may, da giày...

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ngành công nghiệp CBCT trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng đều qua các năm và luôn ở mức cao, từ 81,8% năm 2011 tăng lên 95,1% trong năm 2020. Cán cân thương mại của ngành công nghiệp CBCT đạt thặng dư liên tiếp trong 5 năm 2016-2020, trong đó năm 2016 xuất siêu 3,1 tỷ USD; năm 2017 xuất siêu 6,1 tỷ USD; năm 2018 xuất siêu 17 tỷ USD; năm 2019 xuất siêu 23,8 tỷ USD; năm 2020 xuất siêu 33 tỷ USD. Đây là bước ngoặt lớn, đem lại kết quả xuất siêu và đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế.

Không chỉ ghi những dấu ấn trong bức tranh kinh tế cả nước, ngành công nghiệp CBCT còn có nhiều đóng góp của về mặt xã hội, là nguồn cung việc làm dài hạn và thu nhập ổn định, giải quyết việc làm cho một số lượng lớn lao động.

Theo phân tích của Tổng cục Thống kê, xét về góc độ tạo việc làm của các ngành kinh tế, bình quân năm trong giai đoạn 2011-2020, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ngành công nghiệp CBCT có xu hướng tăng lên, cho thấy vai trò chủ đạo trong việc hấp thụ lao động dịch chuyển từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với tỷ trọng lao động tăng từ 13,9% (2011) lên 21,1% (2020), tăng 7,2 điểm phần trăm so với năm 2011 và là mức tăng cao nhất trong các ngành kinh tế. Tính bình quân trong giai đoạn

2011-2020, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong ngành công nghiệp CBCT tăng 4,8%/năm và đạt mức tăng cao nhất so với các ngành kinh tế khác. Trong các ngành công nghiệp CBCT thì may mặc, da giày, sản xuất trang phục và chế biến thực phẩm vẫn là các ngành tạo việc làm chính cho nền kinh tế. Tốc độ tăng lao động bình quân giai đoạn 2011 - 2019 của doanh nghiệp ngành dệt đang sản xuất kinh doanh tăng 6,2%/năm; doanh nghiệp sản xuất trang phục tăng 7,1%/năm; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 7,6%/năm. Đáng chú ý là trong những năm gần đây, ngành điện tử nổi lên như một ngành thâm dụng lao động với tốc độ tăng trưởng lao động trong cùng giai đoạn đạt 18,2%/năm.

Phát triển nguồn nhân lực là một trong ba khâu đột phá để đạt mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020. Công nghiệp CBCT chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, do vậy trình độ của lao động công nghiệp CBCT đóng vai trò quan trọng, tác động lan tỏa đến các ngành kinh tế khác và góp phần nâng cao trình độ của lao động trong nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trên ngành công nghiệp CBCT vẫn tồn tại những hạn chế cần phải khắc phục trong thời gian tới.

Trước hết, năng suất lao động của ngành công nghiệp CBCT vẫn ở mức thấp so với mức năng suất lao động chung của cả nước. Sơ bộ năm 2020 đạt 93 triệu đồng/lao động, bằng 79,2% mức NSLĐ chung cả nước; 63,4% mức NSLĐ ngành công nghiệp; 68,8% NSLĐ khu vực dịch vụ. Nguyên nhân chủ yếu do doanh nghiệp công nghiệp

CBCT (gồm cả doanh nghiệp FDI) phần lớn tham gia ở các khâu, các công đoạn có giá trị gia tăng thấp như gia công, lắp ráp, không chủ động được nguồn cung cho sản xuất, nhất là các sản phẩm phải nhập khẩu nguyên phụ liệu (dệt, may mặc, da giày, điện tử, hóa chất...), trong khi đây là những ngành sử dụng nhiều lao động.

Thêm vào đó, việc tiếp nhận và chuyển giao công nghệ từ khu vực doanh nghiệp FDI sang khu vực doanh nghiệp trong nước nhằm nâng cao NSLĐ thời gian qua còn hạn chế. Mặc dù thời gian qua công nghiệp CBCT là ngành dẫn dắt tăng trưởng NSLĐ nhưng tập trung cao ở những ngành hướng xuất khẩu dựa trên nền tảng công nghệ thấp (dệt may, da giày, chế biến thực phẩm) đến trung bình (sản xuất kim loại). Trong khi đó, ngành công nghệ cao (điện tử) tập trung ở khu vực có vốn nước ngoài lại hoạt động ở khâu lắp ráp, nhập khẩu linh phụ kiện, có giá trị trong nước tương đối thấp. Ngoài ra, ngành công nghệ cao chủ yếu tận dụng lao động chi phí rẻ và ưu đãi chính sách, chưa có nhiều tác động lan tỏa đối với khu vực trong nước nên chưa thể tạo đột phá về tăng trưởng NSLĐ.

Một vấn đề khác đáng được quan tâm là trình độ, chất lượng của lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong ngành CBCT ở mức tương đối thấp so với mức chung của nền kinh tế và so với các ngành kinh tế khác; động lực trong sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp CBCT hiện nay chủ yếu được thúc đẩy bởi khu vực FDI (năm 2020 trị giá xuất khẩu của khu vực FDI chiếm 72,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước); CBCT mới chỉ tập trung chủ yếu vào các hoạt động sản xuất ở công đoạn cuối cùng

trong chuỗi giá trị toàn cầu, đem lại giá trị gia tăng thấp...

Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) trong doanh nghiệp CBCT hiện nay cũng còn khá yếu, chỉ có một số ít doanh nghiệp thực hiện R&D, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp ngoài Nhà nước tiến hành hoạt động R&D cao nhất trong các loại hình doanh nghiệp.

Mặc dù được xác định là đầu tàu, động lực tăng trưởng của nền kinh tế nhưng trình độ đạt được của công nghiệp CBCT hiện nay còn thấp xa so với yêu cầu của một nước công nghiệp. Khả năng cạnh tranh của ngành CBCT còn yếu so với các nước trong khu vực, thể hiện ở thứ hạng của một số chỉ tiêu về công nghiệp CBCT của nước ta chỉ cao hơn các nước Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, thấp hơn nhiều so với các nước Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a.

Hơn nữa, các chuyên gia kinh tế còn cho rằng tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm chưa cao. Ngành công nghiệp CBCT phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, thiếu chủ động và dễ tổn thương trước các biến động của thị trường thế giới (điển hình là đại dịch Covid-19, hạn hán, bão lụt...). Đầu tư trong công nghiệp chưa đi vào chiều sâu, việc thu hút và tận dụng nguồn vốn đầu tư nước ngoài còn hạn chế, đặc biệt là việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ; nghiên cứu khoa học trong các doanh nghiệp CBCT còn yếu; sản xuất các sản phẩm phụ trợ còn thiếu nhiều chủng loại. Phần lớn doanh nghiệp CBCT là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, chưa chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, chủng loại sản phẩm chưa phong phú, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh nhìn chung thấp.

Công nghiệp thế giới hiện đang bước có sự phát triển nhanh

và có sự phân hóa mạnh cả về tính chất, trình độ và hiệu quả. Tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 đã đặt ra nhiều mục tiêu phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đến năm 2030 là: (1) Tỷ trọng công nghiệp trong GDP đạt trên 40%; tỷ trọng công nghiệp CBCT trong GDP đạt khoảng 30%, trong đó công nghiệp chế tạo đạt trên 20%. (2) Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành CBCT đạt tối thiểu 45%. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân trên 8,5%/năm, trong đó công nghiệp CBCT đạt bình quân trên 10%/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 7,5%/năm. (3) Chỉ số hiệu suất cạnh tranh công nghiệp (CIP) nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 70%. Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

Để ngành CBCT phát huy được vai trò động lực của nền kinh tế với đầy đủ bản lĩnh trước những thách thức cơ hội mới cũng như thực hiện được các mục tiêu đề ra như trong Nghị quyết số 23-NQ/TW thì trong thời gian tới, ngành công nghiệp CBCT cần tập trung thực hiện các giải pháp cơ bản sau: Nâng cao trình độ lao động; Tập trung đầu tư phát triển các ngành, sản phẩm mũi nhọn; Nâng cao năng lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; Thu hút FDI chất lượng cao, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp chế biến trong nước; Tập trung phát triển khoa học công nghệ, đổi mới chế biến, chế tạo.../.



ĐẨY MẠNH PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI BẢO VỆ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

Thu Hòa

Trong những năm gần đây, số lượng các vụ việc phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 có những diễn biến phức tạp, khiến cho sản xuất bị thu hẹp, xuất khẩu bị ảnh hưởng... thì việc chủ động và vận dụng hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại được xem là công cụ và là giải pháp hữu hiệu giúp doanh nghiệp trong nước thoát khỏi các vụ kiện và đảm bảo giữ thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành hàng trước sức ép hội nhập.

Sự gia tăng của PVTM và sức ép cạnh tranh ngày càng lớn của sản xuất trong nước

Thời gian qua, trong bối cảnh Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các FTA thế hệ mới, các vụ việc phòng vệ

thương mại (PVTM) gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam đã ngày càng gia tăng với tính chất phức tạp hơn. Các chuyên gia cho biết, khi năng lực sản xuất, năng lực xuất khẩu của nền kinh tế Việt Nam ngày càng

phát triển, các hàng rào thuế quan được dỡ bỏ theo cam kết trong các FTA, một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam phải đối diện với nguy cơ lớn hơn bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM. Cùng với đó, hiện tượng lẫn tránh thuế PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ngày càng gia tăng. Theo thống kê của Cục Phòng vệ thương mại (Cục PVTM), trong giai đoạn 2000 - 2016, đã có 15 vụ việc điều tra lẫn tránh thuế PVTM với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, trung bình 1 vụ/năm. Đến hết quý II/2021, đã có 207 vụ việc PVTM do 21 quốc gia/vùng lãnh thổ khởi xướng điều tra đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam. Số lượng vụ việc năm 2020 là 39 vụ, cao gấp hơn 2,5 lần tổng số vụ việc trong cả năm 2019. Trong đó, số lượng các vụ việc chống lẫn tránh biện pháp PVTM

nhằm vào hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam đang có dấu hiệu tăng lên. Dự kiến xu hướng này sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

Trước thực tế đó, các đơn vị chức năng đã nỗ lực trong hoạt động cảnh báo hành vi lẩn tránh, siết chặt quản lý, giám sát và thẩm tra, song nguy cơ lẩn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ vẫn có xu hướng gia tăng. Ngay trong những tháng đầu năm 2021, Tổng cục Hải quan đã phát hiện và bắt giữ nhiều vụ vi phạm xuất xứ, hàng giả, hàng nhái. Điều này đã ảnh hưởng lớn không chỉ với người tiêu dùng mà còn ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam.

Nhiều chuyên gia cho rằng, lý do chính khiến cho các vụ việc PVTM áp dụng với hàng xuất khẩu từ Việt Nam gia tăng là do xuất khẩu của nước ta đã có sự gia tăng nhanh trong thời gian qua, nhờ tác động tích cực của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Cùng với đó, nhiều mặt hàng của Việt Nam đã tạo ra sức ép cạnh tranh lớn tại thị trường nước nhập khẩu, khiến ngành sản xuất tại các nước này bị ảnh hưởng, điều đó dẫn tới những đề nghị chính phủ họ điều tra áp dụng các biện pháp PVTM.

Ngoài ra, một nguyên nhân khác là xuất phát từ tác động của đại dịch Covid-19 đến nhiều nền kinh tế, khiến nhiều ngành phải thu hẹp sản xuất, sa thải công nhân. Điều đó đã khiến thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp buộc các quốc gia đẩy mạnh hơn nữa phòng vệ hàng hóa. Trong khi đó, nhờ sự quyết liệt trong phòng, chống dịch, Việt Nam vẫn đạt được tăng trưởng kinh tế ấn tượng trên nhiều lĩnh vực, trong đó có xuất khẩu. Chính vì vậy,

nhiều nước đã gia tăng điều tra PVTM để bảo hộ sản xuất, đặc biệt là với các nước vẫn duy trì xuất khẩu tốt như Việt Nam.

Hoa Kỳ, là quốc gia điều tra lẩn tránh thuế nhiều nhất với Việt Nam (10 vụ việc), chiếm tỷ lệ gần 50% tổng số vụ việc. Thậm chí, đây cũng là quốc gia đã tự khởi xướng điều tra lẩn tránh thuế với sản phẩm thép tấm không gỉ của Việt Nam. Theo Cục PVTM, việc cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ không căn cứ trên yêu cầu của các doanh nghiệp Hoa Kỳ, mà tự khởi xướng điều tra là việc tương đối hiếm. Điều này cho thấy, Hoa Kỳ đang tăng cường quản lý các mặt hàng đã bị áp thuế PVTM để đảm bảo hiệu quả thực thi của các biện pháp đã áp dụng...

Bên cạnh đó, Liên minh châu Âu (EU) vốn là một thị trường có hệ thống pháp luật về PVTM đầy đủ và thường xuyên tiến hành điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM theo yêu cầu của ngành sản xuất trong nước. Do vậy, bên cạnh những cơ hội xuất khẩu có được từ việc mở cửa thị trường theo EVFTA, các doanh nghiệp cũng đang đứng trước nhiều thách thức từ nguy cơ bị EU tiến hành điều tra, áp dụng biện pháp PVTM khi tăng trưởng xuất khẩu nhanh,

tạo áp lực cạnh tranh lớn đến các doanh nghiệp sản xuất nội địa của thị trường này.

Ngoài ra, theo Cục PVTM, thuế PVTM là thuế nhập khẩu bổ sung. Do đó, việc bị áp thuế sẽ dẫn tới giá xuất khẩu hàng hóa bị áp thuế từ Việt Nam tăng lên đáng kể, làm giảm sức cạnh tranh của hàng nhập khẩu từ Việt Nam so với hàng hóa nhập khẩu từ các thị trường không bị áp thuế khác. Hệ quả là các nhà nhập khẩu ở nước áp thuế có thể sẽ chuyển hướng nhập khẩu từ các nước không bị áp thuế khác, dẫn tới kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam bị giảm sút, thị phần bị thu hẹp và doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam đối mặt với rủi ro có thể mất thị trường xuất khẩu.

Thậm chí, ngay cả khi vụ việc chưa dẫn đến kết luận áp thuế (mới chỉ ở giai đoạn khởi xướng điều tra), các nhà nhập khẩu có thể có tâm lý e ngại khi nhập khẩu hàng từ Việt Nam khiến cho các đơn hàng bị giảm sút. Trong trường hợp khả quan, khi bị áp dụng biện pháp PVTM với mức thuế thấp, một số doanh nghiệp vẫn có thể duy trì được thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, xuất khẩu có thể không gia tăng như kỳ vọng, hay nói cách khác, biện pháp PVTM làm kìm hãm tốc độ gia tăng xuất khẩu.



Theo Cục PVTM, trước những cạnh tranh ngày càng gia tăng, ở chiều ngược lại, một số ngành sản xuất trong nước cũng phải chịu áp lực từ việc gia tăng nhập khẩu do các tác động mở cửa thị trường và cần đến những công cụ chính sách về PVTM để bảo vệ lợi ích của ngành. Tuy nhiên, việc thẩm tra, xác minh hành vi gian lận lại khá phức tạp, chỉ riêng việc kiểm tra hồ sơ cấp C/O (giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa) nếu không đi thẩm tra chi phí chi tiết thì rất khó phát hiện các hành vi vi phạm. Cùng với đó là sự mất cân đối cán cân thương mại toàn cầu không được cải thiện, làm gia tăng mâu thuẫn về thương mại, cạnh tranh chiến lược giữa các nước... dẫn đến tình trạng sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn.

Phát huy vai trò và hiệu quả của PVTM nhằm bảo vệ sản xuất trong nước

Để chủ động sử dụng công cụ PVTM nhằm thiết lập môi trường cạnh tranh công bằng và bảo vệ lợi ích chính đáng của ngành sản xuất trong nước, các bộ, ngành liên quan đã tích cực triển khai nhiều biện pháp và có những hỗ trợ thiết thực giúp các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu ứng phó với các biện pháp PVTM của nước ngoài cũng như sử dụng PVTM đối với các ngành nghề bị ảnh hưởng.

Tính đến hết quý I/2021, Bộ Công Thương đã điều tra 23 vụ việc PVTM, gồm 15 vụ việc chống bán phá giá, 1 vụ việc chống trợ cấp, 6 vụ việc tự vệ và 1 vụ việc chống lẩn tránh biện pháp tự vệ với các sản phẩm thép, kính nổi, dầu ăn, bột ngọt, phân bón, màng BOPP, nhôm, ván gỗ, sợi, đường...

Trong số đó, Bộ Công Thương đã ban hành quyết định áp dụng 7 biện pháp chống bán phá giá,

5 biện pháp tự vệ và 1 biện pháp chống lẩn tránh biện pháp tự vệ.

Các biện pháp PVTM được đánh giá là đã mang lại hiệu quả thiết thực đối với doanh nghiệp, bảo vệ sản xuất trong nước. Đặc biệt, các biện pháp PVTM được nhận định là đã bảo vệ việc làm của gần 150 nghìn lao động trong các lĩnh vực liên quan.

Nhờ công cụ PVTM, một số doanh nghiệp đã cải thiện đáng kể tình hình sản xuất kinh doanh, thoát khỏi thua lỗ và từng bước ổn định sản xuất. Đặc biệt, các biện pháp PVTM cũng góp phần ổn định giá đầu vào cho một số ngành sản xuất trong nước.

Để phát huy hơn nữa vai trò của các biện pháp PVTM trong tiến trình hội nhập, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 824/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ"; Nghị quyết số 119/NQ-CP về một số biện pháp cấp bách để tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp.

Theo đó, đối với điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM để bảo vệ quyền lợi của ngành sản xuất trong nước, Cục PVTM sẽ tiếp tục tiến hành điều tra chống bán phá giá và đưa ra kết luận trên cơ sở hồ sơ đề nghị của các ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại hoặc có dấu hiệu bị thiệt hại do sự gia tăng của hàng nhập khẩu.

Để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu bảo vệ lợi ích chính đáng khi ứng phó với các vụ việc điều tra PVTM do nước ngoài thực hiện, Cục PVTM sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu ứng phó với các vụ việc điều tra PVTM tại các thị trường Hoa Kỳ, Canada, Úc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaixia...

Đặc biệt, để ứng phó kịp thời trước tình trạng số lượng các vụ việc điều tra PVTM ở cả hai chiều xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam dự kiến sẽ ngày càng gia tăng trong giai đoạn tới, Bộ Công Thương sẽ triển khai vận hành hệ thống cảnh báo sớm để hỗ trợ doanh nghiệp chủ động sử dụng biện pháp PVTM cũng như ứng phó kịp thời với các biện pháp PVTM do nước ngoài áp dụng. Hiện tại, việc thực hiện về cảnh báo sớm đối với nhiều ngành hàng, sản phẩm có nguy cơ bị kiện PVTM tại nhiều thị trường khác nhau đang được các đơn vị của Bộ Công Thương (Cục PVTM) cập nhật danh sách ngành hàng, sản phẩm và có các điều chỉnh xuất khẩu phù hợp để hạn chế bị kiện phòng vệ thương mại trên trang web www.trav.gov.vn.

Ngoài ra, hiện Bộ Công Thương cũng đang phối hợp các bộ, ngành liên quan hoàn thiện Đề án về nâng cao năng lực PVTM trong bối cảnh tham gia các FTA thế hệ mới. Tích cực xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý, hiệp hội ngành nghề, thương nhân khi xử lý các biện pháp PVTM đối với hàng xuất khẩu nhằm giảm thiểu tác động đến các doanh nghiệp, hàng hóa của Việt Nam.

Mặt khác, Bộ Công Thương tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước về PVTM, phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp; hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến xuất xứ hàng hóa, nhất là hàng hóa lưu thông trong nước.

Tuy nhiên, để nâng cao năng lực PVTM thì nhận thức của doanh nghiệp được xem là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp cũng như ngành sản xuất trong nước

tránh khỏi những vụ PVTM của các nước khác. Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần có các phương án dự phòng trong chiến lược phát triển sản xuất-xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm và thị trường xuất khẩu để ứng phó với PVTM từ các nước.

Doanh nghiệp cũng cần lưu ý đa dạng hóa sản phẩm và thị trường xuất khẩu để phân tán rủi ro, tránh tập trung xuất khẩu với khối lượng lớn vào một thị trường vì điều này có thể tạo ra cơ sở cho các nước khởi kiện. Trong quá trình điều tra các biện pháp PVTM, các nước nhập khẩu thường tìm hiểu rất kỹ về nguồn nguyên liệu cũng như chuỗi sản xuất của sản phẩm. Do đó, để có thể giảm thiểu các tác động tiêu cực, Việt Nam cần phát triển các chuỗi giá trị, phát triển nguồn nguyên liệu trong nước.

PVTM vẫn sẽ luôn là công cụ hữu hiệu nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp sản xuất nội địa trong bối cảnh Việt Nam hội nhập, tham gia nhiều FTA. Đặc biệt, trong bối cảnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, nhiều nước chuyển sang áp dụng các hình thức mới trong PVTM, thì việc kiện toàn, sửa đổi bổ sung các văn bản pháp lý phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp; hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến xuất xứ hàng hóa, nhất là hàng hóa lưu thông trong nước... và nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về PVTM sẽ là điều kiện tiên quyết giúp các hiệp hội ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp tháo gỡ khó, đảm bảo sự phát triển ổn định của các doanh nghiệp./.

MỞ “LUỒNG XANH” ĐƯA HÀNG HÓA VIỆT NAM RA THẾ GIỚI

Thu Hường

Trước bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, xúc tiến thương mại trực tuyến được xem là hướng đi tất yếu nhằm thúc đẩy kết nối phục hồi sản xuất, mở rộng thị trường. Việt Nam đã lần đầu tiên thực hiện xuất khẩu theo hình thức “sàn thương mại điện tử xuyên biên giới” trên nền tảng do người Việt Nam xây dựng và vận hành, được cộng đồng doanh nghiệp hưởng ứng và đón nhận. Xúc tiến thương mại trực tuyến đã mở “luồng xanh” đưa hàng hóa Việt Nam từ nơi sản xuất tới tay người tiêu dùng quốc tế, tạo kênh hiệu quả để doanh nghiệp tiếp cận mọi thị trường, là “chìa khoá vàng” giúp doanh nghiệp vượt bão Covid-19 và hoàn thiện hệ sinh thái về xúc tiến thương mại trong ứng dụng công nghệ số.

Đổi mới hình thức xúc tiến thương mại

Dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu khiến đứt gãy nguồn cung, hoạt động xuất khẩu ảnh hưởng, xúc tiến thương mại cũng từ đó trở nên tắc nghẽn. Bộ Công Thương cho biết, từ năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các quốc gia đóng cửa phòng dịch khiến hàng loạt các hoạt động giao thương trực tiếp truyền thống không thực hiện được. Theo thống kê, hàng nghìn giao dịch, hội nghị, hội thảo, giao thương, hội chợ triển lãm nhằm xúc tiến thương mại, đầu tư tại Việt Nam và các thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ... phải hủy hoặc hoãn thực hiện. Trước tình hình đó, yêu cầu thay đổi cách thức xúc tiến thương mại mới, đa dạng hơn nhằm tạo đòn bẩy cho các ngành hàng và doanh nghiệp kết nối, xây dựng thương hiệu tại các thị trường nhằm vượt qua đại dịch trở nên cấp thiết.

Vượt lên những khó khăn nội tại, với sự vào cuộc của cả hệ thống từ cơ quan quản lý Nhà nước tới sự đồng lòng của doanh nghiệp, bước đầu xúc tiến thương mại trực tuyến đã manh nha khởi động qua những buổi giao thương trực tuyến và tiến tới là hoạt động xúc tiến xuất khẩu qua Internet.

Bộ Công Thương đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan xúc tiến thương mại nước ngoài đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số vào xúc tiến thương mại. Qua đó, đã tổ chức trên 500 hội nghị xúc tiến thương mại quốc tế bằng hình thức trực tuyến. Kết quả là trên 1 triệu phiên giao thương trực tuyến được thực hiện, hàng trăm nghìn doanh nghiệp Việt Nam đã được hỗ trợ xúc tiến thương mại trực tuyến với các đối tác trên khắp 5 châu lục gồm 55 thị trường xuất khẩu của Việt Nam; trong đó có các thị trường lớn như: Trung Quốc, Mỹ, EU, Nhật Bản và các thị trường tiềm năng châu Phi, Australia.

Ngoài ra, hoạt động giao thương trực tuyến cũng đã kịp thời hỗ trợ các địa phương có nông sản phụ thuộc mùa vụ cao như Bắc Giang, Hưng Yên, Sơn La, Cà Mau, Đắk Lắk, Sóc Trăng tiêu thụ sản phẩm qua các sàn thương mại điện tử Sendo, Shopee, Voso.vn... Qua đó, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nông dân, đồng thời thu hút đầu tư vào chế biến, sản xuất nông sản tại địa phương.

Bên cạnh đó, nhằm đổi mới xúc tiến thương mại để thích nghi với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng 5 ứng dụng trong năm 2021 như phần mềm bao gồm hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung quản lý khách hàng (CRM); hệ sinh thái xúc tiến

thương mại (VECOBIZ); cổng truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại (www.itrace247.com); cổng thông tin hướng dẫn xuất nhập khẩu hàng hoá (<https://vietnam.tradeportal.org>); nền tảng đào tạo xúc tiến thương mại trực tuyến (E-learning).

Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME) cho biết, với phương thức mới này, chi phí xúc tiến thương mại trực tuyến chỉ bằng 1/10 so với xúc tiến trực tiếp nhưng đem lại hiệu quả gấp nhiều lần. Ưu điểm vượt trội của kênh xúc tiến thương mại trực tuyến là rút ngắn khoảng cách giữa các đối tác, khách hàng và doanh nghiệp. Trước đây, VINASME thường chủ trì các chương trình xúc tiến thương mại cấp quốc gia với việc tổ chức các đoàn doanh nghiệp Việt Nam tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại quốc tế. Thế nhưng, để thích ứng với tình hình mới, VINASME đã nhanh chóng điều chỉnh hỗ trợ xúc tiến thương mại sang trực tuyến cho doanh nghiệp. Thông qua xúc tiến thương mại trực tuyến, doanh nghiệp có thể tiếp thị toàn cầu, truy cập lấy thông tin cũng như giao dịch với khách hàng 24/7. Tuy nhiên, phương thức này cũng tiềm ẩn không ít rủi ro khi các ứng dụng về marketing hoặc quảng cáo và bán sản phẩm có thể bị lợi dụng để bán hàng kém chất lượng, hàng hóa và dịch vụ không tương xứng với giá bán.

Thực tế cho thấy, những doanh nghiệp nhanh nhạy, sớm chuyển đổi từ mô hình tham gia hội chợ trực tiếp sang trực tuyến (online) đã tăng kim ngạch xuất khẩu, khai thác thị trường mới, không lệ thuộc vào thị trường truyền thống. Mô hình thương mại trực tuyến đang phát huy hiệu quả rất lớn trong đại dịch.

Chính vì vậy, hàng hóa Việt Nam, đặc biệt là những mặt hàng nông sản vẫn liên tục được cấp giấy thông hành để cập bến những thị trường khó tính, như vài thiều xuất khẩu sang Pháp, Nhật Bản, Hà Lan; nhân lồng Hưng Yên đi châu Âu và tiến tới là mận, thanh long cùng nhiều nông sản khác.

Vải thiều Việt Nam là một trong những mặt hàng điển hình đã thành công nhờ đẩy mạnh xúc tiến thương mại trực tuyến. Bộ Công Thương cho biết, từ đầu năm 2021 đến nay, các hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều trực tiếp và trực tuyến tại các điểm cầu trong nước và quốc tế được thực hiện định kỳ và mang lại nhiều kết quả tích cực.

Năm 2021, lần đầu tiên vải thiều Bắc Giang được tổ chức phân phối bài bản trên cả 6 sàn thương mại điện tử lớn ở Việt Nam: Sendo, Voso, Tiki, Shopee, Lazada, Postmart, qua Gian hàng Việt trực tuyến được điều phối bởi Cục Thương mại điện tử và kinh tế số, Bộ Công Thương. Điều này thể hiện sự chung tay của doanh nghiệp và cộng đồng trong việc cùng các địa phương, các hợp tác xã trồng vải ở Bắc Giang phân phối sản phẩm vải thiều trên môi trường trực tuyến.

Tại thị trường Hà Lan, mặc dù việc đưa quả vải thiều Việt Nam sang thị trường này gặp không ít khó khăn, nhưng với sự đồng lòng của cơ quan quản lý Nhà nước cùng nỗ lực rất lớn từ các doanh nghiệp, lần đầu tiên quả vải tươi Việt Nam được nhập khẩu chính ngạch vào Hà Lan và từ nước này phân phối cho các nước EU lân cận. Đặc biệt, điểm cộng cho lô hàng vải nhập khẩu từ Việt Nam lần này là có gắn tem truy xuất nguồn gốc iTrace247 do Cục Xúc tiến

thương mại phát triển làm tăng thương hiệu cho quả vải Việt Nam.

Nhờ xúc tiến thương mại trực tuyến, vải thiều Việt Nam đã xuất khẩu thành công sang Pháp, Nhật Bản... đều là những thị trường đòi hỏi rất cao về chất lượng sản phẩm. Trái vải thiều được bán ở đây với giá lên đến gần 500.000 đồng/kg nhưng vẫn "cháy hàng". Quả vải đã khẳng định được thương hiệu trên nhiều thị trường quốc tế "khó tính" với tổng sản lượng xuất khẩu năm 2021 đạt trên 89.000 tấn, chiếm 41,4% tổng sản lượng tiêu thụ.

Việc Bắc Giang cũng như một số địa phương có các sản phẩm nông sản đặc trưng chủ động phối hợp áp dụng phương thức kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ mới là hướng đi đúng, cách tiếp cận và giải quyết vấn đề sáng tạo, phù hợp và hiệu quả trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

Câu chuyện các sàn thương mại điện tử hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ nông sản cho bà con nông dân chỉ là một ví dụ cho thấy tầm quan trọng của hoạt động giao thương trực tuyến và chuyển đổi số trong bối cảnh kinh tế mới. Tính hiệu quả của hoạt động này sẽ còn được thể hiện mạnh mẽ hơn trong thời gian tới khi đại diện các doanh nghiệp thương mại điện tử khẳng định họ không chỉ tận dụng những thay đổi trong thói quen tiêu dùng của người dân và thị trường để tăng doanh thu-lợi nhuận, sớm chiếm lĩnh thị phần thương mại điện tử,

mà còn liên kết với nhau - thiết thực hỗ trợ quảng bá tiêu thụ hàng Việt toàn cầu.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang hoàn thiện thêm các thủ tục cần thiết để có thể xuất khẩu thêm một số nông sản, đặc sản địa phương ra thị trường quốc tế thông qua phương thức thương mại điện tử xuyên biên giới, tức là từ nhà sản xuất Việt Nam tới tận tay người tiêu dùng nước ngoài.

Có thể nói, việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp đã giúp doanh nghiệp Việt Nam vừa tiếp cận khách hàng trong nước và quốc tế vừa đảm bảo phòng chống dịch. Qua đó, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đóng góp thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu cả nước nói chung và tăng trưởng của ngành công thương nói riêng.

Hình thành hệ sinh thái xúc tiến thương mại toàn diện

Mặc dù xúc tiến thương mại trực tuyến mới chỉ phổ biến kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát và ban đầu chỉ được xem như một giải pháp tình thế trong bối cảnh hạn chế đi lại. Tuy nhiên, đến hiện tại, các chuyên gia và doanh nghiệp đều nhận định, đây sẽ là một phần không thể thiếu trong hệ sinh thái xúc tiến thương mại ứng dụng công nghệ mới, hỗ trợ đắc lực cho xúc tiến thương mại trực tiếp.

Theo Cục Xúc tiến thương mại thuộc Bộ Công Thương, xúc tiến thương mại trực tuyến đã làm rất tốt vai trò cầu nối doanh nghiệp sản xuất và người mua hàng trong bối cảnh hạn chế đi lại, hạn chế tổ chức sự kiện tập trung đông người. Nhờ kết nối trực tuyến, doanh nghiệp duy trì được các mối liên hệ với thị trường xuất khẩu mục tiêu, đồng thời cũng là công cụ tìm hiểu về xu hướng, diễn biến, nhu cầu thị trường, nắm bắt thông tin về đối thủ cạnh tranh mà không tốn nhiều thời gian, chi phí. Chính vì vậy, ngay cả khi dịch Covid-19 chấm dứt thì xúc tiến thương mại trực tuyến vẫn sẽ được tổ chức một cách thường xuyên với vai trò hỗ trợ thông tin đắc lực cho các hội chợ, triển lãm trực tiếp.

Cục Xúc tiến thương mại cho biết, tốc độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xúc tiến thương mại đã được đẩy nhanh hơn 5 năm so với bối cảnh không có dịch Covid-19. Từ việc thích nghi với dịch bệnh, Cục Xúc tiến thương mại đang phát triển các nền tảng ứng dụng công nghệ số nhằm tạo ra hệ sinh thái xúc tiến thương mại mới bao gồm hội chợ, triển lãm trực tuyến, cơ sở dữ liệu tập trung trực tuyến, cổng truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại... tạo điều kiện để tất cả doanh nghiệp có thể tiếp cận



chương trình xúc tiến thương mại với chi phí thấp nhất và hiệu quả cao nhất.

Hiện nay, nhằm đổi mới hình thức, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, Cục Xúc tiến thương mại cũng đang xây dựng và thiết lập hoàn chỉnh ứng dụng Hệ sinh thái về xúc tiến thương mại (App). Đây là nền tảng công nghệ thông tin ứng dụng vào hoạt động xúc tiến thương mại một cách toàn diện.

Thời gian tới, Cục sẽ triển khai thí điểm hình thức mới là tham gia hội chợ từ xa, lựa chọn các hội chợ có uy tín, được triển khai tại nội địa các nước và khu vực đã kiểm soát được dịch bệnh để xây dựng gian hàng trưng bày hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam. Từ đó, tạo điều kiện trực tiếp quảng bá sản phẩm đến khách hàng quốc tế và sử dụng công nghệ để kết nối giao dịch giữa doanh nghiệp tại Việt Nam với khách nước ngoài thăm quan gian hàng.

Ngoài ra, Cục còn hợp tác với các sàn thương mại điện tử uy tín trên thế giới như Amazon, Alibaba, Global Sources nhằm giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí xúc tiến xuất khẩu và giới thiệu thương hiệu sản phẩm đến người tiêu dùng và nhà nhập khẩu toàn cầu.

Theo ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), thương mại điện tử xuyên biên giới đã thay đổi hoàn toàn xu hướng kinh doanh, hợp tác với nhiều doanh nghiệp; trong đó các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa có cơ hội bình đẳng vươn tới thương mại toàn cầu. Vì vậy, doanh nghiệp cần có sản phẩm đủ khả năng, tiềm năng xuất khẩu với giá thành cạnh tranh và nâng cao thứ hạng

gian hàng, tăng khả năng quảng bá sản phẩm. Hơn nữa, do tính cạnh tranh trong thương mại điện tử rất khốc liệt nên doanh nghiệp cần số hóa tất cả điểm tiếp xúc để tương tác với người mua hàng, qua đó hỗ trợ tốt cho các khâu từ marketing đến bán hàng, chăm sóc khách hàng...

Thứ trưởng Bộ Công Thương Đỗ Thắng Hải cho rằng, mặc dù đã đổi mới nhưng các hình thức xúc tiến hiện đại còn hạn chế; quy mô hoạt động còn nhỏ so với các nước trong khu vực. Cùng với đó, hoạt động xúc tiến thương mại chưa có sự liên kết thành một hệ sinh thái giữa doanh nghiệp xuất khẩu, hiệp hội ngành hàng, tổ chức xúc tiến thương mại với nhà cung cấp dịch vụ chuyên ngành.

Để hỗ trợ doanh nghiệp, trong năm 2021, Bộ Công Thương sẽ đa dạng hóa các hình thức xúc tiến thương mại, ưu tiên triển khai các đề án xúc tiến thương mại quốc gia, các hoạt động với những thị trường sớm khôi phục sau dịch Covid-19. Đồng thời, Bộ tập trung đẩy mạnh xúc tiến tiến thương mại đối với các thị trường trọng điểm, thị trường có thỏa thuận thương mại tự do với Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN, EU, Hoa Kỳ...

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục sửa đổi, bổ sung một số quy định mới nhằm tạo hành lang pháp lý phù hợp và thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu thông qua môi trường kỹ thuật số.

Tuy nhiên, ngoài sự hỗ trợ từ phía cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp cũng cần thường xuyên tham gia các hoạt động giao thương, hội nghị, hội thảo trực tiếp và trực tuyến để có thêm các cơ hội gặp gỡ khách hàng trong và ngoài nước; chủ động chuyển đổi số như: Xây dựng website, quảng bá thương hiệu, sản phẩm một cách chuyên nghiệp; tham gia các sàn thương mại điện tử lớn, uy tín trên thế giới; thường xuyên cải thiện chất lượng hàng hóa, sản phẩm; quy cách đóng gói đáp ứng nhu cầu từ các nhà phân phối, nhà nhập khẩu trong và ngoài nước; thường xuyên cập nhật thông tin mặt hàng xuất khẩu, nhà phân phối, nhà nhập khẩu tiềm năng cũng như nâng cấp, bảo dưỡng cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị để kết nối giao thương trực tuyến đạt hiệu quả cao.../.



NGÀNH ĐỒ GỖ NỘI THẤT VIỆT NAM CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Gia Linh

Tận dụng cơ hội, đẩy mạnh tăng trưởng

Thời gian qua, mặc dù thế giới phải ứng phó với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, song ngành đồ gỗ nội thất Việt Nam vẫn có sự duy trì và bứt tốc tăng trưởng ấn tượng. Việt Nam hiện đã trở thành một trong những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu đồ gỗ với thị trường trải rộng khắp 140 quốc gia và vùng lãnh thổ. Bằng sự nỗ lực, sáng tạo trong quá trình sản xuất sản phẩm, đồ gỗ nội thất Việt Nam đã thu hút sự quan tâm chú ý của các nhà nhập khẩu, các khách hàng, đối tác toàn cầu.

Nếu như giai đoạn 2006 - 2010, giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản của nước ta là 2,8 tỷ USD/năm thì sang giai đoạn 2011 - 2020 đã tăng

Ngành đồ gỗ nội thất Việt Nam thời gian qua đã vượt qua những thách thức lớn do tác động của đại dịch Covid-19 mang lại kết quả tăng trưởng ấn tượng. Tuy nhiên, những diễn biến phức tạp của dịch bệnh cũng đã và đang khiến cho chuỗi cung ứng hàng hóa bị đứt gãy, thị trường bất ổn, giá cước vận chuyển tăng, nguồn cung nguyên liệu đầu vào bị gián đoạn, lao động khan hiếm... do vậy, để duy trì đà tăng trưởng, ngành gỗ cần chủ động và nỗ lực hơn nữa nhằm loại bỏ các yếu tố khó khăn tiềm ẩn và hiện hữu.

khoảng 8 tỷ USD/năm. Năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, trước biến động phức tạp của đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp chế biến, sản xuất đồ gỗ, nội thất đã ứng phó chống dịch nghiêm ngặt,

thực hiện tổ chức sản xuất hợp lý, cải tiến công nghệ, nghiên cứu sáng tạo sản phẩm phù hợp với các khách hàng, các quốc gia nhập khẩu, nên đã có những lợi thế đặc biệt trên thị trường quốc tế.

Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ năm 2020 đạt 12,3 tỷ USD. 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ đạt 10,4 tỷ USD, tăng xấp xỉ 42% so với cùng kỳ năm 2020.

Đặc biệt, tại thời điểm 7 tháng đầu năm, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đã đạt 9,5 tỷ USD, tăng 53,7% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là con số xuất khẩu tăng trưởng ấn tượng, vượt lên những tác động do dịch Covid-19 mang lại, trong khi nhiều ngành hàng khác vẫn đang ngập trong khó khăn. Trong đó, các thị trường xuất khẩu gỗ và lâm sản chính của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm nay gồm Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU và Hàn Quốc, hiện chiếm trên 90% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản.

Dẫn đầu về trị giá xuất khẩu là thị trường Mỹ đạt 5 tỷ USD, tăng 93,9% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp theo là thị trường Trung Quốc đạt 814 triệu USD, tăng 27,1%; Nhật Bản đạt 704 triệu USD, tăng 17,2%; Hàn Quốc đạt 453,1 triệu USD, tăng 12,8%...

Nhóm sản phẩm đồ gỗ nội thất là nhóm sản phẩm có nhiều triển vọng nhất trong bức tranh xuất khẩu đồ gỗ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ nội thất nhà bếp 7 tháng đầu năm đạt khoảng 550 triệu USD, tăng 66% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ (phần lớn là đồ gỗ) trong tháng 7/2021 đạt 196 triệu USD, nâng trị giá xuất khẩu trong 7 tháng lên tới 1,4 tỷ USD, tăng 47,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Thực tế cho thấy, trước đây Hoa Kỳ chủ yếu nhập khẩu đồ gỗ nội thất phòng ngủ từ Trung Quốc, nhưng đến thời điểm này, Việt Nam đã vượt Trung Quốc, trở thành nguồn cung cấp số 1 về mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ cho Hoa Kỳ.

Trị giá xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tới thị trường Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 991,4 triệu USD, tăng 69,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng từ 30,7% năm 2009, lên 50% trong năm 2020. Trong khi đó, tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc đã giảm xuống chỉ còn 7,02% trong năm 2020.

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2021 ngành gỗ nhận 23 dự án mới từ 9 quốc gia/vùng lãnh thổ với tổng số vốn 136,056 triệu USD; 10 lượt tăng vốn với tổng vốn tăng đạt 45,28 triệu USD; 26 lượt góp vốn mua cổ phần với tổng vốn 41,14 triệu USD. Trong đó, đứng đầu là Trung Quốc với 12 dự án, tổng vốn đầu tư 29,26 triệu USD; Hàn Quốc với 2 dự án, tổng vốn 8,14 triệu USD; Nhật Bản với 2 dự án, tổng vốn 1,265 triệu USD...

Về mặt hàng, sản xuất giường, tủ, bàn ghế thu hút 16 dự án, với tổng vốn đầu tư 46,53 triệu USD. Trong đó, Trung Quốc đầu tư 12 dự án với tổng vốn 29,26 triệu USD. Các nước còn lại như: Belize, British Virgin Islands, Hàn Quốc và Hoa Kỳ đều đầu tư 1 dự án; cửa bào, xẻ có 1 dự án do Nhật Bản đầu tư với vốn 865,8 nghìn USD; pallet gỗ với 1 dự án do Hồng Kông (Trung Quốc) đầu tư, vốn 500 nghìn USD.

Các chuyên gia cho biết, lợi thế của Việt Nam đối với ngành xuất khẩu gỗ, nội thất thời gian qua là do có môi trường sản xuất an toàn nhờ kiểm soát dịch Covid-19 một cách chặt chẽ trong khi hàng loạt quốc gia phải tạm dừng sản xuất, đóng cửa nhà máy. Mặt khác, các doanh nghiệp ngành gỗ và nội thất Việt Nam có khả năng nhận diện thị trường tốt và tận dụng các cơ hội khá hiệu quả.

Theo đánh giá, hiện các doanh nghiệp ngành đồ gỗ nội thất đã thích ứng được tình hình mới, ổn định sản xuất. Các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp sản xuất đồ nội thất bằng gỗ nói chung và đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam nói riêng đã đầu tư công nghệ, phát triển sản phẩm mới và sử dụng hiệu quả kênh tiếp thị, tăng cường giao thương trực tuyến tìm các đối tác nước ngoài mở rộng xuất khẩu. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng đã có sự thay đổi rất lớn về mẫu mã và phong cách bán hàng, bắt kịp những tiêu chuẩn xuất khẩu và chủ động marketing sản phẩm. Các sản phẩm đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam đã từng bước đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của người tiêu dùng trên thế giới (cụ thể như: Hoa Kỳ, Pháp, Anh...) và ngày càng có xu hướng tăng thị phần tại thị trường này.

Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam cho biết, tốc độ tăng trưởng nhanh sang các thị trường như Anh, Canada, Pháp và Úc... cũng góp phần thúc đẩy trị giá xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ trong thời gian tới, bởi nhu cầu của các thị trường này đối với đồ nội thất phòng ngủ đều ở mức cao. Trong đó, theo nhận định của các chuyên gia, Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 6 cho Pháp, nhưng tỷ trọng chỉ chiếm 4,5% tổng trị giá nhập khẩu, vẫn còn khá thấp so với nhu cầu nhập khẩu



của thị trường này. Do đó, cơ hội mở rộng thị phần tại Pháp là rất lớn đối với các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam.

Tương tự như với Pháp, mặc dù xuất khẩu sản phẩm từ gỗ sang thị trường EU nói chung tăng mạnh, song đồ nội thất bằng gỗ Việt Nam xuất khẩu sang EU vẫn chiếm tỷ trọng thấp. Điều này cho thấy, dư địa cho việc mở rộng thị trường cho các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU còn khá lớn. Các chuyên gia dự báo, nửa cuối năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường EU sẽ tăng mạnh khi dịch Covid-19 được kiểm soát, EU dần nới lỏng các biện pháp phòng dịch, mở cửa thông thương thuận tiện hơn. Nền kinh tế các quốc gia thuộc EU khởi sắc sẽ là một trong những yếu tố hỗ trợ xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường này tăng mạnh.

Bên cạnh đó, lợi thế từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) cũng đã giúp ngành gỗ Việt Nam gia tăng sức cạnh tranh về giá so với các sản phẩm cùng loại với các đối thủ cạnh tranh tại thị trường EU, đặc biệt là đối với nhóm mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ.

Theo thông tin từ nhiều công ty xuất khẩu đồ gỗ, nội thất trong nước, những tháng đầu năm 2021 đơn hàng các công ty nhận được vẫn tiếp tục tăng do các nhà nhập khẩu nước ngoài đã bắt đầu mùa

mua hàng mới phục vụ nhu cầu mua sắm cuối năm. Phía các công ty nhận định, khi dịch Covid-19 có thể là cơ hội cho sản phẩm đồ gỗ và nội thất, các công ty đã tiến hành cải tiến nhà máy sản xuất, đầu tư chuyên sâu về công nghệ để nâng cao năng suất. Đồng thời, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đa chức năng, phù hợp với nhu cầu của khách hàng trong thời dịch...

Còn đó những khó khăn, thách thức

Có thể thấy, những kết quả tăng trưởng ấn tượng của ngành đồ gỗ, nội thất Việt Nam thời gian qua đã cho thấy sự nỗ lực và thích ứng trong điều kiện gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, bên cạnh niềm vui trước mắt của các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ Việt Nam là sự gia tăng mạnh mẽ về đơn hàng, tăng kim ngạch xuất khẩu, các doanh nghiệp đồ gỗ, nội thất vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó, điều đầu tiên phải kể tới đó là, cũng chính vì sự gia tăng đơn hàng trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp sẽ khiến khả năng đáp ứng của nhiều doanh nghiệp bị hạn chế, bởi nguồn cung nguyên liệu bị gián đoạn (do dịch bệnh Covid-19), việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm phải thực hiện khắt khe theo yêu cầu của khách hàng. Đặc biệt, việc truy xuất nguồn gốc từng bộ phận sản phẩm cũng ngày càng được thực hiện chặt chẽ hơn, do đó nếu chỉ một chi tiết sản phẩm không đáp ứng quy trình sẽ làm ách tắc cả lô hàng xuất khẩu...

Cùng với đó, các chuyên gia cho rằng khi các đơn hàng gia tăng, giá trị xuất khẩu của ngành gỗ tăng mạnh, chính điều này cũng sẽ tiềm ẩn những yếu tố rủi ro bởi các đối tác cạnh tranh

sẽ gia tăng các biện pháp phòng vệ đối với các mặt hàng có sự tăng trưởng đột biến. Cụ thể như, hiện nay, cơ quan chức năng Hoa Kỳ rất quan tâm tới hoạt động đầu tư có dấu hiệu gian lận thương mại, giả mạo xuất xứ. Vì vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn của Việt Nam cần phải cẩn trọng, tránh trường hợp trở thành điểm trung chuyển hàng hóa cho quốc gia thứ ba. Bộ Công Thương cũng đã khuyến nghị các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về chứng nhận xuất xứ, không tiếp tay cho các hành vi gian lận xuất xứ, lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, nhằm tránh những tổn thất nặng nề khi các nước khởi kiện với các biện pháp phòng vệ thương mại.

Bên cạnh việc phải đối diện với những quy định mới của các thị trường nhập khẩu, ngành chế biến, xuất khẩu gỗ Việt Nam cũng đang đối mặt với một vấn đề chung của nền kinh tế thế giới. Đó là tình trạng thiếu container rỗng để xuất hàng qua các cảng quốc tế trước khi chuyển giao cho các khách hàng khắp thế giới.

Theo báo cáo dữ liệu ngành logistics của SSI Research, Việt Nam không tham gia vào vận tải biển liên lục địa. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung, doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ nói riêng chịu tác động tiêu cực từ việc tăng giá cước trên các tuyến đường dài. Chi phí vận chuyển đến các thị trường Mỹ, châu Âu đã tăng từ 2-3 lần trong năm qua, gần đây nhất là phí vận chuyển trong tháng 7/2021 đã tăng lên 10 lần so với thời điểm trước dịch.

Các chuyên gia ngành vận tải hàng hải, logistics đánh giá,



giá cước có thể đạt đỉnh vào quý IV/2021 và sau đó sẽ điều chỉnh nhẹ vào đầu năm 2022. Giá cước có thể giảm đáng kể trong năm 2023 khi nguồn cung tàu mới đi vào hoạt động, nhưng duy trì ở mức cao hơn mặt bằng trước dịch Covid-19. Do đó, để ngành chế biến, xuất khẩu gỗ Việt Nam được thuận lợi trong việc tìm container rỗng để vận chuyển, giao hàng đúng hợp đồng đã ký, các cơ quan quản lý nhà nước cần có sự hỗ trợ, tìm hướng đi hợp lý cho ngành hàng đang phát triển thuận lợi trong tình huống ứng phó dịch bệnh Covid-19 này. Các doanh nghiệp cũng đề xuất Bộ Công Thương có thêm các biện pháp tạo kênh liên kết, kết nối các hãng tàu lớn trong và ngoài nước với nhau nhằm ổn định giá cước vận chuyển trong xuất nhập khẩu nói chung và trong vận chuyển gỗ xuất khẩu nói riêng. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại nhằm khai thác các thị trường lớn như Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng như các thị trường mới nổi tiềm năng hiện nay.

Ngoài ra, hiện nay theo thống kê, ngành gỗ có khoảng 5.300 doanh nghiệp, sử dụng trên 700 nghìn lao động và hàng vạn lao động tự do ở trong các làng nghề gỗ trên phạm vi cả nước. Đây là nguồn lực quan trọng trong sản xuất, qua đó giúp ngành gỗ đạt mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu. Tuy nhiên, trong bối cảnh đại dịch vẫn diễn biến phức tạp, ở góc độ toàn ngành, nếu dịch lan rộng, cộng đồng doanh nghiệp gỗ sẽ đối mặt nguy cơ ngưng trệ sản xuất, vi phạm hợp đồng giao hàng, có doanh nghiệp thậm chí bị phá sản do đứt gãy chuỗi cung ứng...

Chính vì vậy, trước nhiều khó khăn, thách thức, để giữ vị trí bền vững, duy trì đà tăng trưởng, ngành chế biến gỗ, nội thất Việt Nam cần nỗ lực, chủ động hơn nữa nhằm đảm bảo nguồn gốc gỗ hợp pháp; chủ động nguồn lao động và nguyên liệu đầu vào; nâng cao chất lượng và đổi mới mẫu mã sản phẩm hợp với văn hóa của các quốc gia, khách hàng; ngăn chặn hiệu quả tình trạng gian lận nguồn gốc xuất xứ... như vậy mới có thể ngăn chặn, loại bỏ những rủi ro đang hiện hữu và tiềm ẩn./.

Nhiều chuyển biến tích cực trong công tác phòng, chống thiên tai

Hàng năm, Việt Nam có mùa mưa bão kéo dài từ tháng 5 đến tháng 12, với những cơn bão hình thành từ Biển Đông di chuyển và gây ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền, nhất là các tỉnh ven biển.

Theo báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, năm 2020, thiên tai diễn ra dồn dập, khốc liệt, mang nhiều yếu tố dị thường, vượt mức lịch sử trên nhiều vùng miền cả nước. Cụ thể, trong năm 2020, cả nước đã xảy ra 16/22 loại hình thiên tai, trong đó có 14 cơn bão và 01 áp thấp nhiệt đới; 265 trận dông, lốc sét; 120 trận lũ quét, sạt lở đất; 90 trận động đất; hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng, sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đê biển tại đồng bằng sông Cửu Long... Thiên tai đã làm 357 người chết và mất tích, 3.429 nhà sập; trên 198.000 ha lúa và hoa màu bị thiệt hại; 52.000 con gia súc, 4,1 triệu con gia cầm bị chết, cuốn trôi. Tổng thiệt hại là gần 40.000 tỷ đồng. Bên cạnh những thiệt hại về vật chất, thiên tai còn làm ảnh hưởng đến môi trường sống, sức khỏe, sản xuất và đời sống của Nhân dân, cản trở giao thương, làm gián đoạn việc cung cấp dịch vụ thiết yếu tại nhiều khu vực.

6 tháng đầu năm 2021, cả nước xảy ra 59 trận động đất nhẹ, 137 trận mưa đá, dông lốc, 14 trận mưa lớn, lũ cục bộ; hai trận lũ quét và 60 điểm sạt lở bờ sông. Thiên tai đã làm 25 người chết, 31 người bị thương, ước tính thiệt hại về kinh tế hơn 132 tỷ đồng. Dự báo số lượng bão năm 2021 có xu hướng tương đương so với trung bình nhiều năm, khoảng từ 12-14 cơn, ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền khoảng 5-7 cơn.

Trước ảnh hưởng của bão, công tác phòng chống thiên tai những năm qua đã nhận được sự chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương, sự phối kết hợp của các Bộ, ngành cùng sự chủ động sáng tạo, quyết liệt trong các cấp chính quyền địa phương và người dân qua đó đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong công tác chỉ đạo, quản lý và hoạt động phòng, chống thiên tai. Hệ thống pháp luật về phòng, chống thiên tai ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ. Đáng chú ý, lần đầu tiên Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Ngày 3/7/2017, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 26/2017/QĐ-TTg thành lập Tổng cục Phòng, chống thiên tai, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chính phủ ban hành Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai; Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030; ...

XÂY DỰNG XÃ HỘI AN TOÀN TRƯỚC THIÊN TAI

Phạm Thị Mỹ Nhung

Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai do đó công tác phòng, chống thiên tai phải được xác định là nhiệm vụ thường xuyên. Để từng bước xây dựng xã hội an toàn trước thiên tai, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, đảm bảo an toàn hoạt động phòng, chống thiên tai trong điều kiện thường xuyên xảy ra thời gian tới.

Lực lượng phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn từ trung ương đến địa phương tiếp tục được củng cố kiện toàn, trong đó lực lượng xung kích trong phòng, chống thiên tai cấp xã đã tích cực kiện toàn và phát huy hiệu quả.

Công tác cảnh báo, thông báo trước, trong và sau lũ của các cơ quan chức năng đã phát huy hiệu quả hỗ trợ được hàng trăm nghìn người dân di chuyển đến nơi ở an toàn, hạn chế phần lớn thiệt hại do bão, lũ trực tiếp gây ra.

Công tác cứu hộ, cứu nạn giúp giảm được cơ bản thiệt hại về người, nhiều người dân đã được ứng cứu kịp thời. Đặc biệt, việc triển khai có hiệu quả Quyết định số 48/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung đã góp phần hạn chế thiệt hại về người trong thiên tai. Tính đến tháng 10/2020, thực hiện Quyết định số 48/QĐ-TTg đã hỗ trợ được 19.350/21.600 hộ xây nhà ở phòng, tránh bão lũ.

Hệ thống công trình, cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng, chống thiên tai từng bước được đầu tư xây dựng và đang phát huy



hiệu quả như: Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long; Các dự án cải tạo, nâng cấp khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; Hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa, các công trình thủy lợi và đường cứu hộ, cứu nạn.

Bên cạnh những kết quả đạt được công tác phòng, chống thiên tai vẫn còn một số bất cập, hạn chế như: Thiệt hại về người vẫn còn lớn; tình trạng chia cắt, cô lập khi có tình huống thiên tai chưa được khắc phục; năng lực theo dõi giám sát thiên tai, cứu hộ, cứu nạn còn hạn chế; khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, hệ thống công trình phòng, chống thiên tai chưa đáp ứng được trước sự tàn phá của bão lũ...; hệ thống tổ chức

bộ máy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hầu hết là kiêm nhiệm; nguồn lực để phòng, chống thiên tai còn hạn chế; hạn chế trong ứng dụng khoa học công nghệ dự báo, theo dõi, giám sát, phân tích, cảnh báo thiên tai

Từng bước xây dựng xã hội an toàn trước thiên tai

Trước xu thế biến đổi khí hậu diễn ra nhanh và phức tạp, thiên tai ngày càng cực đoan làm thiệt hại tới sản xuất - kinh doanh và tính mạng của người dân. Để xây dựng xã hội an toàn trước thiên tai đòi hỏi công tác phòng, chống thiên tai thời gian tới hiệu quả hơn nữa với các biện pháp ứng phó nhanh và kịp thời. Cụ thể,

Ngày 17/3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định

số 379/QĐ-TTg Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, từng bước xây dựng quốc gia có khả năng quản lý rủi ro thiên tai, cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng. Mục tiêu Chiến lược đến năm 2030, giảm 50% thiệt hại về người do lũ quét, sạt lở đất so với giai đoạn 2011-2020; thiệt hại về kinh tế do thiên tai thấp hơn giai đoạn 2011-2020, không vượt quá 1,2% GDP; Hệ thống pháp luật, chính sách về phòng chống thiên tai được hoàn thiện, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho quản lý, chỉ đạo, chỉ huy và triển khai công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn. Phấn đấu 100% cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức và hộ gia đình được tiếp nhận đầy đủ thông tin và hiểu biết kỹ năng phòng tránh thiên tai; lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, trang bị đầy đủ kiến thức và trang thiết bị cần thiết; 100% tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đảm bảo các yêu cầu theo phương châm “4 tại chỗ”. Năng lực theo dõi giám sát, dự báo, cảnh báo, phân tích thiên tai ngang tầm với các quốc gia hàng đầu trong khu vực. 100% cơ quan chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh hoàn thiện cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai; 100% khu vực trọng điểm, xung yếu phòng chống thiên tai được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát; 100% tàu cá đánh bắt vùng khơi và vùng lộng được lắp đặt hệ thống giám sát, bảo đảm thông tin liên lạc. Người dân được bảo đảm an toàn trước thiên tai, nhất là bão, lũ, sạt lở đất, lũ quét. Khả năng

chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, nhất là hệ thống đê điều, hồ đập, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế, không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

Hiện, dịch Covid -19 đang diễn biến phức tạp trong Việt Nam đã bước vào mùa mưa bão, để đảm bảo vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai toàn diện hơn, Chính phủ đã yêu cầu các địa phương phải chủ động chuẩn bị kịch bản ứng phó phù hợp với bối cảnh đặt ra.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các bộ ngành, địa phương liên quan tích cực triển khai các nội dung trong quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi trên toàn quốc. Trong đó, tập trung giải quyết những vấn đề lớn, có tính chất liên vùng, liên tỉnh, các vấn đề tồn tại đặc thù, lâu dài của từng vùng. Đồng thời rà soát các quy hoạch liên quan đến quy hoạch dân cư, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các công trình cơ sở hạ tầng đảm bảo không làm gia tăng rủi ro thiên tai.

Ngoài ra để chủ động giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, từng bước xây dựng xã hội an toàn trước thiên tai thời gian tới công tác phòng chống thiên tai cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về phòng chống thiên tai bảo đảm đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, nhất là xử lý các nhiệm vụ cấp bách liên quan đến ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Hai là, nâng cao nhận thức về thiên tai, rủi ro thiên tai, tăng cường

quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai; hướng dẫn, phổ biến kỹ năng phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp cho các cấp chính quyền cơ sở, người dân và doanh nghiệp để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại.

Ba là, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và cứu hộ cứu nạn với việc tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn các cấp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đủ năng lực và hiệu quả.

Bốn là, xây dựng, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch phòng chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai, lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

Năm là, nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng với thiên tai. Đầu tư củng cố, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, trong đó tập trung củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê điều, hồ đập. Bổ sung, nâng cấp hệ thống trữ nước, tiêu thoát nước, phòng chống ngập úng do mưa lớn, lũ, triều gây ra; hướng dẫn người dân xây dựng nhà ở, có chính sách phù hợp hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn xây dựng nhà ở đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai.

Sáu là, thu hút nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ đó hình thành đội ngũ chuyên sâu để chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ vào phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai./

NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN TỈNH BẮC GIANG NHÌN TỪ KẾT QUẢ CUỘC ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP GIỮA KỲ 2020

Phạm Hoàng Tình

Phó trưởng phòng Thống kê Kinh tế, Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang có nhiều khởi sắc, tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá, các ngành, lĩnh vực được quan tâm đầu tư. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã phát huy hiệu quả, phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống nông dân.

Kinh tế - xã hội phát triển, bộ mặt nông thôn mới Bắc Giang có nhiều đổi mới tích cực

Thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc sáp nhập thôn, tổ dân phố, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện có 1.802 thôn, giảm 494 thôn so với cách đây 5 năm. Trên địa bàn nông thôn toàn tỉnh có 397.746 hộ, tăng 1,7% so với 5 năm trước, với 1.507.647 nhân khẩu, bình quân 3,79 người/hộ.

Số xã, thôn và số hộ, nhân khẩu nông thôn qua 2 kỳ điều tra 2016 và 2020

	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2020	2020 so với 2016 (%)
Số xã	Xã	204	184	90,20
Số thôn	Thôn	2.296	1.802	78,48
Số hộ	Hộ	391.087	397.746	101,70
Số nhân khẩu	Người	1.446.715	1.507.647	104,21
Số hộ nghèo trên địa bàn xã	Hộ	49.791	13.074	26,26
Số hộ cận nghèo trên địa bàn xã	Hộ	35.682	16.358	45,84

Từ năm 2016, 100% số thôn, xã đã có điện lưới quốc gia, qua đó đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn, đảm bảo trật tự an ninh quốc phòng, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của nông dân nông thôn. Đồng thời cũng góp phần thay đổi cơ cấu cây trồng, thay đổi tập quán và quy mô canh tác, chuyển dịch cơ cấu phát triển kinh tế và tăng thu nhập cho các hộ dân nông thôn.

Với trên 80% dân số sống ở khu vực nông thôn, do đó việc phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững của tỉnh Bắc Giang vừa là mục tiêu, động lực, vừa là công cụ, giải pháp hiệu quả nhất nhằm cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái và góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng.

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó công tác phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh đạt kết quả khá toàn diện, góp phần tích cực tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhà đầu tư về khu vực nông thôn, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo và giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế - xã hội khác. Đáng chú ý là hệ thống giao thông đường trục xã được quan tâm phát triển, với 182/184 xã có đường trục xã được rải nhựa/ bê tông hóa, đạt 98,91% số xã toàn tỉnh. Số xã có đường trục thôn được rải nhựa/ bê tông hóa là 183 xã,

chiếm 99,46% tổng số xã... Với cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng cả về bề rộng và chiều sâu là điều kiện hết sức thuận lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt của cư dân nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Tính đến 01/7/2020, trên địa bàn tỉnh đã có 100% số xã có trường Tiểu học và trường Trung học sơ sở. Số trường Trung học phổ thông trên địa bàn nông thôn có 20 trường, trong đó 12 trường ở các xã miền núi, 5 trường ở các xã vùng cao trong tỉnh. Với hệ thống trường học được đảm bảo ở toàn bộ các xã, đã tạo điều kiện thuận lợi để học sinh không phải đi học xa, góp phần giảm tình trạng học sinh bỏ học, nhất là các xã ở vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cùng với việc đáp ứng về số lượng trường học thì kết quả xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác dạy và học được chú trọng, toàn bộ các trường học đều đã được xây dựng kiên cố, bán kiên cố từ năm 2016 góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

Những năm qua hệ thống y tế cơ sở, trong đó y tế xã đóng vai trò nòng cốt, đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện các chỉ số sức khỏe, tăng cường tiếp cận của người dân tới dịch vụ y tế chất lượng, giúp người dân tin tưởng và đến khám, chữa bệnh ban đầu tại hệ thống y tế cơ sở, giảm tải bệnh viện tuyến trên, đồng thời giảm chi phí y tế cho người dân. Hệ thống trạm y tế xã tiếp tục được đầu tư nâng cấp toàn diện cả về số lượng, chất lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ y, bác sĩ cũng như cơ sở vật chất. 100% số xã có trạm y tế, tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố hiện nay

đạt 78,80% (năm 2016 đạt 72,55%); bán kiên cố đạt 21,20% (năm 2016 đạt 27,45%). Số bác sĩ trên 1 vạn dân nông thôn đạt 1,70 bác sĩ/vạn dân (năm 2016 đạt 1,78), mức độ giảm này có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính là do nhân khẩu khu vực nông thôn trong 5 năm qua tăng 4,21%.

Nhận thức được việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, những năm qua, chính quyền các cấp đã tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đến mọi tầng lớp nhân dân, đồng thời đầu tư, xây dựng các công trình cấp nước và vệ sinh, bên cạnh đó cũng xử lý có hiệu quả các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt tại các làng nghề, trang trại chăn nuôi, khu công nghiệp... Nhờ vậy, môi trường ở khu vực nông thôn đã có nhiều tiến bộ so với các năm trước đây. Từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh vẫn duy trì 42 xã có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, góp phần quan trọng trong nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe của cư dân nông thôn. Tính đến 01/7/2020, toàn tỉnh có 89,67% số xã có hệ thống thoát nước thải chung, tăng mạnh so với 5 năm trước (năm 2016 là 45,10%); tỷ lệ thôn có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung là 72,20% (năm 2016 là 31,58%); tỷ lệ xã có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt đạt 76,09% (năm 2016 là 62,75%); tỷ lệ thôn có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt đạt 63,15% (năm 2016 là 38,07%).

Tại thời điểm 01/7/2020, cả tỉnh có 180 xã có nhà văn hóa xã/hội trường đa năng, chiếm 97,83% tổng số xã trên địa bàn nông thôn, tăng 27,24% điểm phần trăm

so với năm 2016; ngoài ra 1.714 thôn có nhà văn hóa/nhà sinh hoạt cộng đồng, chiếm 95,12% tổng số thôn, tăng 8,84 điểm phần trăm so với năm 2016; 1.584 thôn có khu thể thao thôn/nơi sinh hoạt văn hóa thể thao, chiếm 87,90% tổng số thôn. 100% số xã đã được lắp đặt hệ thống loa truyền thanh, phát huy tốt việc tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, cung cấp kịp thời những thông tin về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng nông thôn mới, cũng như các biện pháp để phòng, chống dịch bệnh...

Tại thời điểm 01/7/2020, cả tỉnh có 34 xã có ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoạt động, chiếm 18,48% tổng số xã trên địa bàn nông thôn, hệ thống tín dụng, ngân hàng nông thôn thực sự là nguồn cung ứng vốn quan trọng hỗ trợ kinh tế - xã hội nông thôn phát triển. Hoạt động thương mại, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và phục vụ dân sinh phát triển đa dạng, số cơ sở chế biến NLTS phát triển cả về số lượng và năng lực, từng bước tạo chuỗi gắn kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ các sản phẩm, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn, phát triển khu vực dịch vụ, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, phát triển làng nghề ở nông thôn.

Xác định rõ vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhiều chính sách đã được ban hành góp phần tạo động lực ổn định chính trị - xã hội, xây dựng nông thôn mới phát triển bền vững. Trong năm 2019, trên địa bàn nông thôn toàn tỉnh có 699 hộ được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở; gần 60 nghìn hộ

được vay vốn ưu đãi thuộc các chương trình, dự án với tổng số vốn vay đạt gần 2.000 tỷ đồng; gần 427 nghìn người được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (xã miền núi 63,44%, xã vùng cao 28,55% và xã thuộc khu vực đồng bằng - trung du 8,01%).

Công tác giảm nghèo luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở, của các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm nhanh, đời sống của người dân ngày càng được nâng lên, an sinh xã hội được bảo đảm. Kết quả giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 đạt khá ấn tượng, nếu như năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo chiếm tới 11,72% (khu vực nông thôn 12,70%) và tỷ lệ hộ cận nghèo chiếm 8,39% (khu vực nông thôn 9,10%) tổng số hộ, thì năm 2020, tỷ lệ này giảm tương ứng còn 3,14% (khu vực nông thôn 3,42%) và 3,98% (khu vực nông thôn 4,27%).

Sản xuất nông nghiệp đạt kết quả đáng ghi nhận

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020, hàng loạt thể chế, chính sách mới về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được ban hành, đã kịp thời bổ sung nguồn lực cho phát triển các lĩnh vực then chốt, đây chính là đòn bẩy quan trọng tạo ra những chuyển biến cho toàn ngành nông nghiệp nói chung và sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói riêng.

Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Bắc Giang năm 2020 tạo ra trên 22,5 nghìn tỷ đồng giá trị tăng thêm theo giá hiện hành (tăng 1,35 lần so với 5 năm trước).

Trong cơ cấu tổng sản phẩm (GRDP) lĩnh vực nông, lâm nghiệp chiếm 18,65% (năm 2016 là 24,95%). Những sản phẩm chủ yếu của tỉnh năm 2020 cơ bản giữ được sự ổn định hoặc tăng mạnh so với 5 năm trước, sản lượng lúa cả năm đạt trên 582 nghìn tấn; sản lượng nhãn, vải đạt gần 184 nghìn tấn; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt trên 168 nghìn tấn; thịt gà hơi xuất chuồng đạt trên 44,6 nghìn tấn...

Một số sản phẩm chủ yếu

Đơn vị tính: Tấn

	Năm 2016	Năm 2020	So sánh 2020/2016 (%)
Cây hàng năm			
Lúa	628.587	582.855	92,72
Ngô	42.983	42.754	99,47
Cây lâu năm			
Cam	10.596	46.296	436,92
Bưởi, bòng	10.360	36.640	353,67
Táo	4.385	10.514	239,77
Nhãn	15.825	18.912	119,51
Vải	148.000	165.066	111,53
Sản phẩm chăn nuôi xuất chuồng			
Lợn	172.512	168.403	97,62
Gà	40.658	44.625	109,76

Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới đạt nhiều thành tựu

Kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đạt được khá toàn diện. Phong trào "Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới" đã thực sự trở thành một phong trào ý nghĩa và được người dân đồng tình hưởng ứng. Đến hết năm 2020, toàn tỉnh đã có 127 xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 08 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao), chiếm 69% số xã và đạt 117,4% kế hoạch; có 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới và đã có quyết định công nhận, đạt 100% kế hoạch.

Kết cấu hạ tầng tiếp tục được tập trung đầu tư, nâng cấp góp phần thay đổi diện mạo nông thôn. Phát triển sản xuất có nhiều điểm mới, nổi bật, thu hút được nhiều loại hình kinh tế đầu tư vào vùng sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị; ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao bước đầu đã đem lại hiệu quả; thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa, cánh đồng mẫu đạt kết quả cao góp phần thay đổi cách thức sản xuất... Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được tập trung thực hiện, các tổ chức, cá nhân dân quan tâm đến việc xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

Đời sống người dân khu vực nông thôn ngày càng được cải thiện, thu nhập, điều kiện và mức sống được nâng lên, an sinh xã hội được quan tâm;

văn hóa, giáo dục, y tế và môi trường từng bước nâng cao chất lượng; hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, an ninh trật tự được giữ vững... đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn.

Kinh tế trang trại phát triển

Trong những năm qua, kinh tế trang trại đã góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn; đưa sản xuất nông nghiệp từ nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung.

Tính đến 01/7/2020 toàn tỉnh có 463 trang trại, bao gồm 377 trang trại chăn nuôi, chiếm 81,43%; 70 trang trại trồng trọt, chiếm 15,12%; 6 trang trại lâm nghiệp, chiếm 1,30%, 7 trang trại nuôi thủy sản, chiếm 1,51% và 3 trang trại tổng hợp, chiếm 0,65% trong tổng số trang trại.

Tổng diện tích đất các trang trại đang sử dụng trên 1.162 ha (tăng trên 233 ha so với diện tích đất các trang trại sử dụng cách đây 5 năm), bình quân 2,51 ha/trang trại (năm 2016 bình quân 1,41 ha/trang trại). Tổng doanh thu của 463 trang trại đạt trên 2.524 tỷ đồng (bình quân trang trại đạt trên 5.452 triệu đồng), trong đó giá trị sản phẩm và dịch vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản bán ra đạt trên 2.513 tỷ đồng (bình quân trang trại đạt trên 5.428 triệu đồng).

Doanh nghiệp và hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản góp phần quan trọng xây dựng nền nông nghiệp chất lượng cao

Tính đến hết năm 2020 toàn tỉnh có 184 hợp tác xã đang hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 16,5% so với năm 2016. Thành phần kinh tế hợp tác xã của tỉnh đã có những dấu hiệu tích cực trong quản lý,

sử dụng đất đai, lao động, vốn, tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh trên một số lĩnh vực. Quy mô lao động bình quân đạt 9,3 người/ hợp tác xã; thu nhập bình quân của lao động thường xuyên đạt trên 1,9 triệu đồng/người/tháng (năm 2016 bình quân đạt 1,2 triệu đồng/người/tháng). Kết quả hoạt động của các hợp tác xã và thu nhập của người lao động tuy có tăng so với năm 2016 nhưng vẫn còn thấp, tăng chậm và không đều, không vững chắc, nhất là hợp tác xã dịch vụ thủy nông.

Cũng tính đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 66 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (tăng 53,5% so với năm 2016), trong đó có 8 doanh nghiệp nhà nước. Quy mô lao động bình quân đạt 30 người/doanh nghiệp; kết quả SXKD của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực NLTS năm 2020 đạt khá hơn so với năm 2016, doanh thu bình quân đạt 31 tỷ đồng/doanh nghiệp (năm 2016 bình quân đạt 5,6 tỷ đồng/doanh nghiệp); qua đó thu nhập của người lao động cũng dần được cải thiện, bình quân đạt gần 5,1 triệu đồng/người/tháng (năm 2016 bình quân đạt 4,3 triệu đồng/người/tháng), mặc dù thu nhập của người lao động đã được cải thiện, nhưng vẫn còn có chênh lệch lớn giữa các loại hình doanh nghiệp, giữa các vùng và ngành sản xuất.

Tóm lại, từ kết quả cuộc điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020 cùng với các báo cáo chính thức các năm của ngành, đã cung cấp một bức tranh tổng quát về thực trạng và xu hướng phát triển nông thôn, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang trong 5 năm qua với những chuyển biến tích cực và khá toàn diện.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, hoạt động sản xuất NLTS trên địa bàn tỉnh vẫn còn đứng trước một số rủi ro, thách thức, hạn chế: Trong khi năng lực sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng nhanh thì thị trường tiêu thụ diễn biến khó lường; cùng với đó, năng suất lao động, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản mặc dù đã được cải thiện nhiều nhưng vẫn còn thấp. Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm; kinh tế hộ nhỏ lẻ vẫn chiếm tỉ trọng cao và còn bộc lộ những hạn chế, làm cản trở quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; sản xuất quy mô lớn, theo chuỗi giá trị chưa trở thành chủ đạo. Thu hút nguồn lực xã hội cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế; quy mô đất đai bình quân/hộ còn quá nhỏ, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn, gắn với chế biến và xuất khẩu. Lao động NLTS chưa được đào tạo còn chiếm tỷ trọng cao, thu nhập của lao động trong khu vực quan trọng này còn thấp. Môi trường sinh thái nông thôn chậm được cải thiện và khắc phục...

Hạn chế và bất cập tuy còn nhiều, song Bắc Giang tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp, khắc phục những khó khăn trong quá trình phát triển và thực hiện công cuộc tái cơ cấu ngành nông nghiệp hướng tới xây dựng nền nông nghiệp thông minh, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh; cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng./.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Lào Cai

8 tháng vận tải hàng hóa tăng 19,85% so với cùng kỳ năm trước

Theo Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, 8 tháng đầu năm 2021, vận tải hàng hóa đạt 7.538,93 nghìn tấn, tăng 19,85% so với cùng kỳ năm trước và 422.612,26 nghìn tấn.km, tăng 34,34%, doanh thu đạt 1.684,87 tỷ đồng, tăng 13,47%. Xét theo ngành vận tải, đường bộ đạt 7.538,41 nghìn tấn, tăng 19,86% và 422.611,73 nghìn tấn.km, tăng 34,34% so với năm trước. Hoạt động vận tải hàng hóa tăng là do các đơn vị hoạt động vận tải tăng hơn năm trước, nhu cầu vận chuyển hàng hóa của các đơn vị sản xuất kinh doanh tăng, vận chuyển hàng hoá chủ yếu là vật liệu xây dựng, quặng, nông sản; hàng hoá khác.../.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Lào Cai

Tiền Giang

Tư vấn việc làm và hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19

Theo Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, với diễn biến phức tạp và khó lường của dịch Covid-19, Tiền Giang đã và đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg. Theo đó, gần như toàn bộ doanh nghiệp đã tạm dừng hoạt động hoặc tạm dừng hoạt động một số bộ phận, do vậy ảnh hưởng tiêu cực đến đại đa số người lao động trên địa bàn tỉnh.

Tháng 8/2021, Tiền Giang đã tư vấn việc làm cho 510 lượt lao động, giảm 89,4% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: tư vấn nghề cho 1 lượt lao động, tư vấn việc làm 1 lượt lao động, tư vấn việc làm cho 508 lượt lao động thất nghiệp; giới thiệu việc làm cho lao động không phát sinh, giảm 442 lượt lao động.

Cũng trong tháng 8, Tiền Giang cũng đã tiếp nhận 508 người đăng ký thất nghiệp, giảm 81,7% so với cùng kỳ năm 2020, cơ quan chức năng đã ban hành 1.294 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, giảm 53,1%, với tổng số tiền chi trả tương đương 23 tỷ đồng, giảm gần 25,2 tỷ đồng, tương đương giảm 52,2%; thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm và tư vấn học nghề cho 432 lượt lao động thất nghiệp.

Ngoài ra, UBND tỉnh Tiền Giang đã ban hành 5 quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho 237 người lao động không có hợp đồng lao động bị mất việc làm của huyện Gò Công Tây với tổng số tiền gần 356 triệu đồng; 3.634 người bán lẻ xổ số lưu động của huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và thị xã Cai Lậy với tổng số tiền 5.451 triệu đồng. Riêng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp nhận hồ sơ và đang phối hợp, đề nghị các ngành liên quan xem xét, có ý kiến hỗ trợ 16 người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động của 1 doanh nghiệp với tổng số tiền đề nghị hỗ trợ gần 64,4 triệu đồng./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

Phú Yên

Sản xuất công nghiệp tháng 8 giảm so với cùng kỳ năm trước

Tháng 8/2021, dịch Covid-19 bùng phát trên địa bàn tỉnh và diễn biến phức tạp, nhiều khu vực phải thực hiện cách ly, phong tỏa, một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phải dừng hoạt động do có các ca nhiễm, các doanh nghiệp còn lại phải giảm công suất hoạt động... Do đó, kết quả sản xuất công nghiệp tháng 8 giảm so với cùng kỳ năm trước.

Cụ thể, tháng 8 chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: Ngành công nghiệp khai khoáng giảm 35,2%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 6,3%. Một số sản phẩm giảm như: Kết nhựa các loại 4.500 kết, giảm 42,9%; trang in các loại 100 triệu trang, giảm 37,9%; đá xây dựng các loại 46.000 ngàn m³, giảm 34,4%; bia các loại 2.758 ngàn lít, giảm 26,5%; hải sản các loại 980 tấn, giảm 12,8%; xi măng các loại 5.820 tấn, giảm 10%; quần áo các loại 1.092 ngàn sản phẩm, giảm 8,5%; dăm gỗ các loại 14.500 tấn, giảm 7,1%; nước mắm các loại 1,7 triệu lít, giảm 3,2%; mây tre lá các loại 45 ngàn sản phẩm, giảm 2,2%; nước đá 53.500 tấn giảm 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, trong tháng 8 cũng ghi nhận ngành sản xuất, phân phối điện, hơi nước tăng 2,7%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 0,3%. Một số sản phẩm công nghiệp sản xuất trong tháng 8 tăng so với cùng kỳ như: Nhân hạt điều các loại 1.590 tấn,



tăng 0,8%; viên nén 635 m³, tăng 2,1%; ván lạng gỗ các loại 590 tấn, tăng 2,1%; nước uống được 1.180 ngàn m³, tăng 2,2%; chip điện tử 41 triệu sản phẩm, tăng 2,5%; điện sản xuất 180,1 triệu kwh, tăng 4,4%; phân bón các loại 3.500 tấn, tăng 7,5%; thuốc viên các loại 188 triệu viên, tăng 12,6%./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Phú Yên

Kon Tum

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 8 tháng tăng 11,63% so với cùng kỳ năm trước

Cục Thống kê tỉnh Kon Tum cho biết, 8 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,63% so với cùng kỳ năm trước. Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 13.632,154 tỷ đồng, chiếm 86,38% trong tổng số, tăng 11,29% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch đạt 1.294,102 tỷ đồng, chiếm 8,2% trong tổng số, tăng 8,13% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ khác đạt 855,606 tỷ đồng, chiếm 5,42% trong tổng số tăng 23,68% so với cùng kỳ năm trước./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Kon Tum

Lâm Đồng

Tháng 8 chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,08% so với tháng trước

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2021 giảm 0,08% so với tháng trước, tăng 2,66% so với cùng kỳ và tăng 1,57% so với tháng 12 năm trước; bình quân 8 tháng đầu năm 2021 tăng 1,86% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân CPI tháng 8 giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc lưu thông hàng hóa gặp nhiều khó khăn, phức tạp, hầu hết các chợ đầu mối và chợ truyền thống tại các tỉnh

tạm ngưng hoạt động nên khâu tiêu thụ hàng hoá trên địa bàn bị giảm sút. Thêm vào đó một số địa phương có nguồn cung các mặt hàng như thịt lợn, thịt gia cầm, rau, củ, quả... dồi dào nhưng tiêu thụ chậm giá cả giảm mạnh, tác động làm nhóm thực phẩm giảm. Ngoài ra do yếu tố tâm lý sợ phong tỏa, giãn cách, làm tăng sức mua hàng hoá để dự trữ trong thời gian giãn cách xã hội đã tác động tăng lên một số mặt hàng nhóm lương thực. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng so với tháng trước có 3 nhóm tác động giảm gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,56%; bưu chính viễn thông giảm 0,55%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,51%. Còn lại, có 8 nhóm tác động tăng từ 0,01%-0,63%, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình có mức tăng cao nhất là 0,63% so với cùng kỳ./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng

TP.Đà Nẵng

Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 13.547 tỷ đồng

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn TP.Đà Nẵng tính đến ngày 20/8/2021 đạt 13.547 tỷ đồng, bằng 93,0% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó, thu ngân sách Trung ương đạt 5.928 tỷ đồng; thu ngân sách địa phương đạt 7.618 tỷ đồng. Trong tổng thu ngân sách Nhà nước, thu nội địa đạt 10.567 tỷ đồng, bằng 82,4% so với cùng kỳ năm trước; thu từ hoạt động cân đối xuất, nhập khẩu đạt 2.759 tỷ đồng, tăng 82,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng chi ngân sách nhà nước sơ bộ trên địa bàn tính đến ngày 20/8/2021 đạt 19.504 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 8.790 tỷ đồng, tăng 30,7%; chi thường xuyên đạt 10.706 tỷ đồng, bằng 97,3% so với cùng kỳ năm trước./

Nguồn: Cục Thống kê TP.Đà Nẵng

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MƯỜNG LA: HẾT LÒNG VÌ NGƯỜI BỆNH

Mường La là một huyện nghèo của tỉnh Sơn La, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, để giúp người dân trên địa bàn được tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng, những năm qua, Bệnh viện đa khoa (BVĐK) huyện Mường La đã tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; đồng thời nêu cao tinh thần làm việc hết lòng vì người bệnh, xây dựng hình ảnh người cán bộ y tế thân thiện, tận tình, chu đáo.



Cán bộ BVĐK Mường La chung tay xây dựng Bệnh viện xanh sạch đẹp và an toàn

Với quan điểm lấy bệnh nhân là trung tâm, BVĐK huyện Mường La đã nỗ lực không ngừng nhằm tạo ra chuyển biến toàn diện về chất lượng khám chữa bệnh. Điểm thuận lợi là Bệnh viện luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của ngành Y tế, tỉnh Sơn La và huyện Mường La, được thụ hưởng các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm các máy móc, thiết bị y tế khá hiện đại như: máy siêu âm trong chẩn đoán hình ảnh và điều trị, máy XQuang kỹ thuật số,

máy xét nghiệm sinh hóa tự động, máy xét nghiệm huyết học lasez...

Hiện nay, quá trình xây dựng cơ sở mới vẫn đang diễn ra, Ban lãnh đạo Bệnh viện đã chủ động sửa chữa, cải tạo, mở rộng không gian khu nhà điều trị, xây dựng thêm nhà khoa Dinh dưỡng, nhà điều trị cho khoa Phụ sản và khoa Truyền nhiễm, xây dựng thêm khu nhà vệ sinh cho khu nội trú, cải tạo khuôn viên bệnh viện, mua sắm thêm giường bệnh, tủ đựng đồ, chăn, ga, gối, quần áo, quạt, ghế ngồi... để phục vụ

người dân tới khám, chữa bệnh cũng như chăm sóc người thân tốt hơn. Tuy nhiên, do xây dựng từ lâu nên cơ sở hiện tại đã không còn phù hợp. Vì vậy Tỉnh, Ngành cần quan tâm hơn nữa nhằm hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ xây dựng để người dân Mường La có cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế trong điều kiện tốt nhất.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn, Ban Giám đốc Bệnh viện đặc biệt quan tâm đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, coi đây là giải pháp quan trọng

quyết định đến sự phát triển của đơn vị. Trong 4 năm (từ 2017 - 2020), có hơn 75 cán bộ công chức viên chức được cử đi đào tạo dài hạn tại các trường đại học y dược với các lĩnh vực đào tạo từ chuyên khoa định hướng tới chuyên khoa sơ bộ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, dược... Bên cạnh đó, Bệnh viện tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn do Bộ Y tế, Sở Y tế tổ chức, thường xuyên tổ chức đào tạo lại cho cán bộ thông qua các buổi Bình bệnh án, đồng thời hỗ trợ đi học tập các bệnh viện tuyến trên bằng phương pháp cầm tay chỉ việc. Nhờ quá trình đào tạo, bồi dưỡng liên tục, nguồn nhân lực của Bệnh viện có sự thay đổi lớn về số lượng và chất lượng, tỷ lệ nhân lực có trình độ đại học và sau đại học ngày càng tăng, (số bác sĩ đến nay có 28 người). Đội ngũ nhân lực y tế không chỉ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng mà còn tận tâm với công việc và luôn sẵn sàng đảm nhận các khâu khó, việc mới bằng tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, Ban lãnh đạo Bệnh viện đẩy mạnh phong trào thi đua học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, bác sĩ nhân viên phải có thái độ ân cần, niềm nở, nhiệt tình và chu đáo với người bệnh. Hằng năm, Bệnh viện tổ chức ký cam kết giữa nhân viên y tế với Trưởng khoa/phòng và giữa Trưởng khoa/phòng với lãnh đạo Bệnh viện về việc thực hiện thay đổi phong cách, thái độ phục vụ.

Bên cạnh đó, Bệnh viện công khai số máy đường dây nóng và số máy trực (tại vị trí dễ nhìn nhất), sẵn sàng trả lời mọi thắc mắc của người bệnh 24/24h, bố trí các hòm thư góp ý tại các khoa phòng, qua đó lãnh đạo Bệnh viện kịp thời giải đáp các yêu cầu của người bệnh, phát hiện xử lý sai phạm và tuyên dương những hành động đẹp vì người bệnh. Bệnh viện cũng đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào các hoạt động như: Đầu tư hệ thống lấy số thứ tự khám tự động, trang bị máy tính mới cấu hình tốt, sử dụng phần mềm trong quản lý nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc, từ đó rút ngắn thời gian cho người bệnh khi đến làm thủ tục tới khi nhận được kê đơn. Để chia sẻ với người dân còn khó khăn trên địa bàn, Bệnh viện đã vận động các cá nhân, cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh hỗ trợ bữa ăn miễn phí cho người bệnh đến khám và điều trị nội trú tại Bệnh viện (đặc biệt là với đối tượng đã không còn những chế độ hỗ trợ của nhà nước); thường xuyên tổ chức các buổi khám, cho thuốc và tặng quà cho nhân dân các xã khó khăn trong huyện.

Với sự chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng trong 3 năm, đến nay, Bệnh viện đã triển khai tốt các kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế và 23 kỹ thuật mới (trong đó có 12 kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch phát hiện sớm ung thư). Một số dịch vụ kỹ thuật có hiệu quả cao như: mổ kết hợp gãy liên mấu chuyển xương đùi, mổ kết hợp xương gãy cổ xương tay; soi đốt cổ tử cung, nội soi tai, mũi họng, xét nghiệm dịch phát hiện ung thư sớm, siêu âm tuyến giáp, kéo dẫn cột sống bằng máy, cấy chỉ điều trị hen theo y học cổ truyền... Trong năm 2020, do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên tổng số lần khám bệnh tại Bệnh viện chỉ là 36.949 lượt người (đạt 91% kế hoạch) nhưng tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú đạt 13.306 lượt (vượt 6% kế hoạch) và công suất sử dụng giường bệnh đạt 156%, số bệnh nhân phải chuyển tuyến còn 800 người (giảm 20% so với kế hoạch). Kết quả này chính là sự ghi nhận những cố gắng của cán bộ, nhân viên y tế của Bệnh viện và khẳng định niềm tin của nhân dân trên địa bàn với công tác khám, chữa bệnh tại BVĐK huyện Mường La ngày một nâng lên./

Trịnh Long



Các trang thiết bị hiện đại được đầu tư giúp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh

Cùng với sự phục hồi của các nền kinh tế sau tác động lớn của đại dịch, lạm phát đã gia tăng mạnh ở nhiều nước trên thế giới, ghi nhận những kỷ lục trong nhiều năm. Tuy nhiên, các quan chức ngân hàng trung ương, các nhà hoạch định chính sách cho rằng, lạm phát cao chỉ mang tính tạm thời và kiên định các biện pháp hỗ trợ cho đến khi nền kinh tế phục hồi hoàn toàn.



THẾ GIỚI ĐỐI MẶT VỚI LẠM PHÁT TOÀN CẦU TĂNG MẠNH

Tiến Long

Lạm phát tăng mạnh trên khắp thế giới

Những số liệu lạm phát được công bố gần đây cho thấy áp lực tăng giá cả trên phạm vi toàn cầu ngày càng lớn. Các nhà quan sát và hoạch định chính sách đều có chung nhận định, lạm phát đang đang có xu hướng ngày càng tăng mạnh trên khắp thế giới.

Trong tháng 6/2021, lạm phát Mỹ tiếp tục tăng mạnh nhất trong 13 năm khi mà quá trình phục hồi của kinh tế Mỹ tính từ sau đại dịch Covid-19 tăng tốc và nhu cầu người tiêu dùng tăng cao, đẩy hàng loạt chi phí từ thuê

xe ô tô, vé máy bay hay nhiều loại hàng hóa dịch vụ khác tăng cao chóng mặt.

Theo Wall Street Journal, Bộ Lao động Mỹ công bố, chỉ số giá tiêu dùng tại Mỹ tháng 6/2021 tăng 0,9% so với tháng trước, mức tăng mạnh nhất trong một tháng và tăng 5,4% so với cùng kỳ năm ngoái, mức cao nhất trong khoảng 13 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng lõi, loại bỏ giá thực phẩm và năng lượng, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

Người tiêu dùng tại Mỹ đang buộc phải chứng kiến tình trạng giá cả tăng cao vì nhiều lý do trong quá trình kinh tế Mỹ hồi phục.

Chuyên gia kinh tế trưởng tại Regions Financial Corp, ông Richard F. Moody khẳng định, động lực chính của lạm phát tháng 6/2021 chính là nhu cầu vượt quá nguồn cung và doanh nghiệp chật vật đáp ứng với diễn biến mới.

Một yếu tố khác, chính là giá vé máy bay, khách sạn, thuê xe ô tô, dịch vụ giải trí tăng rất mạnh. Những loại hình dịch vụ này từng chịu tác động nặng nề khi đại dịch Covid-19 căng thẳng. Ông Moody phân tích: "Nhu cầu đang tăng quá nhanh, nhiều doanh nghiệp đang đưa giá trở lại ngưỡng bình thường như trước đại dịch".

Việc giá cả tăng cao phản ánh nhu cầu tiêu dùng tăng chóng mặt khi quá trình tiêm vắc xin Covid-19 được triển khai nhanh, nhiều biện pháp hạn chế kinh doanh được gỡ bỏ, cùng lúc đó, người dân có tiền chi tiêu nhờ vào hàng nghìn tỷ USD tiền hỗ trợ từ liên bang. Việc lạm phát Mỹ không ngừng tăng cao trong thời gian gần đây không khỏi khiến nhiều người tranh luận về khả năng liệu nước Mỹ có đang bước vào thời kỳ lạm phát tăng rất mạnh kiểu như thời kỳ thập niên 1970.

Cũng tại châu Mỹ, theo báo cáo của Cơ quan Thống kê Canada, tỷ lệ lạm phát của nước này đã tăng lên 3,6% trong tháng 5/2021, mức cao nhất trong một thập niên. Nguyên nhân chính dẫn đến lạm phát tăng mạnh là do chi phí sinh hoạt, thực phẩm, năng lượng và hàng tiêu dùng đều tăng cao hơn so với bình thường.

Còn theo số liệu mới nhất của Cơ quan Thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat), lạm phát của Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục gia tăng trong tháng 5/2021, lên mức 2,3%, so với mức 2% trong tháng 4/2021. Theo Eurostat, giá năng lượng tăng đột biến và nhiều dịch vụ đắt đỏ hơn đã thúc đẩy lạm phát giá tiêu dùng tại châu Âu.

Đáng chú ý, tỷ lệ lạm phát của Đức - nền kinh tế lớn nhất EU - trong tháng 5/2021 đã tăng lên mức cao nhất trong một thập niên, do giá nhiên liệu tăng lên và những hiệu ứng chỉ xảy ra một lần liên quan đến đại dịch Covid-19. Cơ quan Thống kê Liên bang Đức (Destatis) cho biết, giá tiêu dùng tại nền kinh tế hàng đầu châu Âu này tăng 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng khoảng 0,5% so với tháng 4/2021, khi kinh tế Đức phục hồi sau đợt bùng phát dịch Covid-19.



Tại Anh, số liệu chính thức cho thấy, lạm phát hàng năm ở mức 2,5% trong tháng 6/2021, cao hơn mục tiêu của Ngân hàng trung ương (BoE) đặt ra trước đó, trong bối cảnh nền kinh tế mở cửa trở lại theo từng giai đoạn khiến giá hàng hóa, cũng như giá nhiên liệu động cơ và giá dầu tăng vọt.

Ở châu Á, lạm phát tiêu dùng của Hàn Quốc trong tháng 6/2021 vẫn gần mức "đỉnh" của 9 năm và ở mức trên 2% trong tháng thứ ba liên tiếp, làm gia tăng sức ép lên các nhà hoạch định chính sách phải tăng lãi suất sớm hơn dự kiến. Theo số liệu thống kê chính thức của Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK), giá tiêu dùng tại nước này tăng 2,4% trong tháng 6/2021, so với mức tăng 2,6% trong tháng 5/2021, mức tăng nhanh nhất kể từ tháng 4/2012.

Tại Trung Quốc, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê Trung Quốc (NBS), chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 5 của nước này tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái, mạnh nhất kể từ tháng 9/2008. Không chỉ vượt xa mức tăng 6,8% ghi nhận trong tháng 4, mức tăng này còn cao hơn mức

dự báo tăng 8,5% mà giới phân tích đưa ra trước đó. NBS cho biết, PPI tăng mạnh trong tháng 5 chủ yếu do sự tăng giá dầu thô, quặng sắt, thép và các kim loại khác.

Tại Mỹ Latinh, Chính phủ Brazil cho biết, tỷ lệ lạm phát của nước này trong tháng 5/2021 đã đạt mức 8%, mức cao nhất theo tháng kể từ năm 2016, tiếp tục vượt mức trần của mục tiêu 5,25% mà ngân hàng trung ương nước này đưa ra trước đó. Các nước trong khu vực như Brazil mất nhiều năm đương đầu với siêu lạm phát, còn các nước khác như Argentina vẫn đang phải đối mặt với lạm phát ở mức hai con số.

Các ngân hàng trung ương sẽ đối phó như thế nào?

Theo giới chuyên gia kinh tế, việc giá cả tăng mạnh tại Mỹ được cho là hệ quả tất yếu khi nền kinh tế nước này bắt đầu phục hồi từ trạng thái suy giảm trong năm 2020 do tác động của các biện pháp hạn chế nhằm ngăn chặn dịch bệnh, dẫn tới đình trệ các hoạt động kinh doanh và tiêu dùng. Bộ trưởng Tài chính Mỹ Janet Yellen cho rằng, giá cả có thể tiếp tục tăng trong vài tháng tới,



nhưng vẫn nhận định lạm phát cao chỉ là tạm thời và sẽ giảm dần, quay trở lại ngưỡng bình thường trong trung hạn.

Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell cho biết, lạm phát ở nước này sẽ vẫn ở mức "cao" trong những tháng tới, nhưng sẽ giảm khi các nút thắt về nguồn cung và các vấn đề khác được giải quyết. Trong phiên điều trần trước Quốc hội, ông Powell cũng cho rằng, nền kinh tế lớn nhất thế giới này vẫn còn "một chặng đường dài phía trước" để trở lại trạng thái bình thường sau đại dịch Covid-19. Vì vậy, Fed đảm bảo rằng chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục hỗ trợ mạnh mẽ cho đến khi nền kinh tế phục hồi hoàn toàn.

Trong khi đó, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), Christine Lagarde cho biết, lạm phát cao hơn ở Eurozone gần đây chủ yếu là do "các yếu tố tạm thời" liên quan đến đại dịch và ECB sẽ không sớm thắt chặt chính sách tiền tệ siêu lỏng. Trong cuộc họp báo vào tháng 7/2021, bà Lagarde đã đề cập đến mục tiêu lạm phát mới của ECB sẽ "đơn giản" và "cân đối" hơn. Điều này đồng nghĩa ECB

sẽ cho phép lạm phát tạm thời cao hơn hoặc thấp hơn mức mục tiêu trước khi có hành động can thiệp. Theo đó, ECB đã giữ nguyên chính sách kích thích kinh tế quy mô lớn cho Eurozone, nhấn mạnh việc cần tiếp tục hỗ trợ khu vực này để đạt được mục tiêu lạm phát mới do ngân hàng trung ương đề ra.

Tại Anh, ông Richard Hughes, Chủ tịch Văn phòng Trách nhiệm Ngân sách (OBR), cơ quan giám sát tài chính công tại Anh mới đây nhận định, lạm phát tăng được cho là hiện tượng tạm thời do sự điều chỉnh để nền kinh tế trở lại các mức hoạt động bình thường. OBR cũng không kỳ vọng đà tăng lạm phát sẽ duy trì trong thời gian dài.

Ủy ban Chính sách tiền tệ của Anh (BoE) cho biết chưa có ý định thắt chặt chính sách tiền tệ, ít nhất cho đến khi có bằng chứng rõ ràng về những tiến bộ đáng kể của nền kinh tế và đạt được mục tiêu lạm phát 2% một cách bền vững.

Tại Mỹ Latinh, các ngân hàng trung ương khu vực đang chịu sức ép lớn hơn trong việc tăng lãi suất. Các ngân hàng trung ương Brazil và Mexico, hai nền kinh tế lớn nhất

khu vực, đã tăng lãi suất. Tại Brazil, vào đầu tháng 5/2021, Ngân hàng trung ương nước này đã nâng lãi suất lần thứ hai trong năm 2021 lên mức 3,5% nhằm kiểm chế lạm phát, trong bối cảnh nền kinh tế lớn nhất Mỹ Latinh bị đại dịch Covid-19 tàn phá. Động thái trên đã cho thấy mức độ cảnh báo về lạm phát đối với các nhà hoạch định chính sách trong khu vực.

Sức ép lạm phát tại Mỹ Latinh đối nghịch với các nền kinh tế mới nổi ở châu Á, nơi các ngân hàng trung ương phần lớn vẫn chưa hành động, khi nhu cầu yếu trong lúc các nền kinh tế đang nỗ lực phục hồi sau những tác động của đại dịch.

Hàn Quốc được cho là quốc gia châu Á đầu tiên rút dần các chính sách kích thích tiền tệ được triển khai trong giai đoạn dịch bệnh và bắt đầu bình thường hóa việc nới lỏng chính sách. Thống đốc ngân hàng Hàn Quốc (BoK) Lee Ju-yeol cho biết, ngân hàng này sẽ bắt đầu bình thường hóa chính sách nới lỏng tiền tệ vào cuối năm 2021.

Có thể nói, hầu hết các ngân hàng trung ương lớn vẫn tin tưởng rằng bất kỳ sự gia tăng lạm phát nào trong năm 2021 sẽ chỉ là tạm thời và dễ dàng được chế ngự mà không cần phải thắt chặt chính sách đáng kể. Tuy nhiên, sự tăng giá hàng hóa trên diện rộng không chỉ là một khoảnh khắc nhất thời và có nhiều thứ đang trở nên khó kiểm soát hơn. Vì vậy, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã đưa ra cảnh báo, lạm phát hoàn toàn có thể kéo dài hơn dự kiến, không đơn thuần chỉ là một hiện tượng tạm thời, đồng thời, thúc giục các ngân hàng trung ương phải chuẩn bị những biện pháp để đối phó với nguy cơ lạm phát đang ngày càng gia tăng./.

KỶ VỌNG PHỤC HỒI KINH TẾ CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á BỊ CHẶN ĐỨNG BỞI COVID-19

Làn sóng Covid-19 cần quét khu vực Đông Nam Á, đang chặn đứng kỳ vọng về sự phục hồi kinh tế của các quốc gia trong khu vực. Mới đây nhiều tổ chức, chuyên gia kinh tế đã đưa ra những nhận định sự tụt dốc của các nền kinh tế khu vực Đông Nam Á trước 'bóng ma' Delta. Ví dụ như, Ngân hàng ANZ hạ dự báo về tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2021 của ASEAN-6 (gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam) từ mức 4,6% trước đó xuống còn 3,9%. Đại diện của Hội đồng Doanh nghiệp Liên minh châu Âu (EU)-ASEAN cũng cho rằng những hy vọng về sự phục hồi trong năm 2021 của ASEAN đang tắt dần do số ca mắc Covid-19 mới gia tăng, nhiều quốc gia phải tái áp đặt các biện pháp phong tỏa và hạn chế đi lại trên phạm vi rộng và việc triển khai tiêm vaccine ngừa Covid-19 diễn ra khá chậm trong phần lớn khu vực. Cuối tháng 7 vừa qua, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hạ dự báo tăng trưởng năm 2021 của các nền kinh tế mới nổi châu Á, trong đó, nhóm 5 nền kinh tế đang phát triển lớn nhất trong ASEAN (gồm: Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam) bị hạ dự báo tăng trưởng 0,6 điểm phần trăm, còn 4,3%.



Tại Thái Lan, theo dữ liệu của Văn phòng Hội đồng Phát triển Kinh tế và Xã hội Quốc gia Thái Lan (NESDC), do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, năm 2020, tổng giá trị quốc nội (GDP) của Thái Lan giảm 6,1% so với năm 2019. Đây là mức suy giảm mạnh nhất trong hơn 20 năm qua do ngành du lịch và xuất khẩu bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch. Đúng như dự báo trước đó của NESDC là các ngành kinh tế sẽ phục hồi trong năm tiếp theo, trong 6 tháng đầu năm 2021, nền kinh tế nước này đã có những tín hiệu khởi sắc, thể hiện rõ nét nhất ở các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và xuất khẩu. Theo Thương vụ Việt Nam tại Thái Lan,

tính riêng trong quý 2/2021, chỉ số sản xuất công nghiệp nước này tăng trung bình 20,41% và nửa đầu năm 2021 tăng trung bình 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Sản xuất hồi phục giúp xuất khẩu của Thái Lan trong tháng 6/2021 đạt kim ngạch 23,7 tỷ USD, tăng 43,82%, cao nhất trong 11 năm qua. Trong quý 2/2021, GDP Thái Lan tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Tuy nhiên những kỳ vọng nền kinh tế phục hồi dường như đã bị chặn đứng bởi sự lây lan của biến thể Delta đã khiến tình hình dịch bệnh Covid-19 tại nước này trở nên trầm trọng nhất từ trước tới nay, với số ca mắc mới và tử vong

liên tục tăng lên những mức cao mới. Vào thời điểm giữa tháng 8/2021, số ca nhiễm mới ở xứ sở chùa vàng liên tục ở mức 20.000 ca mỗi ngày. Từ giữa tháng 7/2021, Thủ đô Bangkok và nhiều tỉnh thành tại Thái Lan đã bị phong tỏa và lệnh phong tỏa kéo dài đến tới cuối tháng 8/2021 do số ca bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục tăng cao. Dịch bệnh đã tác động lớn đến ngành công nghiệp trên diện rộng và được cho là sẽ đẩy nền kinh tế Thái Lan vào cuộc suy thoái kép trong quý 3/2021. Ngày 16/8, NESDC đã phải điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng kinh tế quốc gia năm 2021 xuống mức dao động trong khoảng từ 0,7-1,2%. Bên cạnh đó, theo cuộc khảo sát do Bloomberg thực hiện, trong bối cảnh số ca nhiễm mới và tử vong liên tục lập đỉnh mới, hy vọng về sự hồi sinh của ngành du lịch ngày càng giảm cùng những căng thẳng chính trị leo thang, nhiều nhà kinh tế cũng đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế cả năm của Thái Lan chỉ còn 1,8%, mức tăng cực kỳ thấp so với năm ngoái. Tốc độ tăng trưởng GDP Thái Lan thậm chí còn được nhận định là sẽ yếu nhất ở khu vực ASEAN trong cả năm nay và năm 2022.

Năm 2020 cũng là năm chứng kiến nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á Indonesia lần đầu tiên suy giảm sau hơn 20 năm kể từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1998 với GDP giảm 2,07%. Ngày 5/8, Cơ quan Thống kê Trung ương Indonesia (BPS) cho biết kinh tế Indonesia đã “hồi sinh” trở lại và có mức tăng trưởng 7,07% trong quý 2/2021 so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mức dự báo 6,75% mà Ngân hàng trung ương Indonesia đưa ra trước đó, nhờ gia tăng hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu khi các đối tác

thương mại của Indonesia tích cực nối lại hoạt động kinh doanh. Tham tán thương mại Việt Nam cũng cho biết, tổng vốn đầu tư vào nền kinh tế Indonesia trong quý 2/2021 tăng 16,2%, đạt 223 nghìn tỷ Rp (tương đương 15,7 tỷ USD), trong đó vốn đầu tư nước ngoài chiếm 52,4% tổng vốn đầu tư với 116,8 nghìn tỷ Rp (8,23 tỷ USD), tăng 4,5% so với quý 1/2021 và 19,6% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù vậy, tình hình thực tế cho thấy, Indonesia vẫn đang chìm trong đợt bùng phát mới của dịch Covid-19 do biến thể Delta gây ra, nhiều khu vực đã phải triển khai “Giới hạn hoạt động công đồng khẩn cấp” trong khi hệ thống y tế đã rơi vào trạng thái quá tải và có nguy cơ sụp đổ. Theo cập nhật của trang Worldometers về tổng số ca nhiễm ở các nước Đông Nam Á, tính đến ngày 16/8, Indonesia đã ghi nhận hơn 3,87 triệu ca nhiễm và hơn 100.000 ca tử vong do Covid-19, trong đó có hàng nghìn ca là nhân viên y tế. Dù đã vượt qua đỉnh dịch ngày 18/7 có số ca nhiễm lên tới 45.000 ca nhiễm trong ngày, song hiện số ca nhiễm mới mỗi ngày trong tháng 8 của Indonesia vẫn khá cao, vào khoảng 20.000 ca. Do đó các nhà phân tích cảnh báo tín hiệu phục hồi này có thể chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, thể hiện qua động thái hạ dự báo tăng trưởng của hàng loạt các tổ chức. Cụ thể, ngày 8/7, Chính phủ Indonesia đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế quốc gia trong năm 2021 từ mức 4,5-5,3% xuống còn 3,7-4,5%. Trong Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới, bản cập nhật tháng 7/2021, Quỹ Tiền tệ quốc tế-IMF cũng cắt giảm dự báo tăng trưởng kinh tế của Indonesia trong năm nay xuống còn 3,9% từ mức 4,3% của dự báo trước đó. Giữa tháng 7/2021,

cơ quan xếp hạng quốc tế Fitch Ratings đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Indonesia từ 5,3% xuống 4,8% trong năm 2021 vì những rủi ro do sự gia tăng đột biến các ca mắc Covid-19 thời gian gần đây.

Một nền kinh tế khác trong khu vực cũng chưa thể vượt khỏi bóng đen u ám là Malaysia. Trong 6 tháng đầu năm 2021, kinh tế Malaysia tăng trưởng 7,8%, tính riêng quý 2/2021 đạt 16,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Một dấu hiệu khác cho thấy sự hồi phục kinh tế Malaysia là xuất khẩu của nước này trong tháng 6/2020 tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2020 và mức thặng dư thương mại tăng lên con số kỷ lục trong tháng 6/2020 nhờ xuất khẩu hàng điện tử đạt mức cao nhất trong 20 tháng qua. Thế nhưng đà phục hồi này sớm bị gián đoạn bởi diễn biến dịch tại Malaysia đang diễn ra theo chiều hướng phức tạp hơn khi số ca nhiễm mới không ngừng tăng, chạm tới ngưỡng mới là 20.000 ca mỗi ngày, thậm chí biến chủng Delta còn len lỏi trong Quốc hội nước này. Điều này khiến chính phủ Malaysia phải áp dụng lệnh phong tỏa toàn diện trong thời gian dài. Trước tình hình đó, Ngân hàng Trung ương Malaysia (BNM) đã quyết định hạ dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2021 từ mức 6-7,5% trước đó xuống còn 3-4%. Ngày 13/8 vừa qua, hãng xếp hạng tín dụng Fitch Solutions cũng hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Malaysia từ 4,9% xuống 0%.

Tại Việt Nam, tiếp đà phát triển ấn tượng đã đạt được của năm 2020, tình hình kinh tế trong 6 tháng đầu năm nay đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận nhờ sự nỗ lực thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”. Theo số liệu



Tổng cục Thống kê, GDP 6 tháng đầu năm 2021 của Việt Nam tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020; giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 ước tính tăng 8,91% so với cùng kỳ năm trước. Tuy vậy, cũng giống như các quốc gia trong khu vực, Việt Nam đang phải gồng mình chống chọi với sự bùng phát của đợt dịch lần thứ 4 với biến thể Delta. Kể từ đầu tháng 8 đến nay, mỗi ngày Việt Nam ghi nhận gần 10.000 ca nhiễm mới. Trước sự lây lan mạnh mẽ của biến chủng Delta, nhiều hàng chục tỉnh, thành phố đã phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội cao nhất theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đặc biệt đợt dịch lần này đã tấn công mạnh vào các khu công nghiệp khiến cho hoạt động sản xuất trong nước bị gián đoạn, dẫn đến nguy cơ làm suy yếu đà phục hồi kinh tế mà Việt Nam đang có được.

Nếu như đầu quý 2/2021, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VERP) dự báo lạc quan về triển vọng kinh tế Việt Nam năng động trở lại, GDP năm 2021 đạt khoảng 6 - 6,3% với giả định Việt Nam chưa thể mở cửa du lịch hoàn toàn, tiếp tục duy trì xuất khẩu ấn tượng,

thì tới nay trước tình hình bệnh dịch đang diễn biến khó lường, vào tháng 7, VERP hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2021 so với các báo cáo trước. Cụ thể là nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát cuối quý 3/2021; tiêm chủng được triển khai nhanh chóng, GDP Việt Nam sẽ chỉ đạt 4,5 - 5,1%; giảm từ 1-1,5% so với dự báo trước đó. Cũng trong tháng 7 vừa qua, Standard Chartered và ADB đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 2021, giảm lần lượt 0,2 và 0,9 điểm phần trăm so với trước.

Vẫn chưa thoát khỏi những sóng gió trong năm 2020, quý 1/2021, nền kinh tế Philippine tiếp tục sụt giảm nhiều hơn dự kiến với mức giảm GDP là 4,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các ngành kinh tế chính là nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp giảm lần lượt là 1,2%; 4,4% và 4,7%. Tuy nhiên, nhờ việc mở cửa lại nền kinh tế một cách an toàn, thực hiện các biện pháp phục hồi, tăng tốc triển khai chiến dịch tiêm chủng vắc xin và sự phục hồi trong hoạt động xây dựng, chỉ tiêu tiêu dùng, nền kinh tế Philippine ghi nhận tín hiệu đảo chiều tích cực. Cơ quan thống kê Philippines cho biết,

GDP của nước này trong quý 2/2021 đã tăng 11,8% so với cùng kỳ năm ngoái, sau 5 quý giảm liên tiếp trước đó, và là mức tăng trưởng cao nhất trong hơn 30 năm qua. Thế nhưng kỳ vọng này lại sớm bị dập tắt khi mỗi ngày quốc gia này ghi nhận thêm hơn 10.000 ca nhiễm mới do biến thể Delta, khiến Chính phủ phải phê chuẩn áp đặt các biện pháp phong tỏa tại vùng thủ đô Manila nhằm ngăn chặn dịch bệnh và bảo vệ hệ thống y tế của nước này. Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (WEO) được công bố vào cuối tháng 7/2021, Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF đã hạ dự báo tăng trưởng của Philippines 1,5 điểm phần trăm, xuống còn 5,4%.

Được đánh giá là có thành tích tốt trong công tác phòng chống dịch và là một trong những quốc gia an toàn trên thế giới song làn sóng dịch bệnh thứ ba bất ngờ xảy ra với "sự cố cộng đồng ngày 20/2/2021" đang khiến tình hình kinh tế - xã hội Campuchia điều đứng. Với hàng trăm ca nhiễm mới mỗi ngày, hệ thống y tế bị khủng hoảng, Chính phủ Campuchia đã phải ban hành thông tư điều chỉnh chi tiêu ngân sách năm 2021 do các biện pháp phong tỏa



phòng chống dịch Covid-19 tại một số khu vực đã ảnh hưởng chung đến khung ngân sách quốc gia năm nay. Theo đó, Chính phủ Campuchia xem xét lại một số khoản chi trong kế hoạch để tiết kiệm ngân sách, chuyển cho quỹ xử lý các vấn đề cần ưu tiên trong cuộc chiến chống Covid-19 và giảm bớt tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với nền kinh tế và xã hội. Ngoài Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, một số cơ quan hành chính dưới cấp quốc gia và các sở trực thuộc tỉnh và thành phố chuyên trách phòng chống Covid-19 thì các bộ, cơ quan nước này được yêu cầu giảm chi ngân sách ít nhất 50%, đồng thời giảm chi vốn ngân sách nhà nước bằng cách hoãn giải ngân 11% gói tín dụng đối ứng. Việc ban hành thông tư trên là cần thiết giúp duy trì ổn định đời sống người dân, đặc biệt là những gia đình nghèo và dễ bị tổn thương.

So với nhiều nước trong khu vực, tình hình dịch bệnh tại Lào có phần dịu hơn khi chỉ có trung bình 200 ca nhiễm mới mỗi ngày. Mặc dù vậy, nền kinh tế nước này vẫn đang trên đà giảm tốc, một phần nguyên nhân là do lạm phát gia tăng, nguồn cung hàng hóa

hạn chế, chi phí vận chuyển hàng hóa gia tăng. Theo Số liệu của Viện Khoa học Kinh tế và Xã hội (thuộc Bộ Công Thương Lào), trong 5 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ lạm phát trung bình của nước này là 2,66%, mặc dù con số này vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái nhưng đang có xu hướng gia tăng. Bên cạnh đó, nguồn thu ngân sách cũng giảm, trong sáu tháng đầu năm 2021 chỉ đạt 11.005 tỷ kip (1,15 tỷ USD), tương đương 40% kế hoạch của cả năm, trong đó, thu nội địa chỉ đạt 9.900 tỷ kip, bằng 40% kế hoạch do sự sụt giảm lượng du khách ngoài nước, đầu tư nước ngoài và phí sử dụng không phận. Bộ Tài chính Lào dự báo thu ngân sách năm 2021 của nước này sẽ không đạt chỉ tiêu, ước chỉ đạt 23.600 tỷ kip, tương đương 86% kế hoạch năm, khiến thâm hụt ngân sách của Lào sẽ tăng từ 2,17% GDP lên 4,33% GDP.

Từng là nền kinh tế hấp dẫn trong khu vực ASEAN, thế nhưng Myanmar đang là mối quan ngại lớn nhất khi nền kinh tế đang trên đà rơi tự do bởi tác động kép của dịch bệnh và những bất ổn chính trị. Tại quốc gia này, mỗi ngày cũng ghi nhận hàng nghìn ca nhiễm mới trong khi các cuộc biểu tình chống chính quyền quân sự trên khắp cả nước liên tục diễn ra. Điều này khiến cho dịch vụ y tế, giáo dục, tài chính và kinh doanh quan trọng đã bị gián đoạn, các chi nhánh ngân hàng đóng cửa, nhân viên chính phủ đình công, công nhân nhà máy bỏ việc, trong khi các công ty nước ngoài rút hoạt động tại Myanmar. Thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng, các hạn chế về hậu cần, vận tải, hoạt động đầu tư mới và khiến lượng đơn đặt hàng nhà máy mới bị suy giảm.

Giá trị xuất nhập khẩu sụt giảm đáng kể. Một báo cáo cho thấy, hơn một nửa số công ty được hỏi đã trải qua tình trạng thiếu hụt dòng tiền vào tháng 6/2021, buộc gần 40% công ty phải dựa vào các khoản vay từ gia đình và bạn bè như một nguồn tài chính chủ yếu.

Dự báo trong tháng 6 của Fitch Solutions, một chi nhánh của nhóm xếp hạng tín dụng toàn cầu ước tính, kinh tế Myanmar sẽ giảm 20% trở lên trong năm tài chính tính đến ngày 30/9. Còn theo World Bank, nền kinh tế Myanmar dự kiến sẽ giảm 18% trong năm nay. Mặc dù các ngân hàng mở cửa trở lại và Ngân hàng Trung ương Myanmar nhiều lần can thiệp vào thị trường tiền tệ nhưng tiền mặt vẫn tiếp tục thiếu hụt. Viễn cảnh lạm phát sẽ tăng tốc đáng kể trong nửa cuối năm, do các yếu tố như giá lương thực có khả năng tăng mạnh ở các khu vực thâm hụt lương thực của đất nước. Một số nhà kinh tế thậm chí còn cảnh báo rằng, lạm phát nước này có thể lên tới hai con số trong vòng vài tháng tới.

Trái ngược với các quốc gia trên thì nền kinh tế của các quốc gia còn lại trong khu vực lại duy trì được sự ổn định, đặc biệt là Singapore có đà phục hồi ấn tượng nhờ có những sự điều chỉnh về chiến lược tiêm vắc xin một cách kịp thời và hợp lý để đẩy nhanh tốc độ tiêm chủng trên toàn quốc.

Có thể nói năm 2021 là một năm đầy khó khăn đối với các nước trong khu vực ASEAN. Hy vọng rằng, các quốc gia nhanh chóng kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, các nền kinh tế sớm ổn định trở lại để đưa ASEAN trở lại vị trí một trong những khu vực phát triển kinh tế năng động nhất trên thế giới./.

P.V (tổng hợp)

CỤC THU THẬP DỮ LIỆU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THỐNG KÊ

THÔNG BÁO TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Tổng chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2021 của Cục TTDL là 41 chỉ tiêu, chi tiết về số lượng, chỉ tiêu tuyển dụng theo vị trí của từng đơn vị chi tiết như sau:

TT	Vị trí tuyển dụng	Chỉ tiêu	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị
1	Công nghệ thông tin	16	Viên chức công nghệ thông tin hạng III	Trung tâm Tin học thống kê khu vực I
		9	Viên chức công nghệ thông tin hạng III	Trung tâm Tin học thống kê khu vực II
		2	Viên chức công nghệ thông tin hạng IV	Trung tâm Tin học thống kê khu vực II
		5	Viên chức công nghệ thông tin hạng III	Trung tâm Tin học thống kê khu vực III
2	Tổ chức, hành chính, tổng hợp	1	Chuyên viên	Trung tâm Tin học thống kê khu vực II
		1	Cán sự	Trung tâm Tin học thống kê khu vực II
		1	Chuyên viên	Trung tâm Tin học thống kê khu vực III
3	Kế toán	1	Kế toán viên	Trung tâm Tin học thống kê khu vực II
		1	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Tin học thống kê khu vực II
		1	Kế toán viên	Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ thống kê
4	Văn thư, thủ quỹ	1	Cán sự	Trung tâm Tin học thống kê khu vực II
5	Tư vấn dịch vụ	1	Chuyên viên	Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ thống kê
6	Thư viện	1	Thư viện viên hạng III	Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ thống kê
	Tổng cộng	41		

Ghi chú: Địa chỉ cụ thể của từng đơn vị như sau:

- Trung tâm Tin học thống kê khu vực I: Số 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Trung tâm Tin học thống kê khu vực II: Số 54A Nơ Trang Long, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Tin học thống kê khu vực III: Số 571 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.
- Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ thống kê: Số 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Thông tin cụ thể liên quan đến kỳ tuyển dụng thí sinh liên lạc theo địa chỉ:

CỤC THU THẬP DỮ LIỆU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THỐNG KÊ.

Địa chỉ: Tầng 12A, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Email: vanphongCucTTDL@gso.gov.vn; thanhvt@gso.gov.vn.

Điện thoại liên hệ:

Hà Nội: 024. 73046666, máy lẻ 1996, 1928;

Đà Nẵng: 0236. 3737571; 0905.268.357;

Thành phố Hồ Chí Minh: 028. 35515433; 093.790.3638./.